

Số: 1855/BC-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2021

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1. Thông tin chung về trường

Tên trường : Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.
Tên tiếng Anh : Nha Trang College of Technology.
Cơ quan chủ quản : Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
Địa chỉ trường :

Trụ sở chính mới (Cơ sở 1): Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Trụ sở chính cũ (Cơ sở 1): 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Cơ sở 2: Trung tâm GDNN Nha Trang:

- Số 298 Thống Nhất, thành phố Nha Trang;
- 184 Dã Tượng, phường Vĩnh Nguyên, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Cơ sở 3: Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô-cơ giới, thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang;

Cơ sở 4: Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, thôn Tân Xương, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

Số điện thoại : 0258.3881139; Fax: 0258.3882333

Email : cdkctn@khanhhoa.gov.vn

Website : <http://www.cdkctnnt.edu.vn>

Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên : 1962
- Năm nâng cấp thành trường cao đẳng : 31/01/2007
- Năm đổi tên trường : 15/9/2017

Loại hình trường: Công lập ; Tư thục

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

2.1. Lịch sử phát triển

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được đổi tên theo Quyết định số 1469/QĐ-BLĐT BXH ngày 15/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được thành lập theo Quyết định số 192/QĐ-BLĐT BXH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Tiền thân là Trường Trung học Kỹ thuật Nha Trang được thành lập từ năm 1962. Quá trình trưởng thành và phát triển nhà trường đã qua nhiều lần đổi tên là: Công nhân kỹ thuật Khánh Hòa, Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Khánh Hòa, Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang và hiện nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường là đào tạo nguồn nhân lực trực tiếp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp phục vụ cho sự phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung bộ.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là một trong 45 trường được đầu tư thành trường chất lượng cao đến 2020 theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, trường có 7 nghề trọng điểm: 4 cấp độ quốc tế, 2 cấp độ khu vực ASEAN và 1 cấp độ quốc gia theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐT BXH ngày 25/11/2019 của Bộ LĐTB và XH về việc phê duyệt ngành, nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến 2025. Nhà trường đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế, thụ hưởng các dự án ODA đầu tư về thiết bị đào tạo. Nhiều nhà giáo, CBQL tham gia học tập, bồi dưỡng tại các nước Germany, Malaysia, Australia, Vương quốc Anh. Năm 2019, trường được lựa chọn là 1 trong 10 trường của cả nước được hỗ trợ về đào tạo nghề xanh, các kỹ năng và công nghệ xanh sẽ được áp dụng tại trường trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Phát triển Việt - Đức. Theo đó 2 CBGV được cử tham gia khóa tập huấn tại CHLB Đức và dự kiến triển khai áp dụng nội dung đào tạo nghề xanh, các kỹ năng và công nghệ xanh vào chương trình đào tạo kể từ năm học 2019-2020.

2.2. Một số thành tích nổi bật

Trong hơn 59 năm hình thành và phát triển, nhà trường đã từng bước vươn lên để trở thành trường chất lượng cao của cả nước theo quyết định 761/QĐ-TTg ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ; đạt được nhiều thành tích trong những năm qua và nổi bật trong những năm trở lại đây. Ghi nhận những thành tích đó, Đảng và Nhà nước đã tặng thưởng cho trường nhiều hình thức khen thưởng cao quý góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cụ thể như sau:

- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước 2015;
- Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước 2020;
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 02 tập thể;
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ: 02 cá nhân;
- Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước: 02 cá nhân;
- 02 Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ về hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác các năm 2016, 2017;
- Cờ thi đua của Bộ trưởng Bộ LĐTB-XH về dẫn đầu công tác tuyển sinh khu vực Nam trung bộ và Tây Nguyên từ năm 2010-2014; Cờ thi đua xuất sắc của Bộ

trưởng Bộ LĐTB-XH về dẫn đầu phong trào thi đua trong công tác giáo dục nghề nghiệp năm học 2014-2015;

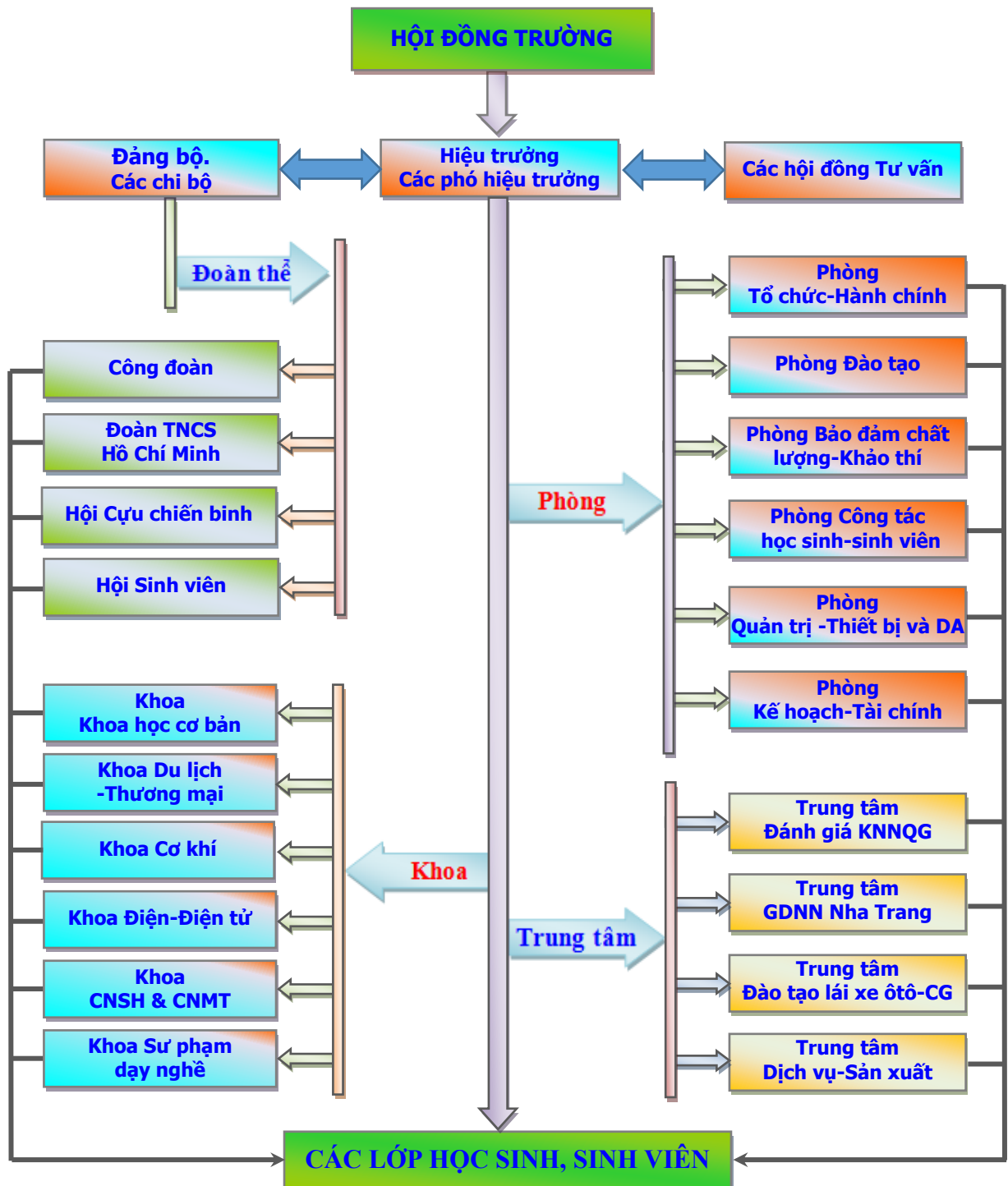
- Cờ thi đua của UBND tỉnh về đã có thành tích trong 55 năm xây dựng và phát triển trường CĐN Nha Trang; Cờ thi đua của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích phong trào thi đua yêu nước 5 năm; 04 Cờ thi đua của UBND tỉnh Khánh Hòa về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Khối các trường ĐH, CĐ, TCCN tỉnh Khánh Hòa các năm 2016, 2017, 2018 và 2019;

Hàng năm được Chủ tịch UBND tỉnh tặng nhiều Bằng khen cho các cá nhân, cá tập thể vì các thành tích đạt được trong hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự:

3.1.1. Cơ cấu tổ chức



Sơ đồ bộ máy tổ chức của trường

3.1.2. Cán bộ quản lý, nhà giáo, người lao động trong trường (tính đến 8/2021)

Tổng số CBQL, nhà giáo, người lao động (CBVC-NLĐ) trong trường tính đến 8/2021 là: 231 CBVC-NLĐ, trong đó:

- Trong biên chế : 140 CBVC
- Hợp đồng lao động : 31 NV
- Hợp đồng thỉnh giảng : 60 GV

3.1.3. Đội ngũ nhà giáo:

Tổng số: 192 CBGV, trong đó:

- Nam: 109 GV
- Nữ: 83 GV
- Cơ hữu: 113 GV
- Thỉnh giảng: 60 GV

| Trình độ đào tạo | Tổng số (người) |
|------------------|-----------------|
| Tiến sĩ | 02 |
| Thạc sĩ | 81 |
| Đại học | 89 |
| Cao đẳng | 20 |
| Trung cấp | 00 |
| Trình độ khác | 00 |
| Tổng số: | 192 |

3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

| Các bộ phận | Họ và tên | Năm sinh | Học vị | Chức danh, Chức vụ |
|---|----------------------|----------|---------|--------------------|
| 1. Ban Giám hiệu | Nguyễn Văn Lực | 1966 | Thạc sĩ | Hiệu trưởng |
| | Nguyễn Mạnh Hùng | 1967 | Thạc sĩ | Phó Hiệu trưởng |
| | Phan M Phương Duyên | 1971 | Thạc sĩ | Phó Hiệu trưởng |
| | Văn Đình Thanh | 1977 | Thạc sĩ | Phó Hiệu trưởng |
| 2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên | | | | |
| Đảng Bộ | Nguyễn Văn Lực | 1966 | Thạc sĩ | Bí thư Đảng bộ |
| Chi bộ 1 | Phạm Minh Hoàng | 1970 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |
| Chi bộ 2 | Văn Đình Thanh | 1977 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |
| Chi bộ 3 | Trần T. Thanh Phương | 1976 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |
| Chi bộ 4 | Trần Thị Bình | 1973 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |
| Chi bộ 5 | Trần Đình Ngọc Anh | 1980 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |
| Chi bộ 6 | Cao Văn Tài | 1974 | Tiến sĩ | Giám đốc trung tâm |
| Chi bộ 7 | Võ Thành Hoàng Hiếu | 1980 | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ |

| Các bộ phận | Họ và tên | Năm sinh | Học vị | Chức danh, Chức vụ |
|--|---------------------|----------|---------|----------------------|
| Công Đoàn trường | Văn Đình Thanh | 1977 | Thạc sỹ | Chủ tịch Công đoàn |
| Đoàn TNCSHCM | Huỳnh Chí Tuyết | 1986 | Kỹ sư | Bí thư Đoàn |
| Hội sinh viên | Nguyễn Đình Đăng | 1986 | Cử nhân | Chủ tịch Hội |
| 2. Trưởng các phòng chức năng | | | | |
| Phòng Đào Tạo | Phan Văn Lại | 1962 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng BĐCL-KT | Phạm Minh Hoàng | 1970 | Thạc sỹ | PTP, phụ trách phòng |
| Phòng Công tác HSSV | Trần Văn Chiến | 1966 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng KH-TC | Hồ Thị Châu | 1979 | Thạc sỹ | PTP, phụ trách phòng |
| Phòng TC-HC | Văn Đình Thanh | 1977 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| Phòng QTTB&DA | Đào Văn Hoa | 1968 | Thạc sỹ | Trưởng phòng |
| 3. Trưởng các khoa | | | | |
| Khoa Khoa học cơ bản | Bùi Thị Thúy Vinh | 1976 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa DL-TM | Phan M Phương Duyên | 1971 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Cơ khí | Hồ Phước Hoàng | 1964 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa Điện - Điện tử | Võ Thành Hoàng Hiếu | 1980 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa CNSH & CNMT | Đặng Bửu Tùng Thiện | 1977 | Thạc sỹ | Trưởng khoa |
| Khoa SPDN | Trần Thị Bình | 1973 | Thạc sỹ | PTK, phụ trách khoa |
| 4. Trưởng các đơn vị trực thuộc (Trung tâm, Thư viện ...) | | | | |
| TTĐTLXOTO-CG | Cao Văn Tài | 1974 | Tiến sỹ | Giám đốc |
| TTDV-SX | Mai Văn Hạ | 1978 | Thạc sỹ | Giám đốc |
| TTGDNN Nha Trang | Trần Văn Sỹ | 1971 | Thạc sỹ | Giám đốc |
| TTĐGKNN Quốc gia | Lương Thị Thúy Hằng | 1977 | Thạc sỹ | PGĐ, phụ trách TT |

Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

4.1. Các nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh của trường theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề đã được cấp

| STT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----|---|---------|-----------------------|------------------|
| 1 | Cắt gọt kim loại | 6520121 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5520121 | 30 | Trung cấp |
| 2 | Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) | 6480202 | 50 | Cao đẳng |
| | | 5480202 | 100 | Trung cấp |
| 3 | Công nghệ ô tô | 6510216 | 130 | Cao đẳng |
| | | 5510216 | 130 | Trung cấp |

| STT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----|---|---------|-----------------------|------------------|
| 4 | Điện công nghiệp | 6520227 | 105 | Cao đẳng |
| | | 5520227 | 70 | Trung cấp |
| 5 | Kỹ thuật Máy lạnh và điều hòa không khí | 6520205 | 70 | Cao đẳng |
| | | 5520205 | 70 | Trung cấp |
| 6 | Kỹ thuật Chế biến món ăn | 6810207 | 70 | Cao đẳng |
| | | 5810207 | 180 | Trung cấp |
| 7 | Quản trị khách sạn | 6810201 | 70 | Cao đẳng |
| | | 5810201 | 75 | Trung cấp |
| 8 | Hàn | 5520123 | 30 | Trung cấp |
| 9 | May thời trang | 6540205 | 25 | Cao đẳng |
| | | 5540205 | 25 | Trung cấp |
| 10 | Kỹ thuật xây dựng | 6580201 | 25 | Cao đẳng |
| | | 5580201 | 25 | Trung cấp |
| 11 | Cơ điện tử | 6520263 | 25 | Cao đẳng |
| | | 5520263 | 25 | Trung cấp |
| 12 | Điện tử công nghiệp | 6520225 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5520225 | 30 | Trung cấp |
| 13 | Điện dân dụng | 6520226 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5520226 | 30 | Trung cấp |
| 14 | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | 6480102 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5480102 | 30 | Trung cấp |
| 15 | Hướng dẫn du lịch | 6810103 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5810103 | 30 | Trung cấp |
| 16 | Quản trị nhà hàng | 6810206 | 35 | Cao đẳng |
| 17 | Nghiệp vụ nhà hàng | 5810206 | 40 | Trung cấp |
| 18 | Kế toán doanh nghiệp | 6340302 | 25 | Cao đẳng |
| | | 5340302 | 25 | Trung cấp |
| 19 | Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử | 6510303 | 35 | Cao đẳng |
| | | 5510303 | 35 | Trung cấp |
| 20 | Chế biến thực phẩm | 6540104 | 30 | Cao đẳng |
| | | 5540104 | 30 | Trung cấp |
| 21 | Công nghệ sinh học | 6420202 | 25 | Cao đẳng |
| | | 5420202 | 25 | Trung cấp |
| 22 | Hàn công nghệ cao | | 50 | Sơ cấp |

| STT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----|--|---------|-----------------------|------------------|
| 23 | Tiện công nghệ cao | | 50 | Sơ cấp |
| 24 | Hàn điện | | 50 | Sơ cấp |
| 25 | Kỹ thuật xây dựng | | 50 | Sơ cấp |
| 26 | Sửa chữa điện công nghiệp | | 50 | Sơ cấp |
| 27 | Thiết kế và lắp ráp mạch đèn quảng cáo | | 50 | Sơ cấp |
| 28 | Lắp đặt điện nội thất | | 50 | Sơ cấp |
| 29 | Lắp đặt điện, nước | | 50 | Sơ cấp |
| 30 | Kỹ thuật điện lạnh | | 50 | Sơ cấp |
| 31 | Kỹ thuật chế biến món Á | | 50 | Sơ cấp |
| 32 | Kỹ thuật làm bánh | | 50 | Sơ cấp |
| 33 | Nghiệp vụ pha chế thức uống | | 50 | Sơ cấp |
| 34 | Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa | | 50 | Sơ cấp |
| 35 | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | | 50 | Sơ cấp |
| 36 | Nghiệp vụ Buồng | | 50 | Sơ cấp |
| 37 | Quản lý bán hàng và tiếp thị trong khách sạn | | 50 | Sơ cấp |
| 38 | Quản lý công tác an toàn - an ninh trong khách sạn | | 50 | Sơ cấp |
| 39 | Quản lý Bếp | | 50 | Sơ cấp |
| 40 | Công tác xã hội | | 50 | Sơ cấp |
| 41 | Kế toán doanh nghiệp | | 50 | Sơ cấp |
| 42 | Quản trị mạng máy tính | | 50 | Sơ cấp |
| 43 | Nghiệp vụ nhà hàng | | 50 | Sơ cấp |
| 44 | Hướng dẫn du lịch | | 50 | Sơ cấp |
| 45 | Chế biến thực phẩm | | 50 | Sơ cấp |
| 46 | Điện dân dụng | | 50 | Sơ cấp |
| 47 | CNC (Tiện, phay) | | 50 | Sơ cấp |
| 48 | Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ xăng | | 50 | Sơ cấp |
| 49 | Bảo dưỡng, sửa chữa động cơ Diesel | | 50 | Sơ cấp |
| 50 | Bảo dưỡng, sửa chữa trang bị điện ô tô | | 50 | Sơ cấp |
| 51 | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử | | 50 | Sơ cấp |
| 52 | Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính | | 50 | Sơ cấp |
| 53 | Thiết kế, đồ họa trên máy tính | | 50 | Sơ cấp |
| 54 | Cắt, tia củ quả | | 50 | Sơ cấp |

| STT | Tên ngành, nghề đào tạo | Mã nghề | Quy mô tuyển sinh/năm | Trình độ đào tạo |
|-----|---------------------------------|---------|-----------------------|------------------|
| 55 | Cắm hoa nghệ thuật | | 50 | Sơ cấp |
| 56 | Kế toán thực hành khai báo thuế | | 50 | Sơ cấp |
| 57 | May | | 50 | Sơ cấp |
| 58 | Lái xe ô tô hạng B1 | | 100 | Sơ cấp |
| 59 | Lái xe ô tô hạng B2 | | 960 | Sơ cấp |
| 60 | Lái xe ô tô hạng C | | 300 | Sơ cấp |

4.2. Số lượng học sinh, sinh viên (năm học 2019-2020 và đến 9/2021)

| TT | Trình độ đào tạo | Năm | |
|------------|---------------------------------------|-------------|-------------|
| | | 2019-2020 | 8/2021 |
| I. | Trình độ cao đẳng | 1002 | 716 |
| 1 | Chế biến thực phẩm | 23 | 13 |
| 2 | Cắt gọt kim loại | 39 | 20 |
| 3 | Kỹ thuật xây dựng | 42 | 21 |
| 4 | Công nghệ ô tô | 245 | 197 |
| 5 | Hướng dẫn du lịch | | |
| 6 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 130 | 59 |
| 7 | Kế toán doanh nghiệp | 7 | 12 |
| 8 | Quản trị khách sạn | 111 | 61 |
| 9 | Quản trị nhà hàng | 30 | |
| 10 | Công nghệ thông tin | 76 | 66 |
| 11 | Điện công nghiệp | 173 | 139 |
| 12 | Điện dân dụng | | 11 |
| 13 | Điện tử công nghiệp | 29 | 31 |
| 14 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa kh. khí | 97 | 86 |
| II. | Trình độ trung cấp | 1325 | 1322 |
| 1 | Bảo vệ môi trường biển | | |
| 2 | Chế biến thực phẩm | 45 | 44 |
| 3 | Cắt gọt kim loại | 25 | 23 |
| 4 | Hàn | | |
| 5 | Kỹ thuật xây dựng | 9 | 13 |

| TT | Trình độ đào tạo | Năm | |
|-------------|---|-----------|-----------|
| | | 2019-2020 | 8/2021 |
| 6 | Máy thời trang | | |
| 7 | Thiết kế thời trang | | |
| 8 | Cơ điện tử | | |
| 9 | Công nghệ sinh học | | |
| 10 | Công tác xã hội | | |
| 11 | Công nghệ ô tô | 179 | 175 |
| 12 | KT Sửa chữa máy tính | | |
| 13 | Hướng dẫn du lịch | 146 | 108 |
| 14 | Nghiệp vụ nhà hàng | 122 | 80 |
| 15 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 267 | 309 |
| 16 | Kế toán doanh nghiệp | 32 | 29 |
| 17 | Quản trị khách sạn | 154 | 158 |
| 18 | Công nghệ thông tin | 112 | 135 |
| 19 | Điện công nghiệp | 78 | 62 |
| 20 | Điện dân dụng | 31 | 27 |
| 21 | Điện tử công nghiệp | 8 | 17 |
| 22 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 117 | 142 |
| III. | Liên thông | 72 | 69 |
| 1 | Bảo vệ môi trường biển | | |
| 2 | Máy thời trang | | |
| 3 | Cắt gọt kim loại | 1 | 1 |
| 4 | Công nghệ ô tô | 30 | 11 |
| 5 | Quản trị nhà hàng | | |
| 6 | Quản trị khách sạn | 13 | 11 |
| 7 | Điện công nghiệp | 9 | 11 |
| 8 | Điện tử công nghiệp | | 2 |
| 9 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | 2 | 10 |
| 10 | Bảo vệ môi trường biển | | |
| 11 | Chế biến thực phẩm | 6 | |
| 12 | Công nghệ thông tin | 5 | 3 |
| 13 | Kỹ thuật chế biến món ăn | 6 | 19 |

| TT | Trình độ đào tạo | Năm | |
|------------|---|-------------|-------------|
| | | 2019-2020 | 8/2021 |
| 14 | Kỹ thuật xây dựng | | 1 |
| IV. | Trình độ sơ cấp và ngắn hạn | 914 | 787 |
| 1 | Bồi dưỡng sư phạm cho nhà giáo GDNN | 253 | 233 |
| 2 | Điều khiển phương tiện thủy nội địa | 457 | 264 |
| 3 | May | | |
| 4 | Kế toán Doanh nghiệp | | |
| 5 | Hàn, Gò | 3 | |
| 6 | Trồng hoa, chăm sóc cây cảnh | 55 | |
| 7 | Tiện, Phay, Bào | | |
| 8 | Kỹ thuật xây dựng | 39 | |
| 9 | Nghiệp vụ nhà hàng | | |
| 10 | Điện dân dụng | | |
| 11 | Sửa chữa ô tô máy nổ | | |
| 12 | Điện công nghiệp | 36 | |
| 13 | Chế biến món ăn | 11 | |
| 14 | Điện lạnh | 5 | 43 |
| 15 | Nghiệp vụ buồng | | |
| 16 | Nghiệp vụ lễ tân khách sạn | | |
| 17 | Quản lý bếp | | |
| 18 | Lắp đặt điện nước | 19 | |
| 19 | Bảo trì bảo dưỡng ô tô cơ bản | 36 | |
| 20 | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN Giảng viên GDNN LT/TH hạng III | | 91 |
| 21 | Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN Giáo viên GDNN LT/TH hạng III | | 156 |
| | TỔNG CỘNG | 3313 | 2894 |

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Diện tích đất

Nhà trường có 3 cơ sở với Tổng diện tích đất là: 249.201,1 m²; trong đó:

- Diện tích xây dựng: 69.173,5 m²
- Diện tích cây xanh, lưu không: 180.027,6 m²

5.2. Diện tích hạng mục và công trình

5.2.1. Trụ sở chính mới (Cơ sở 1):

Nhà trường đã chuyển vị trí làm việc đến trụ sở chính mới: Tại đường N₁, khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, Phước Đồng, TP. Nha Trang.

- Tổng diện tích đất: 74.640,4m²
- Diện tích đất xây dựng: 22.082,1 m²
- Diện tích đất cây xanh, lưu không: 52.558,3 m²

Trong đó:

- Tại Tại đường N₁, khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, Phước Đồng, Tp. Nha Trang

+ Diện tích đất: 74.350m² (Theo Biên bản bàn giao công trình ngày 29/5/2018) trong đó:

- + Diện tích đất xây dựng: 21.791,7 m²
- Tại số 298, Thống Nhất, TP. Nha Trang (*Trung tâm GDNN Nha Trang*).
 - + Diện tích đất: 155,7 m²;
 - + Diện tích đất xây dựng: 155,7 m².
- Tại số 162, Dã Tượng, TP. Nha Trang (*Trung tâm GDNN Nha Trang*).
 - + Diện tích đất: 134,7 m²;
 - + Diện tích đất xây dựng: 134,7 m².

Các hạng mục và công trình

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng | Ghi chú |
|-----|----------------------------|---------------------------|--|
| 1 | Khu hiệu bộ (khu làm việc) | 4.789,7445 m ² | Tầng 1, 2 & 3 |
| 2 | Khu phòng học lý thuyết | 6.141 m ² | Tầng 4 & 5 nhà học 1 |
| 3 | Xưởng thực hành | 19.346 m ² | |
| 4 | Khu phục vụ | | |
| 4.1 | Phòng Hội thảo | 168,5 m ² | |
| 4.2 | Hội Trường | 340,2 m ² | |
| 4.3 | Thư viện | 224,64 m ² | |
| 4.4 | Kho Trường | 112 m ² | |
| 4.5 | Ký túc xá | 864 m ² | Kế hoạch nâng cấp thành xưởng thực hành |
| 4.6 | Ký túc xá mới | 4.441,4 m ² | 05 tầng hoàn thành đưa vào sử dụng 10/2020 |
| 4.7 | Căn tin | 216 m ² | |
| 4.8 | Trạm y tế | 35,1 m ² | |

| | | | |
|----------|--|-------------------------|------------------------|
| 4.9 | Khu thể thao | 2.334,96 m ² | |
| 5 | Khác | | |
| 5.1 | Trạm điện | 60,32 m ² | |
| 5.2 | Trạm bơm và Hồ nước | 192 m ² | |
| 5.2 | Nhà bảo vệ 1 | 17,64 m ² | |
| 5.4 | Nhà bảo vệ 2 | 17,64 m ² | |
| 5.5 | Nhà bảo vệ 3 | 17,64 m ² | |
| 5.6 | Nhà để xe P1 | 200 m ² | |
| 5.7 | Nhà để xe P2 | 200 m ² | |
| 5.8 | Nhà để xe P5 | 500 m ² | |
| 5.9 | Nhà để xe P6 | 1000 m ² | |
| 5.10 | Nhà để xe KTX | 165 m ² | |
| 5.11 | Đường giao thông | 11.186 m ² | |
| 5.12 | Hè đi bộ | 3.566 m ² | |
| 5.13 | Nhà làm việc (<i>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang</i>) | 467 m ² | 03 tầng tại Thống nhất |
| 5.14 | Nhà làm việc (<i>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang</i>) | 210 m ² | 02 tầng tại Dã tràng |

5.2.2. Trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới (Cơ sở 2): Tại thôn Phước Điền, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang

Tổng diện tích đất: 44.396 m², trong đó:

- Diện tích đất xây dựng: 15.561 m²;
- Diện tích đất cây xanh, lưu không: 28.857 m².

Diện tích hạng mục công trình:

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng | Đang xây dựng |
|-----|---|----------------------|---------------|
| 1 | Khu hiệu bộ | | |
| 2 | Phòng học lý thuyết | 178 m ² | |
| 3 | Xưởng thực hành | 1.434 m ² | |
| 4 | Khu phục vụ làm việc | 178 m ² | |
| 5 | Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác) | | |
| 5.1 | Nhà vệ sinh | 22 m ² | |
| 5.2 | Bể chứa nước | 48 m ³ | |

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng | Đang xây dựng |
|-----|-----------------------|-----------------------|---------------|
| 5.3 | Nhà bảo vệ | 9 m ² | |
| 5.4 | Nhà xe | 150 m ² | |
| 5.5 | Sa hình (Sân tập lái) | 13.750 m ² | |

5.2.3. Cơ sở 3: Tại xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Tổng diện tích đất: 130.164,7 m²; trong đó:

- Diện tích đất xây dựng: 31.240 m²;
- Diện tích đất cây xanh, lưu không: 98.924,7 m²

Diện tích hạng mục công trình:

| TT | Hạng mục, công trình | Đã xây dựng | Đang xây dựng |
|----------|--|-----------------------|---------------|
| 1 | Phòng học lý thuyết | 169 m ² | |
| 2 | Xưởng thực hành | 900 m ² | |
| 3 | Khu phục vụ | m ² | |
| 3.1 | Khu làm việc giáo viên | 84 m ² | |
| 3.2 | Ký túc xá | 363 m ² | |
| 3.3 | Nhà ăn | 140 m ² | |
| 4 | Khác (các hạng mục công trình khác) | | |
| 4.1 | Ao hồ chứa và thực nghiệm | 2.445 m ² | |
| 4.2 | Khu vườn ươm ghép | 15.880 m ² | |
| 4.3 | Nhà xe HSSV | 120 m ² | |
| 4.4 | Nhà xe GV | 24 m ² | |
| 4.5 | Bể chứa nước | 50 m ³ | |
| 4.6 | Trại chăn nuôi | 95 m ² | |
| 4.7 | Các nhà vệ sinh | 43 m ² | |
| 4.8 | Sân đường nội bộ | 10.884 m ² | |
| 4.9 | Các nhà bảo vệ | 43 m ² | |

5.2.4. Trụ sở chính cũ (cơ sở 1): 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang, cơ sở này chờ ban giao lại cho UBND tỉnh.

Tổng diện tích đất: 27.533,9 m²; trong đó:

- Diện tích đất xây dựng: 10.786,77 m²
- Diện tích đất cây xanh, lưu không: 16.747,13 m²

Diện tích hạng mục công trình:

| TT | Hạng mục, công trình | Cơ sở cũ (32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) |
|-----------|---|--|
| 1 | Khu hiệu bộ (Hiệu bộ và các phòng, khoa, trung tâm...) | 402 m ² |
| 2 | Khu Phòng học lý thuyết (tầng 4 và tầng 5 nhà học 1) | 2.630 m ² |
| 3 | Khu học thực hành máy vi tính (tầng 2 nhà học 1) | 8.420 m ² |
| 4 | Khu xưởng/phòng học thực hành (tầng 1, 3 nhà học 1) | |
| 5 | Xưởng/Phòng thực hành (xưởng thực hành 1; 2 và 3). | |
| 6 | Khu phục vụ | |
| 6.1 | Thư viện | 140 m ² |
| 6.2 | Ký túc xá | 1.177,5 m ² |
| 6.3 | Nhà ăn | 314 m ² |
| 6.4 | Phòng y tế | 25 m ² |
| 7 | Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có) | |
| 7.1 | + 02 Phòng bảo vệ | 23,3 m ² |
| 7.2 | + Kho trường | 162 m ² |
| 7.3 | + Kho các bộ môn | 286 m ² |
| 7.4 | + Khu Phòng khoa - Hội trường | 1.081 m ² |
| 7.5 | + Khu Khoa cơ bản, dự án, phòng ĐBCL-KT | 130,7 m ² |
| 7.6 | + Phòng Hội Thảo | 99,6 m ² |
| 7.7 | + Hội trường | 194 m ² |
| 7.8 | + Nhà xe khách | 60 m ² |
| 7.9 | + Nhà xe giáo viên | 202 m ² |
| 7.10 | + Nhà xe học sinh | 312 m ² |
| 7.11 | + Sân để xe học sinh | 320 m ² |
| 7.12 | + Nhà đặt máy bơm, PCCC | 5 m ² |
| 7.13 | + Nhà WC khu A | 39 m ² |
| 7.14 | + Bể chứa nước | 60 m ³ |
| 7.15 | + Nhà bảo vệ KTX | 9 m ² |

| TT | Hạng mục, công trình | Cơ sở cũ (32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang) |
|------|----------------------|--|
| 7.16 | + Nhà xe KTX | 111 m ² |

5.3. Tổng số máy tính của trường: 740 bộ

- Dùng cho văn phòng: 95 bộ;
- Dùng cho học sinh học tập: 645 bộ.

5.4. Tổng số đầu sách trong thư viện của trường: 37.570 đầu sách, gồm:

- Số lượng bản in: 5.561 đầu sách;
- Số lượng file mềm: 32.009 đầu sách;

Tổng đầu sách thuộc nghề đào tạo của trường: 31.570 đầu sách.

5.5. Tổng kinh phí đào tạo trong 4 năm trở lại đây:

- Năm 2019: 11.469.227.663 VNĐ;
- Năm 2020: 29.236.718.693 VNĐ;
- Năm 2021: 15.616.408.328 VNĐ (tính đến 31/7/2021).

5.6. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 4 năm trở lại đây:

- Năm 2019: 7.023.725.000 VNĐ;
- Năm 2020: 11.475.963.890 VNĐ;
- Năm 2021: 5.330.365.000 (tính đến 31/7/2021).

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Đặt vấn đề

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ sở GDNN nói chung và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang nói riêng phải đẩy mạnh hoạt động bảo đảm chất lượng GDNN bởi vì kết quả này là minh chứng quan trọng để Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang khẳng định chất lượng đào tạo của trường với xã hội. Để làm tốt hoạt động này, việc đầu tiên là nhà trường phải tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp bởi nếu thực hiện tốt và nghiêm túc công tác này các đơn vị sẽ đánh giá đúng thực lực của đơn vị mình, qua đó giúp nhà trường thấy rõ được những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại, từ đó có giải pháp khắc phục những mặt tồn tại, bất cập và đề ra mục tiêu, phương hướng phát triển.

Đánh giá đúng yêu cầu của 100 tiêu chuẩn trong 9 tiêu chí kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nghĩa là đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của trường về công tác tổ chức bộ máy, nhân sự và hiệu lực quản lý, về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, về cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như các điều kiện đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chung của trường trong từng năm sẽ giúp cho nhà trường từng bước phát triển, nâng cao chất lượng GDNN

1.2. Vai trò hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hoạt động TĐGCLCSGDNN có vai trò rất quan trọng trong công tác đào tạo. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được Nhà nước kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sẽ có địa vị pháp lý quan trọng tạo thuận lợi trong hoạt động liên kết đào tạo, quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và thu hút đầu tư tài chính; có điều kiện xây dựng thành trường đào tạo nghề trọng điểm quốc gia, từng bước tiếp cận với trình độ đào tạo nghề trong khu vực và thế giới...

Với ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác TĐGCLCSGDNN, Tổng cục GDNN đã có kế hoạch xây dựng và áp dụng hệ thống bảo đảm chất lượng GDNN và thành lập các trung tâm kiểm định chất lượng độc lập, tiến tới kiểm định chất lượng tất cả các cơ sở GDNN trong cả nước nhằm mục đích đánh giá thực trạng năng lực đào tạo hiện nay, trên cơ sở đó củng cố, sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới GDNN; xây dựng hệ thống GDNN quy chuẩn theo mô hình tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

Với kết quả TĐG CLCSGDNN năm 2020, năm 2021 trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá một cách toàn diện các mặt hoạt động của trường theo quy định.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (có hiệu lực từ ngày 24/7/2017);
- Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN đối với trường trung cấp, trường cao đẳng;

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp, cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá;
- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN;
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở GDNN tại tất cả phân hiệu, chi nhánh;
- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở GDNN;
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN hiện hành và các hướng dẫn có liên quan;
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng;
- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở GDNN, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- *Phương pháp nghiên cứu văn bản, hồ sơ*

Phương pháp nghiên cứu văn bản/hồ sơ là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của trường. Nghiên cứu các thông tin, minh chứng tự đánh giá chất lượng đã thu thập được, từ đó xử lý, phân tích thông tin, minh chứng TĐGCLGDNN;

- *Phương pháp quan sát*

Phương pháp quan sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong việc nghiên cứu hiệu quả hoạt động của một đơn vị;

- *Phương pháp phỏng vấn*

Phương pháp phỏng vấn là một trong những phương pháp thu thập thông tin trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng. Phương pháp này thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng mức độ phù hợp, hiệu quả hoạt động của trường;

- *Phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu, bảng hỏi*

Phương pháp điều tra khảo sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của trường.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước tự đánh giá tuân thủ theo **Điều 15**. Quy trình tự đánh giá chất lượng Thông tư số 28/2017/TT-BLDTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng:
 - + Phân công P. BĐCL-KT chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN;
 - + Thực hiện các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt; thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục GDNN; tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định; lấy ý kiến các đơn vị liên

quan thuộc cơ sở GDNN, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng TĐG chất lượng.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|------------|----------------------------|
| | ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC | | Đạt chuẩn kiểm định |
| | Tổng điểm | 100 | 96 |
| 1 | Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý | 12 | 12 |
| 1.1 | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai. | 1 | 1 |
| 1.2 | Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. | 1 | 1 |
| 1.3 | Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị trong trường theo quy định. | 1 | 1 |
| 1.4 | Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | 1 |
| 1.5 | Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. | 1 | 1 |
| 1.6 | Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả. | 1 | 1 |
| 1.7 | Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định. | 1 | 1 |
| 1.8 | Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|------------|------------------------|
| | năm hoàn thành nhiệm vụ được giao. | | |
| 1.9 | Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. | 1 | 1 |
| 1.10 | Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | 1 | 1 |
| 1.11 | Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát. | 1 | 1 |
| 1.12 | Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định. | 1 | 1 |
| 2 | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | 17 | 17 |
| 2.1 | Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết. | 1 | 1 |
| 2.2 | Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. | 1 | 1 |
| 2.3 | Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan. | 1 | 1 |
| 2.4 | Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. | 1 | 1 |
| 2.5 | Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. | 1 | 1 |
| 2.6 | Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt. | 1 | 1 |
| 2.7 | Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|------------|------------------------|
| | thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù ngành nếu có. | | |
| 2.8 | Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm. | 1 | 1 |
| 2.9 | Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học. | 1 | 1 |
| 2.10 | Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch. | 1 | 1 |
| 2.11 | Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết. | 1 | 1 |
| 2.12 | Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định. | 1 | 1 |
| 2.13 | Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
| 2.14 | Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan. | 1 | 1 |
| 2.15 | Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết. | 1 | 1 |
| 2.16 | Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định. | 1 | 1 |
| 2.17 | Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả. | 1 | 1 |
| 3 | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động. | 15 | 14 |
| 3.1 | Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|------|--|------------|------------------------|
| | quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định. | | |
| 3.2 | Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định. | 1 | 1 |
| 3.3 | Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có. | 1 | 0 |
| 3.4 | Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường. | 1 | 1 |
| 3.5 | Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định. | 1 | 1 |
| 3.6 | Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
| 3.7 | Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. | 1 | 1 |
| 3.8 | Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 |
| 3.9 | Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù ngành nếu có. | 1 | 1 |
| 3.10 | Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo. | 1 | 1 |
| 3.11 | Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao. | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|------------|--|-------------------|-------------------------------|
| 3.12 | Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định. | 1 | 1 |
| 3.13 | Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao. | 1 | 1 |
| 3.14 | Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý. | 1 | 1 |
| 3.15 | Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ. | 1 | 1 |
| 4 | Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình. | 15 | 14 |
| 4.1 | Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo. | 1 | 1 |
| 4.2 | Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định. | 1 | 1 |
| 4.3 | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định. | 1 | 1 |
| 4.4 | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
| 4.5 | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động. | 1 | 1 |
| 4.6 | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định. | 1 | 0 |
| 4.7 | Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành. | 1 | 1 |
| 4.8 | Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|------------|------------------------|
| | các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài. | | |
| 4.9 | Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học. | 1 | 1 |
| 4.10 | Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
| 4.11 | Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. | 1 | 1 |
| 4.12 | Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo. | 1 | 1 |
| 4.13 | Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực. | 1 | 1 |
| 4.14 | Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
| 4.15 | Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định. | 1 | 1 |
| 5 | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện. | 15 | 13 |
| 5.1 | Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có. | 1 | 1 |
| 5.2 | Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định. | 1 | 1 |
| 5.3 | Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|------|--|------------|------------------------|
| | thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo. | | |
| 5.4 | Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. | 1 | 1 |
| 5.5 | Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
| 5.6 | Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
| 5.7 | Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành. | 1 | 1 |
| 5.8 | Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó. | 1 | 1 |
| 5.9 | Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. | 1 | 1 |
| 5.10 | Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. | 1 | 1 |
| 5.11 | Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|--|------------|------------------------|
| | quả sử dụng theo quy định. | | |
| 5.12 | Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng. | 1 | 1 |
| 5.13 | Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in. | 1 | 0 |
| 5.14 | Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học. | 1 | 1 |
| 5.15 | Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 1 | 0 |
| 6 | Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. | 5 | 5 |
| 6.1 | Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. | 1 | 1 |
| 6.2 | Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng). | 1 | 1 |
| 6.3 | Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế. | 1 | 1 |
| 6.4 | Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn. | 1 | 1 |
| 6.5 | Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|---|------------|------------------------|
| | tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. | | |
| 7 | Tiêu chí 7: Quản lý tài chính. | 6 | 6 |
| 7.1 | Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai. | 1 | 1 |
| 7.2 | Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định. | 1 | 1 |
| 7.3 | Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường. | 1 | 1 |
| 7.4 | Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định. | 1 | 1 |
| 7.5 | Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định. | 1 | 1 |
| 7.6 | Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường. | 1 | 1 |
| 8 | Tiêu chí 8: Dịch vụ người học. | 9 | 9 |
| 8.1 | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. | 1 | 1 |
| 8.2 | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. | 1 | 1 |
| 8.3 | Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | 1 | 1 |
| 8.4 | Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. | 1 | 1 |

| STT | Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm chuẩn | Tự đánh giá của CSGDNN |
|----------|--|------------|------------------------|
| 8.5 | Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học. | 1 | 1 |
| 8.6 | Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 1 | 1 |
| 8.7 | Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường. | 1 | 1 |
| 8.8 | Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. | 1 | 1 |
| 8.9 | Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng. | 1 | 1 |
| 9 | Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng. | 6 | 6 |
| 9.1 | Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. | 1 | 1 |
| 9.2 | Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động. | 1 | 1 |
| 9.3 | Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. | 1 | 1 |
| 9.4 | Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định. | 1 | 1 |
| 9.5 | Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có. | 1 | 1 |
| 9.6 | Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp. | 1 | 1 |

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. TIÊU CHÍ 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Bao gồm 12 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cơ quan trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa. Mục tiêu, sứ mạng, công tác tổ chức và quản lý của nhà trường được xác định rõ ràng, cụ thể được thể hiện qua các văn bản được các cấp phê duyệt như Quyết định thành lập trường, Đề án phát triển nhà trường theo từng giai đoạn và định hướng 5 năm tiếp theo, Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. Các mục tiêu được công bố công khai trên các phương tiện thông tin của trường như trang Website của trường. Mục tiêu rõ ràng, cụ thể giúp nhà trường có những định hướng phát triển tốt trong dài hạn cũng như ngắn hạn. Hàng năm, căn cứ vào những mục tiêu cụ thể, nhu cầu nhân lực của địa phương, xã hội để điều chỉnh điều lệ trường cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường cũng như xã hội.

Là một đơn vị sự nghiệp đào tạo có thu, hoạt động theo nguồn kinh phí sự nghiệp do ngân sách Nhà nước cấp và thực hiện một số hoạt động nghiên cứu, tư vấn, dịch vụ có thu theo quy định, nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý và được thường xuyên rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh hàng năm, có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của trường và hoạt động có hiệu quả. Công tác quản lý, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQL của trường được chú trọng đặc biệt là các kế hoạch thực hiện để trường trở thành trường chất lượng cao đến năm 2020. Đảng ủy luôn chỉ đạo sát sao, Công đoàn, Đoàn thanh niên - Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh, đều có những đóng góp tích cực trong các hoạt động góp phần vào sự phát triển của trường. Việc kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ giúp nâng cao chất lượng đào tạo, các phương pháp, công cụ kiểm tra cũng được thường xuyên thay đổi và cập nhật.

**** Những điểm mạnh:***

Mục tiêu, nhiệm vụ của Trường từ khi thành lập đến nay được xác định rõ ràng, cụ thể, có mục tiêu chung của từng giai đoạn phát triển và mục tiêu cụ thể của từng năm học mang tính khả thi rõ nét.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao Đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được xây dựng dựa trên các quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế tại trường, đảm bảo nguyên tắc dân chủ cơ sở và được cơ quan chủ quản phê duyệt.

Khi xây dựng Quy chế, mục tiêu, nhiệm vụ có sự tham gia của tập thể CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động toàn trường, vì vậy có được sự ủng hộ mạnh mẽ trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và triển khai rộng đến bản thân người học nghề và gia đình thông qua thể mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hoạt động thiết thực của Công Đoàn và Đoàn Thanh Niên.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh và lãnh đạo Sở Lao động TBXH, do đó lãnh đạo nhà trường có nhiều thuận lợi trong việc tiếp cận với các chủ

trương, chính sách và chiến lược phát triển kinh xã hội của tỉnh và ngành Lao động Thương binh - xã hội. Thông qua đó làm cơ sở cho công tác xây dựng chiến lược phát triển của trường cũng như hoạch định mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

Trường được phê duyệt một trong các trường nghề chất lượng cao của cả nước nên cũng có nhiều thuận lợi trong việc phát triển nhà trường trong tương lai.

Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của trường và các yếu tố tác động tích cực của xã hội.

Luôn dựa trên các văn bản pháp quy để làm căn cứ cho việc cập nhật, điều chỉnh; kế thừa và phát triển những thành tựu mới của khoa học để vận dụng vào mục tiêu đào tạo nghề mang tính hiện đại và thực tiễn.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị trong trường.

Hội đồng trường, các đơn vị trực thuộc trường phù hợp với cơ cấu ngành nghề và quy mô đào tạo của trường, có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị trong trường hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức hoạt động và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả tại các đơn vị trong Trường.

Hàng năm có xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động, kế hoạch tuyển dụng nhà giáo, viên chức và người lao động trên cơ sở định hướng phát triển của Trường.

Quy chế chi tiêu nội bộ mỗi năm có thay đổi, bổ sung và điều chỉnh tăng cho phù hợp và đảm bảo động viên khích lệ CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động học tập nâng cao trình độ.

Nhà trường luôn chú trọng đến chất lượng chuyên môn và chất lượng đào tạo nên việc tuyển dụng nhà giáo rất đúng với chuyên ngành và trình độ đáp ứng tốt công tác giảng dạy.

Trường duy trì thường xuyên hội giảng cấp trường được nhà giáo các Khoa tham gia đầy đủ, nhiệt tình, chất lượng hội giảng khá cao, tạo điều kiện cho các nhà giáo trẻ tham gia học hỏi nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Trường có đội ngũ nhà giáo cơ hữu đông đảo và đáp ứng phần lớn nhu cầu về nhà giáo đối với các nghề truyền thống của trường để thực hiện chương trình đào tạo.

Số nhà giáo của trường luôn bảo đảm về năng lực chuyên môn và bảo đảm trên 65% nhà giáo dạy được cả lý thuyết và thực hành.

Nhà trường luôn chú trọng đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ cho nhà giáo thông qua việc cử nhà giáo đi tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn và sư phạm, và thông qua các hội thi nhà giáo dạy giỏi cấp cơ sở, hội thi làm mô hình giảng dạy hàng năm.

Đối chiếu với Điều lệ trường Cao đẳng và Luật giáo dục nghề nghiệp, Ban giám hiệu nhà trường đã đạt chuẩn đúng với yêu cầu.

Trường có đủ CBQL các phòng ban, khoa, trung tâm, tổ bộ môn, đội ngũ quản lý được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn. Có kế hoạch bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ kế cận.

Đội ngũ CBQL của trường đạt chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước. Hàng năm trường có kế hoạch học tập bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL.

*** Những tồn tại:**

Việc tuyên truyền về mục tiêu nhiệm vụ của trường đến phụ huynh học sinh, sinh viên mới chỉ thực hiện được trong thời gian tuyển sinh nên cũng hạn chế cho phụ huynh trong việc định hướng dài hạn cho con em tham gia học tập tại trường.

Từ thực tế trong những năm qua cho thấy, yêu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và nhu cầu của người học nghề trong chừng mực nào đó vẫn chưa thống nhất. Có những nghề rất cần lao động có trình độ nhưng ít người đăng ký học. Phần đông người học nghề có xu hướng chọn những nghề ở nhóm dịch vụ, ít chú trọng đến những nghề trực tiếp sản xuất, lao động cơ bắp và môi trường làm việc nặng nhọc (May, Hàn, Xây dựng...).

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Duy trì công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của trường chú trọng đến chất lượng đào tạo, hiệu quả của người học sẽ phản ánh quảng bá hình ảnh của trường một cách hiệu quả nhất.

Tiếp tục tiến hành khảo sát nhu cầu học tập của HSSV và nhu cầu của các doanh nghiệp thường xuyên hàng năm; qua đó phân tích thực tế nhu cầu nghề nghiệp của người học so với nhu cầu xã hội đang cần để tìm ra mẫu số chung làm cơ sở cho việc bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và quy mô ngành nghề đào tạo.

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo tiếp tục tập trung xây dựng kế hoạch, tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng học sinh trong các trường THPT, THCS trên địa bàn để có nhận thức dần về nghề nghiệp.

Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ và điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ sẽ được thực hiện thường xuyên hàng năm để phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường trong mỗi năm.

Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý và thường xuyên rà soát, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của trường chất lượng cao.

Triển khai rà soát bổ sung các quy định, quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của trường hiện nay.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 1 | 12 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản thể hiện mục tiêu sứ mạng của trường và có văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường qua từng giai đoạn.

Ngày 31/1/2007, Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được Lao động - Thương binh và Xã hội ký quyết định thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Khánh Hòa với mục tiêu sứ mạng là đào tạo người lao động có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức phục vụ cộng đồng, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ở trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề và sơ cấp nghề, có sức khỏe, nhằm tạo điều kiện cho người lao động nâng cao trình độ học vấn, nghiệp vụ chuyên môn. Có khả năng tìm hoặc tự tạo được việc làm, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương (1.1.01- Đề án thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang theo công văn 221/UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa; 1.1.02- Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2007 của Bộ LĐTB-XH về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang; 1.1.03- Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang).

Triển khai thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/7/2015, Trường đã xây dựng Điều lệ hoạt động Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt gồm 10 chương và 43 điều; mục tiêu sứ mạng được

thể hiện rõ trong Điều lệ hoạt động của nhà trường (1.1.04- Tờ trình số 443/TTr-CDN ngày 20/05/2016 về việc phê duyệt Điều lệ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang; 1.1.05- Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang).

Ngày 15/9/2017, Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ký quyết định đổi tên thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang nhằm phù hợp với giai đoạn phát triển mới. Với vai trò, nhiệm vụ mới, nhà trường tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và được thể hiện rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang (1.1.06- Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.07- Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 4/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.08- Quyết định số 770/QĐ-CDKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). Căn cứ Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH, Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 (1.1.09- Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Ngoài ra, mục tiêu sứ mạng của nhà trường còn được thể hiện rõ trong báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ trường; được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ các năm học; trong dự án phát triển trường chất lượng cao đến năm 2020; dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2020 và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2018-2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Như vậy, qua từng giai đoạn phát triển, mục tiêu sứ mạng của Nhà trường luôn được xác định cụ thể, rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Nhà trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành (1.1.10- Báo cáo kết quả thu thập ý kiến về việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học năm 2021).

Qua thực tế đặc điểm tại địa phương cho thấy sự tăng trưởng nhanh về kinh tế - xã hội đã hình thành cơ cấu lao động kỹ thuật đa ngành, đa lĩnh vực và ngày càng chuyên môn hóa. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu lao động kỹ thuật trong nền kinh tế thị trường hiện nay là hiện tượng khách quan và phổ biến. Để thích ứng với trình độ khoa học - công nghệ ngày càng cao và có nhiều cơ hội việc làm. Xu hướng học tiếp lên bậc học kỹ thuật cao hơn để thay đổi công việc, tăng thu nhập của lao động ngày càng tăng. Vì vậy, trong nền kinh tế thị trường đang phát triển và nhất là giá trị sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, công nghiệp của tỉnh những năm gần đây tăng trưởng đáng kể thì nhu cầu học tập để có kỹ thuật cao và học tập suốt đời trong một xã hội học tập ngày càng trở nên bức thiết và vô cùng quan trọng. Theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt kế hoạch triển khai chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020; Quyết định số

1719/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt kế hoạch triển khai chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2021; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/6/2012 về chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 ban hành chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 ban hành chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025; Trên cơ sở đó Nhà trường đã xây dựng các dự án, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường có đủ các thông tin về cơ cấu ngành nghề đào tạo, quy mô đào tạo, điều kiện đảm bảo chất lượng, kế hoạch đầu tư, đáp ứng được xu hướng phát triển của tỉnh và được lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt (1.1.11- Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020; 1.1.12- Quyết định số 2001/QĐ-CĐKTCN ngày 9/12/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030).

Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên kết nối với các doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để nắm bắt nhu cầu tuyển dụng hàng năm từ đó có những điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành nghề của trường (1.1.13- Các Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021).

Mục tiêu sứ mạng được công bố công khai qua các hình thức như:

Triển khai Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường đến toàn thể CBGV-NV, HSSV thông qua Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang.

Trên Website của Nhà trường tại địa chỉ:

<http://cdkctcnnt.edu.vn/index.php/vi/gioi-thieu/Muc-tieu-va-su-mang/Muc-tieu-va-su-mang-8/>

Trên các ấn phẩm giới thiệu về Trường, các phương tiện thông tin như đài truyền hình tỉnh Khánh Hòa (1.1.14- Các ấn phẩm giới thiệu về Trường, nội dung thông tin trên đài truyền hình).

Ngoài ra, mục tiêu sứ mạng còn được phổ biến rộng rãi trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; Đại hội các đoàn thể; Hội nghị tổng kết năm học; ...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của Chủ tịch UBND Tỉnh Khánh Hòa phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 29/6/2012 về chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt kế hoạch triển khai chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2021; Các Nghị

quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của HĐND Tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết ban hành Chương trình phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020 ước tính mỗi năm tỉnh phải giải quyết việc làm cho khoảng 30.000 lao động; Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 15/01/2021 ban hành chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025.

Đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ của trường cụ thể trong từng năm học và mục tiêu chung đến năm 2025, thấy rằng: Các ngành nghề đào tạo của trường đảm bảo đa dạng, đáp ứng được các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Việc mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài nước, đầu tư trang thiết bị dạy học theo đúng các ngành đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo đông về số, mạnh về chất sẽ đảm bảo được các điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo, là yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng được yêu cầu chất lượng lao động của xã hội. Qua đó chứng tỏ rằng mục tiêu, nhiệm vụ của trường phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu sử dụng lao động của địa phương, ngành.

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp. Tính đến thời điểm hiện nay, số lượng ngành nghề đào tạo của Nhà trường là phù hợp với nhu cầu nhân lực của các ngành, nhu cầu của người học và của xã hội, được chứng minh đầy đủ qua Hồ sơ đăng ký hoạt động dạy nghề của Trường đã được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ quản phê duyệt (1.2.01- Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường; 1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, dự báo thông tin thị trường lao động của tỉnh để dự báo nhu cầu nguồn nhân lực, thông tin thị trường lao động cho nhà trường có chi tiết đến số lượng, chất lượng, ngành nghề và có kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh các nghề đã có cũng như đăng ký các mã nghề mới để phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của địa phương (1.2.03- Báo cáo số 100/BC-SLĐTĐBXH ngày 18/12/2020 của Trung tâm dịch vụ việc làm Khánh Hòa về thị trường lao động Quý IV và dự báo nhu cầu nhân lực quý I năm 2021; 1.2.04- Báo cáo số 54/BC-DVVLKH ngày 06/07/2021 của Trung tâm dịch vụ việc làm Khánh Hòa về thị trường lao động Quý II và dự báo nhu cầu nhân lực quý III năm 2021; 1.1.13- Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021).

Nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động ở các ngành nghề phục vụ cho sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Khánh Hòa, nhà trường căn cứ vào các cơ sở sau:

Căn cứ vào thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thị trường lao động của tỉnh, Chương trình phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025. Qua phân tích các căn cứ trên cho thấy, hiện nay tỉnh tập trung nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, phục vụ phát triển kinh tế biển và các nhóm ngành du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

Hàng năm nhà trường căn cứ vào dự báo thông tin thị trường lao động để có kế hoạch điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh các nghề đã có cũng như xin các mã nghề mới để phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của địa phương.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.3: *Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định và được triển khai đến các phòng, ban, khoa, trung tâm Nhà trường. Kế hoạch phát triển, phương hướng hoạt động của Nhà trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát điều chỉnh, bổ sung trong hội nghị CBVC, trong các cuộc họp giao ban đảm bảo công khai, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường. Hệ thống các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường được triển khai thực hiện có hiệu quả.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị sự nghiệp đào tạo có thu, hoạt động theo nguồn kinh phí sự nghiệp do ngân sách Nhà nước cấp và thực hiện một số hoạt động nghiên cứu, tư vấn, dịch vụ có thu theo quy định; được hưởng các chính sách, chế độ của Nhà nước áp dụng cho hệ thống các Trường Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề công lập. Trường có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, có con dấu (kể cả con dấu nổi và con dấu thu nhỏ), được mở tài khoản tại Ngân hàng và kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật để giao dịch và hoạt động. Năm 2017, thực hiện việc chuyển đổi tên Trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, Trường đã thực hiện công tác thành lập Hội đồng trường và được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt, trên cơ sở đó ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Thông tư 46/2016/TT-BLĐTBXH (1.1.02- Quyết định số 192/QĐ- BLĐTBXH ngày 31/1/2007 về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Nha Trang; 1.1.06- Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.07- Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.1.09- Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Ngoài các văn bản quy định của UBND tỉnh và Bộ LĐ-TB&XH, để hoạt động của Trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ đề ra, Hiệu trưởng đã ban hành các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý, chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp Nhà nước. Cơ cấu tổ chức, quản lý của trường hiện nay gồm 06 phòng chức năng: phòng Đào tạo, phòng BĐCL-KT, phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng Công tác HSSV, Phòng QT-TB và Dự án; 06 khoa gồm khoa Khoa học Cơ bản, khoa Cơ khí, khoa Du lịch-Thương mại, khoa Điện-Điện tử, khoa Sư phạm dạy nghề; Khoa CNSH&CNMT; 04 Trung tâm: Trung tâm GDNN Nha Trang, Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô- cơ giới, Trung tâm đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia, Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất. Các đơn vị trực thuộc trong trường có quyết định thành lập (1.3.01- Quyết định thành lập các đơn vị trong trường).

Ngoài các Quyết định thành lập các đơn vị, đề hoạt động của Trường theo đúng chức năng, nhiệm vụ đề ra, Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ và chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp Nhà nước, bao gồm: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế hoạt động các đơn vị; các Quyết định bổ nhiệm CBQL trong Nhà trường, Quy chế thi đua khen thưởng, quy chế HSSV, quy chế tuyển dụng, ... (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*; 1.3.03- *Quy chế tổ chức hoạt động các đơn vị trực thuộc trường*; 1.3.04- *Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý*).

Nội dung các quy chế nêu trên đều thể hiện rõ sự phân cấp trong quản lý, điều hành, quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường.

Thực hiện dân chủ trong trường nhằm phát huy quyền làm chủ của cán bộ, nhà giáo, nhân viên, học sinh - sinh viên, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp, đảm bảo quyền giám sát, đóng góp ý kiến xây dựng và thực hiện trách nhiệm đối với sự phát triển của nhà trường. Nội dung quy chế dân chủ của trường thể hiện được: Nhà giáo, giảng viên, CBQL, nhân viên được tham gia đóng góp ý kiến về các chủ trương, kế hoạch của trường; Cách thức giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo của cán bộ, nhà giáo, nhân viên, người học (1.3.05- *Quyết định về việc ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của trường Cao đẳng nghề Nha Trang*; 1.3.06- *Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.4: *Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường đều có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các văn bản quy định về tổ chức và quản lý. Các quy định về tổ chức và quản lý của Nhà trường được điều chỉnh định kỳ phù hợp với sự phát triển của Nhà trường.

Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang (1.1.09- *Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*) có nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường: “*Quyết nghị phương hướng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển và quy chế tổ chức, hoạt động của nhà trường*”)

Trên cơ sở đó nhà trường xây dựng văn bản quy định về việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ của nhà trường, nội dung văn bản có quy định việc định kỳ rà soát chất lượng dạy nghề, nhu cầu nhân lực đa dạng của thị trường lao động, là căn cứ để điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ của trường (1.4.01- *Quy định về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ của trường Cao đẳng KTCN Nha Trang*).

Hàng năm trường đều có kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh mục tiêu và nhiệm vụ; Kế hoạch hoàn thiện văn bản pháp quy nhằm rà soát, điều chỉnh, bổ sung các văn bản pháp quy của Nhà trường được thể hiện trong Kế hoạch khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2020 (1.4.02- *Kế hoạch số 380/KH-*

CDKTCN ngày 31/3/2021 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác BDCL năm 2020).

Kết quả báo cáo định kỳ kết quả rà soát, điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ cũng như các văn bản quy định về tổ chức và quản lý thể hiện trong các nội dung họp Hội đồng trường (1.4.03- Các biên bản họp Hội đồng trường), các nghị quyết của Đảng bộ nhà trường, trong báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ công tác của Đảng bộ hàng năm (1.4.04- Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường), các báo cáo tại Hội nghị cán bộ viên chức, các báo cáo tổng kết, phương hướng của Nhà trường hàng năm (1.4.05- Các báo cáo tổng kết và phương hướng của Trường hàng năm).

Nhà trường duy trì nề nếp, báo cáo kết quả định kỳ vào cuối năm học để rà soát, đánh giá công tác tổ chức thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, rút kinh nghiệm để xây dựng, điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ.

Việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đều đạt kết quả tích cực, các văn bản được điều chỉnh như Quy chế tổ chức và hoạt động của trường; Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc trường; Đề án vị trí việc làm; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động; ...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường.

Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định chức năng, nhiệm vụ của Phòng đào tạo và các đơn vị quản lý, phòng chức năng, các trung tâm, các khoa, bộ môn trực thuộc trường; Có sự phân công, phân cấp hợp lý, rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, không có trùng chéo nhau, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường. Hàng năm có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời về chức năng nhiệm vụ (1.1.09- Quyết định số 24/QĐ- CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.3.03- Quy chế hoạt động các đơn vị; 1.2.02- Các Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 262/2017/GCNĐKHD-TCDN ngày 20/7/2017; số 80/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021; số 80a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 24/9/2021).

Hàng năm các đơn vị đều có báo cáo tổng kết những việc đã làm được và chưa làm được trong năm học vừa qua và phương hướng phân đầu cho năm học tới. Trong báo cáo các đơn vị đã chỉ ra những chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành. Nhìn chung trong những năm qua các đơn vị đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình (1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng các đơn vị; 1.5.02- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.6: *Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, bảo đảm thực hiện mục tiêu GDNN. Khi có sự thay đổi về nhân sự trong Hội đồng trường kiến nghị UBND ra quyết định bổ sung, thay thế cho phù hợp. Hàng năm Hội đồng trường có tổng kết đánh giá và đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ cho năm học tiếp theo (1.6.01- Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Hội đồng trường CDN Nha Trang; 1.6.02- Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thay thế thành viên Hội đồng trường CDN Nha Trang; 1.6.03- Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thay thế thành viên Hội đồng trường trường CDN Nha Trang; 1.6.04- Quyết định 3975/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Hội đồng trường Trường CDN Nha Trang; 1.1.07- Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.6.05- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

Trên cơ sở đó, Hội đồng trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường. Các Hội đồng tư vấn cũng được kiện toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ như: Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, Hội đồng khoa, ... (1.6.06- Quyết định số 420/QĐ-CDKTCN ngày 05/4/2021 về việc thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.6.07- Quyết định số 682/QĐ-CDKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 1.6.08- Các quyết định thành lập Hội đồng Khoa).

Căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được quy định một cách cụ thể, rõ ràng, các đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình theo từng năm học, giai đoạn và hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác của đơn vị mình. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết năm học gửi cho cơ quan chủ quản cũng như các đơn vị trong toàn trường nhằm đánh giá lại hiệu quả công tác của từng năm học và đề ra phương hướng cho năm tiếp theo, đồng thời đánh giá xếp loại thi đua và đề nghị hình thức khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc (1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị; 1.5.02- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022; 1.6.09- Quyết định số 1287/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021; Quyết định số 1352/QĐ-CDKTCN ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020 – 2021; 1.6.10- Quyết định số 1288/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021; 1.6.11- Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc khen thưởng các tập thể, cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2020-2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.

Năm 2010 lần đầu tiên, trường được kiểm định ngoài và được Bộ trưởng Bộ LĐTBXH công nhận trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề năm 2010 ở cấp độ 3. Xác định tầm quan trọng của hoạt động kiểm định, Năm 2011 trường thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng (1.7.01- Quyết định số 942/QĐ-CDN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí; 1.7.02- Quyết định số 172/QĐ-CDN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT).

Năm 2017, trường đổi tên từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Quyết định số 1469/QĐ- LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó, Tháng 7 năm 2018, phòng đổi tên thành phòng Bảo đảm chất lượng khảo thí và điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng cho phù hợp (1.7.03- Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng ĐBCL-KT; 1.7.04- Quyết định số 154/QĐ-CDKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT).

Căn cứ vào thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc ban hành Thông tư Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN.

Nhà trường đã xây dựng chính sách chất lượng, sổ tay chất lượng và mục tiêu chất lượng. Ban hành 58 quy trình/công cụ Khi xây dựng các quy trình, công cụ; nhà trường bám sát các hoạt động bắt buộc theo Thông tư 28/2017/TTLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH, bao gồm: Xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL; quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; quản lý xưởng; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động (1.7.05- Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành 58 quy trình/công cụ bảo đảm chất lượng). Nhà trường tổ chức vận hành, đánh giá và rút kinh nghiệm để thực hiện cho năm tiếp theo và báo cáo cho Sở LĐTB&XH, Tổng cục GDNN (1.7.06- Báo cáo số 15/BC-CDKTCN ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng về việc Báo cáo hệ thống ĐBCL năm 2020; 1.7.07- Thông báo số 243/TB-CDKTCN ngày 08/03/2021 của Hiệu trưởng về việc Thông báo những tồn tại công tác ĐBCL năm 2020; 1.4.02- Kế hoạch số 380/KH-CDKTCN ngày 31/03/2021 của Hiệu trưởng về Kế hoạch khắc phục những tồn tại công tác ĐBCL năm 2020).

Năm 2021, nhà trường tiếp tục lập Kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng GDNN (1.7.08- Kế hoạch số 945 /KH-CDKTCN ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021). Triển khai và tổ chức thực hiện theo kế hoạch, nhà trường đã ban hành Mục tiêu chất lượng năm học 2019-2020 (1.7.09- Quyết định số 2176/QĐ/CDKTCN ngày 21/12/2020 của Hiệu trưởng ban hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2020-2021). Căn cứ theo Mục tiêu chất lượng của nhà trường, các đơn vị lập kế hoạch xây dựng mục tiêu của các đơn vị và tổ chức thực hiện (1.7.10- Mục tiêu

chất lượng cấp khoa và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng). Cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng được thông báo rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của nhà trường và trên website [http:// www.cdktcnnt.edu.vn](http://www.cdktcnnt.edu.vn).

Năm 2021, theo công văn của Cục kiểm định chất lượng GDNN về việc tự đánh giá chất lượng năm 2021 nhà trường xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá và tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tự đánh giá chất lượng tất cả chương trình đào tạo (1.7.11- Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng năm 2020; 1.6.07- Quyết định số 682/QĐ-CDKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021; 1.7.14- Kế hoạch số 683/KH-CDKTCN ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021; 1.7.12- Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021; 1.7.13- Kế hoạch số 665/KH-CDKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021).

Để thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo chất lượng, ngay từ đầu năm học 2020-2021 phòng đã lập kế hoạch phân công cho các nhân viên trong phòng (1.7.14- Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021), qua một năm thực hiện theo kế hoạch, đến nay các đơn vị đều đã hoàn thành nhiệm vụ nhà trường giao góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị của trường (1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị; 1.5.02- Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động của trường năm học 2021-2022).

Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá và rút kinh nghiệm báo cáo Sở LĐTĐ&XH, Tổng cục GDNN theo quy định.

Nhằm mục đích đánh giá về việc xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng của nhà trường, phòng ĐBCL-KT đã lập kế hoạch và thu thập ý kiến của nhà giáo, CBQL trong về công tác này (1.7.15- Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí). Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhìn chung nhà giáo, CBQL đánh giá cao về hoạt động bảo đảm chất lượng của nhà trường thông qua phiếu khảo sát (1.7.16- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2011 trường thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng (1.7.01- Quyết định số 942/QĐ-CDN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí; 1.7.02- Quyết định số 172/QĐ-CDN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT).

Năm 2017, trường đổi tên từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang theo Quyết định số 1469/QĐ- LĐTĐ&XH ngày 15/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Theo đó, Tháng 7 năm 2018, phòng đổi tên thành phòng Bảo đảm chất lượng khảo thí và điều chỉnh Quy chế

tổ chức và hoạt động của Phòng cho phù hợp (1.7.03- Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng BDCL-KT; 1.7.04- Quyết định số 154/QĐ-CDKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng BDCL-KT).

Để thực hiện tốt công tác quản lý, đảm bảo chất lượng, ngay từ đầu năm học 2020-2021 phòng đã lập kế hoạch phân công cho các nhân viên trong phòng (1.7.14- Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021), qua một năm thực hiện theo kế hoạch, đến nay các đơn vị đều đã hoàn thành nhiệm vụ nhà trường giao góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị của trường (1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị; 1.5.02- Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động của trường năm học 2021-2022).

Năm 2021, phòng được công nhận Tập thể lao động xuất sắc, 01 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 06 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến năm học 2020-2021 (1.8.01- Quyết định số 1287/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021; 1.6.09 - Quyết định về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020-2021). Hiệu trưởng tặng giấy khen cho tập thể phòng và cho 02 cá nhân (1.6.10- Quyết định về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được thành lập theo Quyết định của Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 07 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 03 đồng chí. Đảng bộ hiện có 63 đảng viên sinh hoạt tại 07 chi bộ. (1.9.01- Quyết định thành lập Đảng bộ trường; 1.9.02- Nghị quyết Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.9.03- Quyết định thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Đảng bộ trường hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, pháp luật của nhà nước, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của mình nhằm thực hiện thắng lợi mọi chủ trương Nghị quyết của Đảng; Nghị quyết, Chỉ thị của Quốc hội, Chính phủ và Chỉ thị, Quy định của ngành và sứ mạng của nhà trường.

Đảng bộ nhà trường lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối mọi hoạt động của nhà trường được thể hiện thông qua các Nghị quyết của Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc. Từ các Nghị quyết đó, Đảng bộ và các chi bộ xây dựng chương trình và kế hoạch công tác cho toàn nhiệm kỳ và kế hoạch công tác cho từng tháng. Trong quá trình lãnh đạo Đảng bộ trường luôn luôn căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của thực tiễn để bổ sung điều chỉnh sự lãnh đạo của mình. Sự lãnh đạo của Đảng ủy nhà trường thể hiện ở các nhiệm vụ sau: lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng (các Nghị Quyết của Trung ương đều được nhà trường tổ chức quán triệt cho CBVC và HSSV học tập để thực hiện); lãnh đạo công tác cán bộ của nhà trường để đảm bảo những cán bộ được bổ nhiệm có đủ phẩm chất và năng lực nhằm phát huy hết khả năng trong công tác; lãnh đạo công tác chuyên môn nghiệp vụ trong dạy và học theo yêu cầu đổi mới giáo dục; lãnh đạo tổ chức Công đoàn để công đoàn chăm lo đời sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao

động theo đúng quy định; lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đề tập hợp, đoàn kết thanh niên, phát huy sức mạnh của tuổi trẻ trong học tập và công tác; Đảng bộ luôn luôn chăm lo phát triển Đảng, hàng năm đều có quần chúng ưu tú là CBVC và HSSV được kết nạp vào Đảng. Trong những năm qua, Đảng bộ trường đã lãnh đạo và phát huy sức mạnh toàn trường, đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ, tập trung được mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo, chủ động và tích cực trước điều kiện và nhiệm vụ mới, phát triển nhà trường nhanh và bền vững nhằm sớm đưa trường trở thành trường chất lượng cao. Với những thành tích đạt được, nhiều năm liền Đảng bộ trường được công nhận là “Trong sạch, vững mạnh”, Nhà trường được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc và nhận được nhiều Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp (1.9.04- Thông báo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2020; 1.9.05- Quyết định khen thưởng tổ chức cơ sở đảng năm 2020).

Định kỳ hằng năm, nhà trường đều có báo cáo bằng văn bản kết quả hoạt động của trường về đơn vị chủ quản là UBND tỉnh Khánh Hòa. Đảng bộ nhà trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động và đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo về Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Khánh Hòa là đơn vị trực tiếp quản lý đảng bộ Trường (1.5.02- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022; 1.9.06- Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 của Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các tổ chức đoàn thể trong trường gồm: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban nữ công. Các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường đã tập hợp được cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV tình nguyện tham gia các hoạt động phong trào. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, giáo dục và động viên cán bộ, viên chức, người lao động và HSSV tích cực tham gia các hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý GDNN và quy định của pháp luật.

Các tổ chức đoàn thể hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trường, sự quan tâm tạo điều kiện của BGH, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động phong trào và đạt hiệu quả cao, thu hút nhiều đoàn viên, hội viên tham gia, hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức đã đề ra. Nhiều năm liền, Công đoàn, Đoàn thanh niên được công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc trong các phong trào, nhiều đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong những năm qua, Công đoàn trường luôn đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động, chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, thường xuyên phát động các phong trào thi đua, đã phối hợp tốt với chính quyền tổ chức vận động đoàn viên quán triệt, thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đã cụ thể hoá các Nghị quyết của Đảng ủy vào chương trình hành động năm học theo các chức năng của tổ chức công đoàn, vận động đoàn viên chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước. Công đoàn đã tổ chức quán triệt, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường, chăm lo đời sống CBGV. Công đoàn trường nhiều năm liên tục được Công đoàn cấp trên tặng

giấy khen và được công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc (1.10.1- Quyết định số 18/QĐ-VC ngày 02/8/2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng nghề Nha Trang nhiệm kỳ 2017–2022; 1.10.2- Quyết định số 47/QĐ-VC ngày 04/10/2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Công đoàn cơ sở; 1.10.3- Kế hoạch hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn trường năm học 2020-2021; 1.10.4- Quyết định ban hành quy chế hoạt động Ban chấp hành công đoàn trường nhiệm kỳ 2017–2022; 1.10.5- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của Ban chấp hành Công đoàn trường; 1.10.6- Thông báo đánh giá xếp loại Ban chấp hành Công đoàn trường năm 2020; 1.10.7- Các hình thức khen thưởng Ban chấp hành Công đoàn trường năm 2020).

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn quán triệt, bám sát nội dung các Nghị quyết, đường lối chỉ đạo của Đảng và Đoàn cấp trên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đoàn Thanh niên đã tổ chức nhiều đợt học tập, sinh hoạt chính trị, góp phần giúp HSSV rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành nội quy, quy chế. Bên cạnh đó còn triển khai nhiều hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia. Đoàn trường nhiều năm qua luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp. Đảng bộ và BGH nhà trường luôn tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động nhằm phát huy truyền thống cách mạng, tính năng động sáng tạo của tuổi trẻ. Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thi đua trong những năm qua luôn gắn với nhiệm vụ dạy và học của Trường (1.10.8- Quyết định thành lập Ban chấp hành Đoàn trường; 1.10.9- Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2020-2021; 1.10.10- Báo cáo Kết quả hoạt động công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm học 2020-2021; 1.10.11- Thông báo đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên trường năm 2020; 1.10.12- Các hình thức khen thưởng Đoàn thanh niên trường năm 2020).

Ban Nữ công nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban chấp hành Công đoàn, tổ chức được nhiều hoạt động phong phú nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam 20/10, phong trào “Giải việc nước, đảm việc nhà”, “Thi đua dạy tốt, học tốt”... góp phần đáng kể vào thành tích chung của nhà trường (1.10.13- Kế hoạch hoạt động của Ban nữ công nhà trường năm học 2020-2021; 1.10.14- Báo cáo Kết quả hoạt động của Ban nữ công nhà trường năm học 2020-2021).

Ngoài ra, trường còn có các tổ chức khác như: Hội Sinh viên, Hội khuyến học.

Những hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong trường đã tập hợp được đông đảo cán bộ, viên chức, nhà giáo, người lao động, HSSV đang công tác, học tập tại trường tham gia, qua đó góp phần thực hiện tốt mục tiêu, nguyên lý giáo dục và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường.

Trong năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức đoàn thể theo hướng thiết thực, hiệu quả. Đặc biệt, cần nâng cao vai trò của Công đoàn trong lĩnh vực đổi mới phương pháp giảng dạy, NCKH; đổi mới nội dung hoạt động Đoàn thanh niên theo hướng tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho HSSV.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.11: *Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường là việc làm thường xuyên, Trường thực hiện công việc này theo quy định và kế hoạch hàng năm. Căn cứ theo Thông tư 09/2019/TT-BLĐTĐ ngày 24/5/2019 của Bộ LĐTB&XH về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và ban hành Quy định về kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường (1.11.01- Quyết định số 1594/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường).

Theo đó năm học 2020-2021, Trường thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ và lập kế hoạch hoạt động của đoàn kiểm tra nội bộ nhằm kiểm tra các tập thể, cá nhân trực thuộc trường trong việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định như: Kiểm tra công tác hành chính; kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; kiểm tra, giám sát hoạt động thi; kiểm tra hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN; kiểm tra tiến độ sáng kiến cải tiến, giáo trình (1.11.02- Quyết định số 1595/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021; Quyết định Kiện toàn Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020- 2021; 1.11.03- Kế hoạch số 1596 /KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021; 1.11.04- Thông báo số 542/TB-CĐKTCN ngày 23/4/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Thông báo về việc kiểm tra, giám sát hoạt động thi của các đơn vị năm học 2020 - 2021).

Trên cơ sở kế hoạch chung được phê duyệt, các đơn vị được phân công lập kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện (1.11.05- Kế hoạch số 241/KH-CĐKTCN ngày 8/03/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1222/KH-CĐKTCN ngày 13/9/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ II năm học 2020-2021; Thông báo số 1415/TB-CĐKTCN ngày 8/10/2021 về việc kiểm tra Quy chế chuyên môn học kỳ II, năm học 2020- 2021; 1.11.06- Kế hoạch số 1597/KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021;; 1.11.07- Kế hoạch số 1161/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ, nhận xét và đánh giá giờ giảng của giảng viên/giáo viên năm học 2020- 2021; Thông báo số 1612/TB – CĐKTCN ngày 20/10/2020 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 10, 11 năm học 2020 – 2021. Thông báo số 334/TB-CĐKTCN ngày 24/3/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 4,5 năm học 2020-2021; Thông báo số 1612/TB-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 1, 11 năm học 2020-2021; 1.11.08- Thông báo số 2000/TB-CĐKTCN ngày 9/12/2020 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ I năm học 2020-2021; Thông báo số 1065/TB-CĐKTCN ngày 12/7/2021 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ II năm học 2020-2021; 1.11.09- Kế hoạch số 1569/KH-CĐKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra HSSV thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021; 1.11.10- Kế hoạch số 339/KH-CĐKTCN ngày 24/3/2021 của

Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nhà giáo thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021; ...).

Căn cứ các Kế hoạch và thông báo trên, Nhà trường đã tiến hành kiểm tra, giám sát và có các biên bản kiểm tra, các Thông báo kết quả kiểm tra (1.11.11- Các biên bản kiểm tra của các đơn vị chức năng; 1.11.12- Các Báo cáo công tác tháng của trường; 1.11.13- Các báo cáo kết quả kiểm tra của các đơn vị chức năng; 1.11.14- Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra...). Thông qua báo cáo kiểm tra, đơn vị liên quan đưa ra những đề xuất, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường. Trên cơ sở đó, Ban giám hiệu xem xét và ban hành những thông báo, quy định mới để có biện pháp chế tài nhằm khắc phục những tồn tại và phát huy những ưu điểm. Nhà trường đã cải tiến công cụ kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống camera, bố trí 25 camera an ninh giám sát theo dõi các hoạt động của nhà trường.

Để đánh giá về việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường, phòng BĐCL-KT đã thu thập ý kiến của nhà giáo, CBQL về công tác kiểm tra, giám sát (1.7.15- Phiếu khảo sát về các hoạt động bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường). Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhà giáo, CBQL đều thống nhất cao với các nội dung kiểm tra, giám sát của nhà trường (1.7.16- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về các hoạt động bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 1 điểm

Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng. Đối với việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng, Nhà trường có xây dựng văn bản hướng dẫn về việc thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV (1.12.01- Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 03/02/2021 ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 1.12.02- Quyết định số 751/QĐ-CDKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). Vào đầu năm học, khóa học, trong tuần sinh hoạt công dân, Phòng Công tác HSSV đã phổ biến đầy đủ cho người học về các chế độ chính sách như miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, vay vốn HSSV, học bổng khuyến khích học tập,... Ngoài ra, phòng còn tập hợp thông tin về HSSV (đối tượng là con gia đình chính sách, hộ nghèo,...) để có biện pháp giúp đỡ kịp thời và có bộ phận hướng dẫn HSSV làm các thủ tục hưởng chế độ ưu đãi; tạo điều kiện để người học được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của nhà nước một cách kịp thời.

Nhà trường có báo cáo tài chính, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chính sách ưu đãi. Định kỳ hàng năm, Nhà trường đều có lập dự toán các khoản chi cho các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi như HSSV thuộc hộ nghèo, con của người có công với cách mạng, HSSV khuyết tật, con của người bị ảnh hưởng bởi chất độc da cam; thực hiện chính sách miễn giảm học phí đối với học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp,... Sau khi kết thúc năm học, Nhà trường đều có

báo cáo và hồ sơ lưu trữ đầy đủ (1.12.03- Báo cáo tài chính, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chính sách ưu đãi; 1.12.04- Dự toán các khoản chi cho HSSV được hưởng chính sách ưu đãi; 1.12.05- Quyết định số 1894/QĐ-CDKTCN ngày 08/12/2020 về việc miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2020-2021; 1.12.06- Quyết định số 140/QĐ-CDKTCN ngày 03/2/2021 về việc miễn giảm học phí học kỳ II đợt 1 năm học 2020 - 2021. Ngoài ra, nhà trường luôn khen thưởng kịp thời HSSV có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện (1.12.07- Các Quyết định khen thưởng cuối khóa HSSV hệ trung cấp, cao đẳng).

Nhà trường đã thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ chính sách đối với HSSV theo quy định. Ngoài ra, nhà trường còn đẩy mạnh các hoạt động xã hội để giúp đỡ HSSV gặp khó khăn. HSSV được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Sau khi ra trường, HSSV được hỗ trợ tư vấn việc làm, được giải quyết các thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thực hiện tốt các chính sách ưu tiên đối với cán bộ nữ trong thực hiện nhiệm vụ, trong bổ nhiệm vị trí công tác, nhất là đối với nữ nhà giáo, nữ CBQL phòng, khoa.

Từ năm học 2021-2022, Nhà trường sẽ triển khai thực hiện tốt hơn nữa các chế độ chính sách đối với HSSV; Đẩy mạnh các hoạt động VHVN, TDTT cũng như nâng cao hơn nữa chất lượng chăm sóc sức khỏe cho HSSV; Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trong việc giáo dục kỹ năng mềm, tư vấn nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường luôn có văn bản của trường quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù đối với nữ hoặc nam để thực hiện chính sách ưu tiên trong từng công việc, vị trí cụ thể đối với nhà giáo, CBQL khoa/đơn vị phụ trách việc thực hiện các chương trình đào tạo. Nhà trường hiện nay có tổng cộng 159 cán bộ, viên chức và nhân viên, trong đó nữ là 62. Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện ưu tiên cho những cán bộ, nhà giáo là nữ trong việc thực hiện nhiệm vụ, cũng như trong bổ nhiệm vị trí công tác. Cụ thể, trong 16 đơn vị trực thuộc có 10/35 cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ. Nhà trường cũng đã có văn bản hướng dẫn về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới (1.12.08- Hướng dẫn số 706/HD-CDKTCN ngày 15/05/2020 về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). Hàng năm, trường có xây dựng Kế hoạch về việc triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ và có báo cáo của trường về việc thực hiện công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ. Theo đó, trường đã xây dựng, ban hành văn bản quy phạm và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Nội dung các văn bản của trường có liên quan cán bộ, viên chức, nhà giáo, nhân viên và HSSV không có các nội dung phân biệt về giới tính, thể hiện sự nhất quán trong chính sách của nhà trường là nam nữ bình quyền.

3.2.2. TIÊU CHÍ 2: Hoạt động đào tạo

Bao gồm 17 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Mở đầu:

Hoạt động đào tạo là nhiệm vụ quan trọng nhất đối với cơ sở GDNN, do vậy phải thực hiện tốt việc hoạch định kế hoạch, triển khai thực hiện và công tác quản lý kiểm tra quá trình thực hiện, chấp hành đúng các quy định của cơ quan quản lý. Trường đã thực hiện tốt các quy định, Thông tư do Bộ LĐTBXH ban hành, xây dựng các quy định, quy chế phù hợp với điều kiện thực tiễn tại trường để áp dụng trong hoạt động quản lý đào tạo để nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã và đang thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo với nhiều hình thức GDNN khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của các doanh nghiệp, của xã hội; cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác tuyển sinh thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh; đúng trình tự, thủ tục và đúng nguyên tắc.

Tổ chức thực hiện công tác dạy và học nghiêm túc, hiệu quả theo đúng chương trình đào tạo và các Quy chế đào tạo; gắn đào tạo với giải quyết việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội.

Để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, trường đã xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình và điều chỉnh kế hoạch đào tạo theo từng học kỳ, năm học phù hợp với yêu cầu thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các doanh nghiệp. Nhà trường thường xuyên có những chủ trương định hướng đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức đào tạo online, đào tạo qua mạng, sử dụng các phần mềm mô phỏng, xây dựng giáo án điện tử nâng cao hiệu quả giờ giảng...

Nhà trường đã có những chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhà giáo tham gia tích cực hoạt động nghiên cứu khoa học, những quy định cán bộ, giảng viên, nhà giáo thâm nhập thực tế nắm được những thực tiễn khoa học, công nghệ, nhu cầu của doanh nghiệp, của xã hội về kiến thức, kỹ năng của người học để kịp thời điều chỉnh chương trình, kế hoạch đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

Trường đã thực hiện tốt việc thực hiện các quy định trong hoạt động đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng theo Luật Giáo dục nghề nghiệp và các Thông tư quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và hướng dẫn của Tổng cục GDNN.

Tùy theo tình hình thực tế nhà trường đã đề ra những giải pháp cụ thể để các khoa, bộ môn triển khai thực hiện nhất là trong giai đoạn dịch bệnh kéo dài trong năm học 2020-2021. Tất cả các nghề đào tạo đều linh động thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc online nên đã thực hiện đúng thời gian, kế hoạch đào tạo và đảm bảo mục tiêu về chất lượng kiến thức và kỹ năng nghề trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo được xây dựng. Tổ chức thực hiện các phương pháp, quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đúng quy chế, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của từng mô đun, môn học của nghề.

Trường đã chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo, đã tổ chức biên soạn lại và ban hành chương trình đào tạo theo hướng có trên 20% giờ thực hành tại doanh nghiệp trên tổng số giờ của chương

trình đào tạo. Trường đã tổ chức biên soạn bổ sung giáo trình phù hợp với chương trình đào tạo mới.

Công tác bảo đảm chất lượng GDNN luôn được quan tâm, chú trọng nhằm đảm bảo quá trình đào tạo ổn định và phát triển bền vững đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhà trường có những chính sách khuyến khích cán bộ, giảng viên, nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, thâm nhập thực tế tại cơ sở sản xuất kinh doanh để thường xuyên điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học. Chất lượng đào tạo của trường ngày càng được nâng cao, phù hợp với sự phát triển khoa học, công nghệ.

Hoạt động dạy và học căn cứ vào mục tiêu, chương trình, nội dung được xây dựng trên cơ sở khung thời gian của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội có điều chỉnh phù hợp với nghề chuyên biệt và thực tế của nhà trường.

Công tác tuyển sinh được cụ thể hoá thành các quy định tuyển sinh, quy trình tiến hành đảm bảo đầu vào đủ điều kiện học tập và thực hiện theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong năm do tình hình dịch bệnh phức tạp trường đã đa dạng hóa loại hình tuyển sinh và đến nay kết quả tuyển sinh năm học 2021-2022 khá tốt.

Năm học này trường đã triển khai đào tạo các lớp ngắn hạn cho các doanh nghiệp, thực hiện tốt việc đào tạo gắn kết với chương trình giảng dạy các nghề quốc tế, đào tạo 02 lớp Công nghệ Ô tô và Điện Công nghiệp theo Bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức và đào tạo 6 lớp dạy nghề ngắn hạn cho lao động chưa có việc làm hoặc mất việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Năm học 2020-2021 trường tổ chức đào tạo tích lũy mô đun cho các lớp liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

Trường tổ chức ôn tập, thi cấp chứng chỉ Anh văn, Tin học cơ bản cho học sinh, sinh viên năm cuối.

*** Những tồn tại:**

- Doanh nghiệp tham gia đào tạo tại trường chưa nhiều;
- Việc liên kết tổ chức liên kết đào tạo tại các cơ sở GDNN khác hoặc tại doanh nghiệp chưa thực hiện;

- Các Thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành tạo điều kiện cho các Cơ sở GDNN tổ chức các hình thức đào tạo mở, đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn tại Thông tư số 33/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn, mục đích đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, tuy nhiên còn ràng buộc khá nhiều về điều kiện cơ sở vật chất đòi hỏi phải có phần mềm phù hợp trong khi việc đầu tư phần mềm cơ quan chủ quản của trường chưa thống nhất đầu tư nên việc thực hiện của Trường vẫn còn bị động.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục chỉ đạo các khoa, bộ môn phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các nghề tại đơn vị sử dụng lao động.

Tổ chức đào tạo online hiệu quả theo định hướng của nhà trường khi tình hình dịch bệnh không cho phép tổ chức đào tạo tập trung tại trường.

Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo, lồng ghép các kỹ năng sống, bảo vệ môi trường, kỹ năng khởi nghiệp, cuộc sống số vào nội dung đào tạo của nghề từ năm học 2021-2022 sẽ tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao nhận thức về xã hội, về phát triển công việc sau đào tạo.

Các khoa nghề, Phòng Đào tạo sẽ tham mưu lãnh đạo trường mời doanh nghiệp tham gia đào tạo tại trường.

Tăng cường và đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, tiến độ, nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 2 | 17 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 16 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 17 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang căn cứ vào giấy phép hoạt động được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, nhà trường đã và đang thực hiện đào tạo đa nghề với các hình thức, phương thức khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trong tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung bộ, Tây nguyên.

Các ngành, nghề đào tạo của trường được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN. Ngoài ra, trường đã cấpban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố trên trang thông tin trực tuyến của trường tại địa chỉ: <http://cdkctcnnt.edu.vn> (1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN; 2.1.01- Danh sách chương trình đào tạo của trường; 2.1.02- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; 2.1.03- Website trường <http://cdkctcnnt.edu.vn> có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 05/2017/TT – BLĐT BXH ngày 02/3/2017 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng. UBND tỉnh Khánh Hòa giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách cho nhà trường. Trường đã căn cứ vào các văn bản trên ban hành Quy chế tuyển sinh của trường: (2.2.01- Quy chế tuyển sinh trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng số 149/QĐ-CDKTCN ngày 14/02/2021), giao chỉ tiêu cho từng khoa, tổ bộ môn, nghề đào tạo (2.2.02- Thông báo số 2200/CDKTCN-ĐT ngày 24/12/2020 về việc đề nghị giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021), Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh và đào tạo hiệu quả trong các năm qua (2.2.03 - Kế hoạch số 107/KH-CDKTCN ngày 25/01/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022); Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh (2.2.04- Quyết định số 108/QĐ-CDKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022; 2.2.05- Quyết định số 342/QĐ-CDKTCN ngày 25/3/2021 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022; 2.2.06- Quyết định số 109/QĐ-CDKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022; 2.2.07- Đề án số 281/ĐA-CDKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022; 2.2.08- Quyết định số 992/QĐ-CDKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022). Nhà trường tổ chức tuyển sinh với nhiều hình thức tuyên truyền trên cổng thông tin trường, trên các phương tiện thông tin đại chúng, đến cung cấp thông tin cho các trường THCS, THPT, mời nhà giáo, học sinh các trường phổ thông về tham quan trường, trường tổ chức Ngày Hội tuyển sinh tại trường, các khoa, bộ môn và giảng

viên nghệ đã tư vấn chương trình đào tạo nghề đang đào tạo tại trường, chế độ, chính sách học nghề, cơ hội việc làm, cơ hội học lên bậc học cao hơn ..v.v... và đến nay kết quả tuyển sinh khá tốt (2.2.09- *Công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng 9+; hệ trung cấp đợt 1 năm học 2021-2022 số 1094/QĐ-CDKTCN ngày 21/7/2021 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang*). Hiện nay trong tình hình dịch bệnh, giãn cách xã hội toàn trường đã tuyển sinh online, hiện trường vẫn tiếp tục tuyển sinh.

Trường đã thực hiện đúng các quy định về công tác tuyển sinh.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.3: *Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường thực hiện việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo đúng quy chế, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.

Nhằm cụ thể hóa Quy định của Bộ LĐTB&XH phục vụ công tác tuyển sinh. Theo đó đầu năm Trường đăng ký với UBND Tỉnh Khánh Hòa về chỉ tiêu tuyển sinh các hệ đào tạo và đã được chấp thuận. Từ đó, Trường phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho từng nghề, Trường đưa ra các quy định cụ thể về nghề đào tạo, đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, tiêu chí xét tuyển, Trường ban hành kế hoạch tuyển sinh từ tháng 02/2021 nhưng do biến động về dịch bệnh Covid-19 nên thời gian kết thúc năm học và thi tốt nghiệp có thay đổi.

Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh (2.2.04- *Quyết định số 108/QĐ-CDKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022*; 2.2.05- *Quyết định số 342/QĐ-CDKTCN ngày 25/3/2021 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022*; 2.2.06- *Quyết định số 109/QĐ-CDKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022*; 2.2.07- *Đề án số 281/ĐA-CDKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022*; 2.2.08 *Quyết định số 992/QĐ-CDKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022*).

Phương thức và tiêu chí tuyển sinh của Trường được cụ thể hóa trong Thông báo tuyển sinh; thông tin về công tác tuyển sinh của Trường được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng và trực tiếp đến người học ở các trường phổ thông, các cơ sở liên kết trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và các tỉnh lân cận. Trường tiếp nhận hồ sơ dự tuyển rộng rãi với mọi đối tượng thông qua nhiều kênh khác nhau như: Nhận trực tiếp, nhận qua các Trường phổ thông, nhận qua đường bưu điện (2.3.01- *Hồ sơ tuyển sinh*).

Sau khi chốt hồ sơ dự tuyển, trường tiến hành mở Hội đồng xét tuyển, Hội đồng dựa vào chỉ tiêu được giao và tiêu chí xét tuyển xác định điểm chuẩn, lập biên bản xét tuyển xác định danh sách HSSV trúng tuyển (2.3.02- *Các Biên bản họp xét tuyển, Danh sách xét tuyển*). Hội đồng xét tuyển trình kết quả trúng tuyển lên Hiệu trưởng xem xét ra Quyết định HSSV trúng tuyển có danh sách kèm theo (2.3.03- *Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển*). Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai; HS-SV nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện.

Công tác thanh tra, kiểm tra tuyển sinh được nhà trường quan tâm. Trường thành lập Ban thanh tra tuyển sinh (2.2.08- *Quyết định số 992/QĐ-CDKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022*; 2.3.04- *Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh*; 2.3.05- *Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp*).

Do các hoạt động trong công tác tuyển sinh được nhà trường quan tâm tổ chức và thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan nên đến nay không có đơn thư khiếu nại về công tác tuyển sinh của Trường.

Cuối đợt tuyển sinh nhà trường mở hội nghị tổng kết, đánh giá công tác tuyển sinh, rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, nhiệm vụ tuyển sinh năm học sau.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.4: *Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để phát triển mạnh mẽ quy mô đào tạo, xây dựng và quảng bá thương hiệu, Nhà trường đã mở rộng liên kết đào tạo và đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp. Sau đây là các hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy, liên kết đào tạo đại học vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đào tạo theo Bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức, đào tạo cho người lao động chưa có việc làm hoặc mất việc do dịch bệnh.

Nhà trường thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học: Đào tạo theo niên chế, đào tạo theo hình thức tích lũy mô đun.

Trường hiện đang thực hiện việc xây dựng quy chế đào tạo liên thông theo Thông tư 27/2017/TT-BLĐTĐ trường đã tổ chức đào tạo liên thông cho các ngành nghề trong trường (2.4.01- *Quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng*; 1.2.02- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN*; 2.4.02- *Các Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp liên thông*).

Trường liên kết với Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh đào tạo đại học ngành Kỹ thuật điện – điện tử (2.4.03- *Thông báo số 102/TB-ĐHSPKT ngày 27/3/2019 của Hiệu trưởng về tuyển sinh liên kết*; 2.4.04- *Quyết định số 1413/QĐ-ĐHSPKT ngày 02/8/2019 công nhận sinh viên trúng tuyển nhập học hệ ĐH hình thức*; 2.4.05- *Các quyết định thành lập 2 lớp đào tạo theo Bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức*).

Năm học 2020-2021, nhà trường ngoài phương thức đào tạo theo niên chế nhà trường đã tổ chức đào tạo tích lũy mô đun cho các nghề đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (2.4.06- *Quyết định số 1855/QĐ-CDKTCN ngày 18/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng (Liên thông từ trình độ trung cấp) theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ*). Trường đang triển khai đào tạo từ xa, tự học có

hướng dẫn cho 3 nghề Công nghệ thông tin (UDPM), Hướng dẫn du lịch và Kế toán doanh nghiệp (2.4.07- *Thông báo tuyển sinh năm học 2021-2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.5: *Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào giấy phép hoạt động được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN, tất cả chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng mà Trường phê duyệt cụ thể cho các ngành nghề phù hợp với đặc điểm Nhà trường (2.1.02- *Danh sách chương trình đào tạo của trường; 2.5.01- Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm học 2020-2021*).

Trên cơ sở chương trình đào tạo Hiệu trưởng phê duyệt, Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa cho từng nghề, chi tiết đến từng mô đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập lao động sản xuất (2.5.02- *Tiến độ đào tạo cho từng học kỳ, năm học 2020-2021; 2.5.03- Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021*).

Phòng đào tạo kết hợp với các khoa, bộ môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, bố trí giảng viên, nhà giáo cho từng học kỳ và năm học (2.5.04- *Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, II năm học 2020 - 2021; 2.5.05- Tiến độ đào tạo Hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2020-2021*).

Theo đó, Phòng đào tạo cùng phối hợp các khoa lập thời khóa biểu ổn định cho từng học kỳ của năm học (2.5.06- *Thời khóa biểu cho từng học kỳ, năm học 2020 - 2021*) đảm bảo tiến độ đào tạo. Thời khóa biểu được gửi đến các Khoa, bộ môn và các lớp học để thực hiện và kiểm tra theo dõi chung. Mọi sự thay đổi điều chỉnh kế hoạch phải được Hiệu trưởng phê duyệt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.6: *Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào tất cả các chương trình đào tạo đã phê duyệt của Hiệu trưởng và đã được Tổng cục GDNN cấp phép hoạt động các nghề đào tạo, trường xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đúng quy định, nội dung kế hoạch thể hiện chi tiết. Từng Khoa/ Bộ môn xây dựng kế hoạch nhà giáo chi tiết cho từng nghề và từng khóa học theo học kỳ (2.5.05- *Tiến độ đào tạo Hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2020-2021; 2.5.03- Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021*).

Hồ sơ nhà giáo thực hiện đầy đủ và đúng quy định; Định kỳ trong từng học kỳ của năm học trường tổ chức rà soát kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm chấn chỉnh và hướng dẫn nhà giáo thực hiện đúng quy định (2.6.01- *Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2020-2021; 2.6.02- Các Báo cáo công tác kiểm tra công tác đào tạo năm học 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện việc xây dựng kế hoạch, tiến độ đào tạo phù hợp với hình thức tổ chức đào tạo; định kỳ hàng năm trường thực hiện rà soát đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt;

Phối hợp với các doanh nghiệp trong công tác đào tạo, hàng năm trường tổ chức Hội thảo với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tăng cường sự gắn kết, thực hiện các hợp đồng/biên bản phối hợp với doanh nghiệp để đưa HSSV tham gia thực tập, thực tế tại doanh nghiệp đạt kết quả tốt (2.7.01- Phiếu khảo sát việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; 2.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo; 2.7.03- Bản thỏa thuận về việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các doanh nghiệp; 2.7.04- Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2020-2021; 2.7.05- Danh sách người học đã thực hành, thực tập; 2.7.06- Báo cáo kết quả thực tập năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các hình thức và phương pháp giảng dạy tích cực nhằm khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác của người học như: Phương pháp thảo luận nhóm, bài tập chuyên đề nhóm, tổ chức sự kiện, đóng vai.... Ngoài ra còn kết hợp với việc áp dụng công nghệ thông tin để xây dựng các giáo trình, giáo án điện tử, trình chiếu. Có 100% nhà giáo giảng dạy tích hợp, giảng dạy bằng giáo án điện tử và giảng dạy trên các mô hình.

Các GV trong trường khai thác, triển khai các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học tích cực nhằm tích cực hóa HSSV học nghề; khuyến khích phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác với các HS/SV khác, hợp tác với người dạy.

Hầu hết các nhà giáo trong trường đã khai thác, vận dụng và phối hợp các phương pháp giảng dạy tích cực vào giờ dạy; áp dụng cho cả giờ học lý thuyết và tích hợp; vận dụng phù hợp cho tất cả các đối tượng HS/SV.

Trường có tổ chức kiểm tra, đánh giá dạy học tích cực ở HS/SV đối với các MH/MĐ của các GV thực hiện giảng dạy. Qua đó đánh giá hiệu quả khai thác, chất lượng triển khai các phương pháp giảng dạy của các GV (2.5.03- Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021; 2.6.01- Sổ lên lớp, giáo án, sổ tay nhà giáo năm học 2020 –

2021); (2.8.01- Biên bản họp tổ chuyên môn năm học 2020 - 2021; 2.8.02- Lịch trình giảng dạy năm học 2020-2021).

Định kỳ, nhà trường lấy ý kiến của nhà giáo và người học về phương thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (2.8.03- Phiếu khảo sát về phương thức đào tạo; (2.8.04- Bảng tổng hợp phiếu khảo sát về phương thức đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa vào tính đặc thù của từng nghề đào tạo, trường đã chủ động ứng dụng những phần mềm hỗ trợ trong việc giảng dạy, 100% nhà giáo thực hiện giáo án điện tử, 100% các nhà xưởng đều có trang bị phương tiện như máy chiếu, máy vi tính cho nhà giáo giảng dạy (2.9.01- Danh sách các môn học mô đun có phần mềm giảng dạy; 2.9.02- Quyết định ứng dụng phần mềm trong quản lý đào tạo; 2.9.03- Danh sách các môn học mô đun có bài giảng điện tử).

Trường đã thống kê số phương tiện đáp ứng cho việc sử dụng dạy học bằng giáo án điện tử như máy chiếu, máy vi tính, số môn học/mô đun có giáo án điện tử và các MH/MĐ có sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy học. (2.9.04- Thống kê các phương tiện hỗ trợ dạy học; 2.6.01- Giáo án của các giáo viên năm học 2020-2021; 2.9.05- Sổ quản lý tài sản).

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 Trường đã triển khai đào tạo trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (2.9.06- Danh sách các bài giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng; 2.9.07- Bảng kê giờ giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có văn bản quy định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học (2.10.01- Quyết định số 589/QĐ-CDKTCN ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng ban hành Quy định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học).

Năm học 2020-2021, Trường lập kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ tại mục 2.2 có nội dung kiểm tra hoạt động dạy và học (1.11.03- Kế hoạch số 1596 /KH-CDKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021). Từ đó, Trường xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học thể hiện trong các văn bản sau: (1.7.14- Kế hoạch công tác của phòng BĐCL-KT năm học 2020-2021; 1.11.05- Kế hoạch số 241/KH-CDKTCN ngày 8/03/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1222/KH-CDKTCN ngày 13/9/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ II năm học 2020-2021; 1.11.06- Kế hoạch số 1597/KH-CDKTCN ngày 9/9/2019 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021; 1.11.07- Kế hoạch số 1161/KH-CDKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ, nhận xét và đánh giá giờ giảng

của giảng viên/giáo viên năm học 2020-2021; Thông báo số 334/TB-CDKTCN ngày 24/3/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 4, 5 năm học 2020-2021; Thông báo số 1612/TB-CDKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 1, 11 năm học 2020-2021; 1.11.08- Thông báo số 2000/TB-CDKTCN ngày 9/12/2020 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ I năm học 2020-2021; Thông báo số 1065/TB-CDKTCN ngày 12/7/2021 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ II năm học 2020-2021; 1.11.09- Kế hoạch số 1569/KH-CDKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra HSSV thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021; 1.11.10- Kế hoạch số 339/KH-CDKTCN ngày 24/3/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nhà giáo thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021...)

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã có các biên bản kiểm tra, các báo cáo kết quả kiểm tra thường xuyên được thể hiện trong báo cáo hàng tháng trong giao ban (1.11.11- Các biên bản kiểm tra của các đơn vị chức năng; 1.11.12- Các Báo cáo công tác tháng của trường; 1.11.13- Các báo cáo kết quả kiểm tra của các đơn vị chức năng; 1.11.14- Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra...).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng tháng, P. BĐCL-KT báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học cho Ban Giám hiệu, phòng TC-HC tổng hợp và được phổ biến trong giao ban hàng tháng. Trong báo cáo, ngoài việc báo cáo về tình hình dạy và học, một số tồn tại trong tháng, P. BĐCL-KT còn đưa ra một số đề xuất để nâng cao chất lượng dạy và học (1.11.12- Các Báo cáo công tác tháng của trường; 1.11.13- Các biên bản kiểm tra của các đơn vị chức năng; 1.11.14- Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra...). Dựa trên những đề xuất này, trong cuộc họp giao ban hàng tháng Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị liên quan điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo các đề xuất để hoạt động dạy và học ngày càng tốt hơn. Từ đó, các đơn vị liên quan đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học;

Để đánh giá về việc báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học của nhà trường, phòng BĐCL-KT đã thu thập ý kiến của nhà giáo, CBQL về nội dung này Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhà giáo, CBQL thống nhất cao với các nội dung kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học (1.7.15- Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí; 1.7.16- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động bảo đảm chất lượng khảo thí).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 và Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, trường đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-CDKTCN về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế, theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp (2.12.01- Quyết định số 84/QĐ-CDKTCN ngày 21/01/2019 về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp).

Việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ thực hiện đúng theo Thông tư 10/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Trường ban hành Quyết định quy định về việc in, quản lý, cấp phát văn bằng (2.12.02- Quyết định số 1854/QĐ-CDKTCN ngày 22/11/2019 về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp, Chứng chỉ Sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm trường, khoa và bộ môn đã chủ động mời các doanh nghiệp tham gia vào việc giảng dạy tại các khoa và bộ môn để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu lao động cho xã hội. Các doanh nghiệp cũng rất quan tâm đến chất lượng của người học, những người lao động tương lai của doanh nghiệp sau này.

Mặt khác, để việc đánh giá kết quả của người học đáp ứng được nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Nhà trường kết hợp với khoa, bộ môn để tiến hành mời các đơn vị sử dụng lao động các ngành nghề mà từng khoa phụ trách, để họ tham gia vào việc coi thi, chấm thi và đóng góp ý kiến trong việc hoàn thiện đề thi thông qua các quyết định của nhà trường.

Thông qua các buổi hội thảo gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, các doanh nghiệp thật sự rất quan tâm đến chất lượng của người học, và họ luôn mong muốn được tham gia vào việc đào tạo, cũng như việc theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá của người học (2.13.01- Quyết định thành lập ban coi thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 12; 2.13.02- Quyết định thành lập ban chấm thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 12 ; 2.13.03 - Danh sách doanh nghiệp tham gia giảng dạy năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã ban hành Quyết định số 84/QĐ-CĐKTCN về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Trường thực hiện theo quyết định trên từ Khóa 11 (2.14.01- Bảng tổng hợp kết quả học tập toàn khóa của các lớp cao đẳng, trung cấp; 2.14.02- Biên bản họp xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.03- Danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp; 2.14.04- Các Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Danh sách cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi; 2.14.05- Biên bản họp công nhận danh sách đạt tốt nghiệp, không đạt tốt nghiệp; 2.14.06- Quyết định công nhận tốt nghiệp, không đạt tốt nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành Quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp số 84/QĐ-CĐKTCN dựa trên các quy định của Bộ LĐTBXH ban hành. Trường đã thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ kiểm tra công tác đào tạo thực hiện trong tổ chức thi, kiểm tra, xét tốt nghiệp, kiểm tra việc quản lý, cấp phát văn bằng (1.11.02 - Quyết định số 1595/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021; Quyết định Kiện toàn Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020- 2021; 1.11.03- Kế hoạch số 1596 /KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021; 2.15.01- Kế hoạch của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về kiểm tra giám việc thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021; 2.15.02- Thông báo về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2020- 2021).

Từ kết quả rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, nhà trường xây dựng quy chế thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp cho năm học 2020 - 2021 theo Quyết định số 84/QĐ-CĐKTCN ngày 21/01/2019 (2.15.03- Báo cáo thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Trường đã ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Kế hoạch tuyển sinh năm học 2021-2022, Đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông các nghề trong trường (2.16.01- Quyết định 149/QĐ-CDKTCN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh; 1.2.02- Giấy chứng nhận số 80/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận số 80/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021 của Tổng cục GDNN về việc đăng ký hoạt động GDNN; 2.2.07- Đề án số 281/ĐA-CDKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022; 2.2.03- Kế hoạch số 107/KH-CDKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2021-2022, 2.16.02- Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2021-2022; 2.16.03- Thông báo số 1160/TB-CDKTCN ngày 06/8/2020 về việc tuyển sinh cao đẳng liên thông).

Năm học 2021-2022, tổ chức đào tạo liên thông cho 181 sinh viên/10 nghề đào tạo theo hình thức tích lũy mô đun.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16, tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động quản lý, nhà trường đã rất chú trọng đầu tư cho công tác tin học hóa ở hầu hết các mảng công tác như: Quản lý văn bản, quản lý đào tạo, quản lý kế toán, quản lý tài sản, quản lý nhân sự, quản lý thư viện.

Việc quản lý đào tạo được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo. Phần mềm này quản lý hầu hết quá trình học tập và rèn luyện của HSSV từ khi vào trường cho đến khi tốt nghiệp. Phần mềm có nhiều phân hệ, bao gồm: Quản lý điểm: Quản lý chương trình đào tạo, môn học, tổ chức thi, quá trình điểm trong toàn khóa học, xét tốt nghiệp, quản lý cấp bằng tốt nghiệp; Quản lý HSSV: Quản lý đăng ký Dự tuyển - Xét tuyển - Nhập trường, quản lý lý lịch, ngừng học - thôi học, khen thưởng - kỷ luật; Quản lý học phí: Quản lý toàn bộ quá trình học phí của HSSV; Cổng thông tin điện tử dành cho HSSV: Cung cấp trực tuyến các thông tin về lý lịch, kết quả học tập, quá trình học phí của HSSV (2.17.01- Phần mềm quản lý đào tạo ESSsoft 6.0; 2.17.02- Quyết định số 602/QĐ-CDKTCN ngày 02/05/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Hiệu quả sử dụng của phần mềm Quản lý đào tạo được thể hiện thông qua báo cáo về việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo tại trường (2.17.03- Báo cáo về việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo tại trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17, tiêu chí 2: 1 điểm

3.2.3. TIÊU CHÍ 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.

Bao gồm 15 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu:

Đội ngũ nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của nhà trường. Qua hơn 58 năm xây dựng và phát triển,

trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Ban giám hiệu rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ nhà giáo và CBQL.

Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý mang tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi ở từng vị trí công tác. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng quy trình thủ tục hiện hành và có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; đồng thời có rà soát, bổ sung theo từng giai đoạn. Đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu công việc của trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo.

*** Những điểm mạnh:**

Đội ngũ nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Nhà trường. Qua hơn 55 năm xây dựng và phát triển, trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy và CBQL có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban giám hiệu trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ nhà giáo và CBQL.

Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý mang tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi ở từng vị trí công tác. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng Quy trình thủ tục hiện hành và có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; đồng thời có rà soát, bổ sung theo từng giai đoạn. Đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu công việc của trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo.

Ban giám hiệu nhà trường là những người có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng; khả năng điều hành, quản lý và hoạch định chiến lược phát triển đơn vị tốt; tâm huyết với nghề và luôn quan tâm đến chính sách phát triển của nhà trường.

Có hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý rõ ràng đảm bảo quyền tự chủ, chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động của Nhà trường. Hệ thống văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung thường xuyên trong hội nghị CBVC, các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuyên đề đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường trong từng giai đoạn; Các đơn vị trực thuộc đều có quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Công tác phân cấp quản lý được thực hiện đến các bộ phận trong Nhà trường để tổ chức hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Đội ngũ CBQL cấp trường, phó các phòng, khoa, ban, trung tâm luôn năng động sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu thực tế tại Nhà trường. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc thúc đẩy Nhà trường phát triển đồng bộ.

Đội ngũ nhà giáo của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định; luôn nhiệt tình, năng nổ với mọi công việc; thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính tự giác cao trong mọi hoạt động; tích cực học hỏi, ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và các đơn vị sử dụng lao động. Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Nhà trường phát huy được sức mạnh tập thể tạo không khí thi đua trong học tập và làm việc. Nội bộ đoàn kết, thống nhất thực hiện nhiệm vụ đề ra hàng năm. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động; Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ, quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề; đã tạo được niềm tin trong nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động và HSSV.

*** Những tồn tại:**

một số nghề chưa được tổ chức đánh giá kỹ năng tại các trung tâm đánh giá trên cả nước, do đó gây khó khăn trong việc thực hiện lộ trình chuẩn hóa kỹ năng nghề cho nhà giáo trong nhà trường theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN của Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Trong những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện kế hoạch cử cán bộ quản lý, nhà giáo học tập nâng cao về chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng những tiêu chuẩn của trường nghề chất lượng cao, các nghề trọng điểm.

Phấn đấu từ nay đến hết năm 2021, toàn thể nhà giáo của trường sẽ đạt chuẩn giảng dạy thực hành/tích hợp theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội; Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN. Phấn đấu đến năm 2021 trở thành trường chất lượng cao của cả nước.

Từ năm học 2021-2022, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm về chuyên môn và sư phạm sau mỗi học kỳ của năm học.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

| Tên tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|--------------------------|------------------|
| Tiêu chí 3 | 13 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |

| | |
|---------------|--------|
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 3.1: *Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động và văn bản quy định của cơ quan quản lý cấp trên về tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động

Trong những năm qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, BGH nhà trường, sự phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc nên trường đã có những chuyển biến tích cực trong công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động. Đội ngũ CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định. Hàng năm, trường đều xây dựng các quy định, tiêu chí cụ thể và ban hành thông báo, hướng dẫn chi tiết quy trình công tác đánh giá, xếp loại CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động và tiến hành đánh giá theo mẫu biểu. Đây cũng chính là mục tiêu, động lực để toàn thể cán bộ, nhà giáo, viên chức và người lao động trong toàn Trường nỗ lực phấn đấu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường (3.1.01- Đề án số 1144/ĐA-CĐN ngày 21/9/2016 quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; 3.1.02- Kế hoạch số 1145/KH-CĐN ngày 21/9/2016 về việc đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ theo quy hoạch; 3.1.03- Kế hoạch số 747/KH-CĐN ngày 27/6/2016 về công tác quy hoạch CBQLgiai đoạn 2016–2021 và lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021–2026; 3.1.04- Quyết định số 643/QĐ-CĐKTCN ngày 01/6/2019 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026; 3.1.05–Quyết định số 864/QĐ-CĐKTCN ngày 09/6/2021 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2026; 3.1.06–Quyết định số 865/QĐ-CĐKTCN ngày

09/6/2021 về việc công nhận danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2026–2031 3.1.07– Quyết định số 1161/QĐ-CDKTCN ngày 07/8/2018 ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với cán bộ viên chức Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.08- Đề án vị trí việc làm Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2018; 3.1.09- Đề án vị trí việc làm Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2019; 3.1.10- Quyết định số 1066/QĐ-CDKTCN ngày 13/7/2020 ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.1.11- Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020 - 2021; 3.1.12- Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học năm học 2020 - 2021; 3.1.13- Kế hoạch về việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020 - 2021)

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ luôn được nhà trường chú trọng và tạo điều kiện tốt nhất để CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia. (3.1.14- Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025). Bên cạnh đó, nhà trường luôn chú trọng đến công tác trẻ hóa đội ngũ cán bộ, cụ thể số cán bộ trẻ có trình độ được bổ nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt (Trường/Phó các phòng, khoa, ban, trung tâm ...) ngày càng tăng và đúng theo quy hoạch mà Trường đã đề ra, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác quản lý và giảng dạy.

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang. Hằng năm, trên cơ sở quy mô ngành nghề đào tạo, nhu cầu thực tế sử dụng nhà giáo, đề xuất của lãnh đạo các đơn vị trực thuộc; Nhà trường tiến hành xây dựng kế hoạch, thực hiện tuyển dụng. Riêng năm 2018 nhà trường cũng đã xây dựng Đề án vị trí việc của Trường. Việc tuyển dụng trong các năm 2014, 2015, 2016, 2017, 2020 đều đảm bảo theo quy trình, đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng theo quy định của Nhà nước và nhu cầu về số lượng theo cơ cấu tổ chức của Trường. Việc tiếp nhận, bổ nhiệm cán bộ thực hiện đúng quy trình, kế hoạch, quy hoạch. Trên cơ sở các kết quả tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động theo quy định nhà trường đều có báo cáo cụ thể bằng văn bản về Sở Nội vụ và cơ quan chủ quản trực tiếp là UBND tỉnh Khánh Hòa. Công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động được thực hiện vào cuối mỗi năm học.

Về thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm: nhằm thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy hoạch CBQL và tiến hành rà soát hàng năm theo quy định. Căn cứ quy hoạch, trường có kế hoạch bổ nhiệm CBQL phục vụ cho nhiệm vụ của trường. Việc bổ nhiệm CBQL tuân thủ theo đúng quy trình. Hàng năm

trên cơ sở kế hoạch bổ nhiệm những CBQL còn thiếu, phục vụ cho nhiệm vụ của trường, trường đều có báo cáo công tác bổ nhiệm CBQL (3.2.01- Quyết định số 1024/QĐ-CDN ngày 22/8/2016 về việc công nhận danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026; 3.2.02- Kế hoạch số 454/KH-CDKTCN ngày 18/4/2019 rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016–2021 và 2021–2026; 3.2.02- Kế hoạch về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 -2026 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 - 2031; 3.1.04- Quyết định số 643/QĐ-CDKTCN ngày 01/6/2019 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026; 3.1.05- Quyết định số 864/QĐ-CDKTCN ngày 09/6/2021 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2026; 3.2.03- Tờ trình số 530/TTr-CDKTCN ngày 22/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo; 3.2.04- Báo cáo về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2021).

Về công tác tuyển dụng, hàng năm ngay từ đầu năm học Nhà trường thông báo cho các đơn vị rà soát, đề xuất nhân sự và Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường là người trực tiếp đề xuất bằng văn bản tuyển dụng nhân sự cho đơn vị mình theo đúng chức năng nhiệm vụ, phù hợp với vị trí việc làm và quy định pháp luật của nhà nước, quy định của nhà trường Ban giám hiệu xem xét và phê duyệt các đề xuất tuyển dụng nhân sự trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tế công việc, cơ cấu tổ chức cũng như quy mô hoạt động từng đơn vị. Theo đó, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 1950/KH-CDKTCN ngày 03 tháng 12 năm 2019 và được Sở Nội vụ phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020 theo Quyết định số 393/QĐ-SNV ngày 31/12/2019. Qua 03 tháng triển khai theo, Nhà trường đã hoàn thành tốt kỳ tuyển dụng với kết quả tuyển dụng mới 18 viên chức, đảm bảo đúng nội quy, quy chế kỳ tuyển dụng (3.2.05- Kế hoạch số 1950/KH-CDKTCN ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020; 3.2.06- Quyết định số 393/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.2.07- Quyết định số 03/QĐ-CDKTCN ngày 02/01/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang 3.2.08- Quyết định số 365/QĐ-CDKTCN ngày 25/3/2020 về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.2.09- Báo cáo số 321/BC-HĐXT ngày 16/03/2020 về kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Về việc thực hiện công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động: hàng năm vào cuối mỗi năm học, nhà trường có thông báo, hướng dẫn cụ thể quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và có báo cáo kết quả thực hiện công tác đánh giá về Sở Nội vụ và UBND tỉnh Khánh Hòa, đồng thời công bố công khai kết quả cuối cùng trên cổng thông tin điện tử nhà trường (3.1.11- Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021; 3.2.10- Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021; 3.1.10- Hướng dẫn quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học năm học 2020-2021; 3.2.11- Báo cáo về việc tổng hợp kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp năm học 2020-2021; 3.1.13- Kế hoạch về việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động

năm học 2020-2021; 3.2.12- Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021).

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường thực hiện lồng ghép đánh giá, xếp loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động trong công tác thi đua khen thưởng.

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ: hàng năm, trường xây dựng kế hoạch hoạch tập, bồi dưỡng và tự học tập bồi dưỡng đối với CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động; có báo cáo thể hiện kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho thấy nhà trường đã thực hiện đúng theo Kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động (3.2.13- Thông báo số 1339/TB-CDKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021; 3.2.14- Kế hoạch số 1669/KH-CDKTCN ngày 26/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021; 3.1.14- Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025; 3.2.15- Báo cáo về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020 và kế hoạch năm 2021; 3.2.16- Thông báo về việc công nhận kết quả thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm học 2020-2021).

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động hàng năm. Cụ thể hóa bằng các chế độ khuyến khích như: hỗ trợ tài chính, tạo điều kiện về thời gian cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ yêu cầu phát triển của Trường về lâu dài. Để đảm bảo tính dân chủ và hiệu quả trong các hoạt động của Trường, hàng năm BCH Công đoàn phối hợp với BGH Nhà trường tổ chức hội nghị CBVC. Hội nghị đã phát huy tinh thần dân chủ, CBVC được tham gia đóng góp ý kiến, được thảo luận các chỉ tiêu phương hướng hoạt động của Nhà trường năm tới; qua hội nghị các chế độ chính sách cũng được bàn thảo và được cụ thể hóa vào các quy chế của Nhà trường. Những nội dung này đều được báo cáo hàng năm bằng văn bản cho các đơn vị có liên quan (3.2.17- Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021).

Nhiều năm qua Nhà trường không sai phạm và không có kết luận thanh tra, kiểm tra về việc có sai phạm trong quá trình thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động; trong quá trình thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động. Mọi chủ trương, kế hoạch của Nhà trường đều lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động trong toàn trường (3.2.18- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại, bổ nhiệm các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021). Thông qua ý kiến đóng góp, Nhà trường chọn lọc những ý kiến phù hợp, khả thi để đưa vào phương hướng thực hiện, hoặc đưa vào các văn bản quy định của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.3: *Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, BGH nhà trường, sự phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc nên Trường đã có những chuyển biến tích cực trong công tác tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo. Đội ngũ nhà giáo đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ ngày càng tăng, tổ chức ngày càng ổn định.

Đến nay, Nhà trường đã có đủ số lượng nhà giáo đứng lớp giảng dạy các môn, môn học cho tất cả các ngành nghề đang đào tạo ở ba bậc trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp. Trường có đầy đủ danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; vị trí công tác, bậc giảng dạy, trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng nghề, ngoại ngữ; tin học. Đối chiếu với tiêu chuẩn, Trường có **83.91%** nhà giáo cơ hữu tham gia giảng dạy đạt chuẩn theo quy định (3.3.01- *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định*; 3.3.02- *Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường*; 2.5.04 - *Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021*).

Đội ngũ cán bộ, nhà giáo cơ hữu của trường cũng như nhà giáo thỉnh giảng đều được phòng Tổ chức-Hành chính quản lý hồ sơ đầy đủ và thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu khi có thay đổi (3.3.03- *Hồ sơ cán bộ nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng*).

Việc đánh giá, phân loại nhà giáo được Nhà trường thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Nhà trường đã ban hành các văn bản, quy định liên quan đến công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo. Trên cơ sở đó, hàng năm trường đều có đánh giá xếp loại nhà giáo GĐNN theo chuẩn tại theo quy định để từ đó giúp nhà giáo có điều kiện hoàn thiện bản thân, phấn đấu tốt hơn để đáp ứng yêu cầu thực tế của nhà trường (3.2.10- *Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy nghề nghiệp năm học 2020-2021*; 3.3.04- *Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo*).

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của nhà giáo, các khoa thường xuyên kiểm tra hồ sơ, ký duyệt giáo án trước khi nhà giáo thực hiện giảng dạy. Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí phối hợp các đơn vị thực hiện dự giờ định kỳ và đột xuất; Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa thực hiện kiểm tra định kỳ hàng năm hồ sơ nhà giáo. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ nhà giáo, tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của Trường và có chuẩn bị đầy đủ số giáo án có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn đầy đủ (1.11.03 - *Kế hoạch số 1596/KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 về hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021*; 1.11.05 - *Kế hoạch số 241/KH-CĐKTCN ngày 08/3/2021 kiểm tra quy chế chuyên môn năm học 2020-2021*; 3.3.05- *Thông báo số 430/TB-CĐKTCN ngày 06/4/2021 kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn*; 3.3.06- *Biên bản dự giờ và kiểm tra định kì, đột xuất*).

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường tổ chức thu nhập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học nhằm đánh giá mức độ đáp ứng các chính sách, chất lượng đào tạo cho HSSV; đánh giá sự phù hợp của chương trình đào tạo, chính sách với HSSV; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo (3.3.07- *Kế hoạch về việc thu nhập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học*; 3.3.08- *Báo cáo về kết quả thu nhập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, xây dựng nội quy và quy định trong nhà trường. Nhà giáo của trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định chung và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường đề ra (1.1.09- Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 3.4.01- Nội quy và quy định của trường).

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tổ chức, có đầy đủ các danh sách trích ngang nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động: họ và tên; trình độ đào tạo, vị trí công tác; có đầy đủ hồ sơ quản lý; lưu trữ đầy đủ Phiếu nhận xét, đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, viên chức, người lao động theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động. Kết quả đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động hàng năm đều đạt yêu cầu và được công bố công khai trong toàn trường. Trong năm học 2020-2021, 100% nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ được giao (3.4.02- Danh sách danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; 3.4.03- Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động toàn trường; 3.4.04- Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021; 3.2.12- Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện theo quy định của các cơ quan quản lý cấp trên về công tác quản lý, trường có đầy đủ hồ sơ quản lý: Danh sách trích ngang nhà giáo; quy định của trường về chế độ làm việc của nhà giáo (tổng số giờ giảng dạy); kế hoạch đào tạo; kế hoạch phân công nhà giáo cho toàn khóa đào tạo; danh sách người học của từng lớp; bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm; bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ; bảng thống kê tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm quy định về tỷ lệ HSSV/nhà giáo: 25 HSSV/nhà giáo đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nhân văn, kinh tế và dịch vụ; 20 HSSV/nhà giáo đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và sức khỏe; 15 HSSV/nhà giáo đối với các ngành nghề yêu cầu về năng khiếu theo quy định hiện hành. Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận hơn 65% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo; tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học trên 50% (đảm bảo không ít hơn 30% tổng số nhà giáo của trường cao đẳng theo quy định), đảm bảo mỗi ngành nghề giảng dạy trình độ cao đẳng có nhà giáo trình độ thạc sĩ trở lên.

Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt và chỉ tiêu tuyển sinh, các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ

đào tạo toàn khóa; kế hoạch nhà giáo giảng dạy từng ngành, nghề, mô đun/môn học chi tiết (2.5.03- *Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2020 - 2021*; 2.5.04- *Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021*).

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 5160/VBHN-BLĐTBOXH ngày 02/12/2019 của Bộ Lao động–Thương binh và Xã hội về quy định chế độ làm việc của nhà giáo GDNN, nhà trường ban hành quy định chế độ làm việc của nhà giáo (3.5.01- *Quyết định số 1064/QĐ-CDKTCN ngày 13/7/2020 về việc ban hành chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Trên cơ sở kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm sắp xếp thời khóa biểu, theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện tiến độ đào tạo theo đúng chương trình, thời gian, kế hoạch của từng ngành nghề đã xây dựng (2.5.06 - *Thời khóa biểu học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021*).

Tất cả các lớp thuộc các ngành nghề đào tạo của trường đều có danh sách HSSV cụ thể. Danh sách được Nhà trường cung cấp cho nhà giáo giảng dạy vào đầu mỗi học kỳ để ghi điểm thành phần, điểm kiểm tra quá trình cho HSSV (3.5.02- *Danh sách HSSV từng lớp*).

Đầu mỗi năm học trên cơ sở xây dựng kế hoạch và phân công giảng dạy cụ thể cho từng môn, từng học kỳ; các khoa, bộ môn sẽ dự kiến tổng số giờ giảng dạy của từng nhà giáo cho từng lớp, từng ngành nghề. Việc phân công được thực hiện trên tinh thần cân đối về số giờ giảng cho từng nhà giáo, bảo đảm nhà giáo không giảng dạy vượt quá định mức theo quy định. Hàng năm trường đều ban hành Kế hoạch định mức giờ giảng cho nhà giáo toàn trường theo dựa trên thông tư số Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBOXH ngày 10/3/2017 và cuối năm học nhà trường triển khai cho các Khoa tổ chức kê khai tổng số giờ giảng dạy của nhà giáo và các hoạt động khác để làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời phối hợp với các đơn vị kê khai thanh toán cho các trường hợp nhà giáo giảng dạy vượt giờ chuẩn theo định mức cho phép (3.5.03- *Bảng tổng hợp giờ giảng và thống kê vượt giờ của nhà giáo năm học 2020-2021*).

Phòng Kế hoạch–Tài chính là đơn vị trực tiếp tham mưu cho Ban giám hiệu về các khoản thu, chi tài chính bao gồm thanh toán lương hàng tháng và thanh toán vượt giờ cho nhà giáo. Các khoản thanh toán vượt giờ được nhà trường cụ thể hóa trong Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp với hoạt động thực tế (3.5.04- *Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2020-2021*).

Qua danh sách phân công nhà giáo giảng dạy, danh sách nhà giáo thỉnh giảng và danh sách HSSV, sau khi quy đổi tỷ lệ HSSV/nhà giáo đạt chuẩn theo quy định hiện hành (3.5.05- *Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện tại, nhà trường có đầy đủ các kế hoạch đào tạo cho từng ngành phù hợp với chương trình dạy nghề đã ban hành, chương trình chi tiết đến từng môn học; cụ thể cho các giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập doanh nghiệp (2.1.02 – *Danh sách các Chương trình đào tạo của trường*; 2.5.04 - *Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II*

năm học 2020-2021). Trường có đầy đủ danh sách trích ngang nhà giáo tham gia giảng dạy (3.3.01- *Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư*; 3.3.02- *Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường học kỳ I, HKII năm học 2020-2021*).

Thông qua kế hoạch đào tạo và danh sách nhà giáo, nhận thấy được tính phù hợp giữa chương trình và năng lực nhà giáo. Ngoài ra, sổ tay, giáo án, sổ lên lớp lịch kiểm tra và báo cáo kết quả sau kiểm tra cũng cho thấy được chất lượng giảng dạy, giảng dạy theo đúng tiến độ và phù hợp với chương trình đào tạo.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của nhà giáo, các khoa thường xuyên kiểm tra hồ sơ, ký duyệt giáo án trước khi nhà giáo thực hiện giảng dạy; tổ chức dự giờ; Phòng Đào tạo định kỳ hằng năm phối hợp với các khoa thực hiện kiểm tra hồ sơ nhà giáo. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ nhà giáo, tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của Trường và có chuẩn bị đầy đủ sổ giáo án có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn đầy đủ (2.6.01- *Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2020-2021*; 3.3.06- *Biên bản dự giờ và kiểm tra định kì, đột xuất*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: *Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường có chính sách khuyến khích bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL thông qua việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, giảm giờ định mức khi tham gia học tập nâng cao trình độ (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ luôn được BGH nhà trường đặc biệt quan tâm. Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL (3.2.13- *Thông báo số 1339/TB-CDKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020*; 3.2.14- *Kế hoạch số 1699/KH-CDKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021*).

Để thực hiện triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Khánh Hòa, trường xây dựng Kế hoạch phát triển nhân lực giai đoạn 2021–2025 trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt (3.1.14- *Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025*).

Hàng năm có Báo cáo thể hiện kết quả thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho thấy nhà trường đã thực hiện đúng theo Kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL, thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021 (3.2.17- *Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm*

học 2020-2021).

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động trong toàn trường về chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, trước Hội nghị CBVC trường xem xét điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị (3.2.18- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại, bổ nhiệm các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL (3.2.13- Thông báo số 1339/TB-CDKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020; 3.2.14- Kế hoạch số 1699/KH-CDKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021; 3.1.14- Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025).

Nhà trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ, vì vậy luôn tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo tham dự đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ. Tùy theo nội dung từng khóa đào tạo, nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn và gửi danh sách đối tượng có chuyên môn phù hợp tham dự (3.8.01- Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng; 3.8.02- Bảng thống kê CBGV tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ).

Hầu hết nhà giáo được cử đi tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ/giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học cũng như tài liệu theo đúng nội dung tập huấn. Hàng năm, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đều thực hiện công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy hàng năm (3.2.18- Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 8, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn thực hiện tốt công tác tổ chức, có đầy đủ các danh sách trích ngang nhà giáo theo yêu cầu.

Đề đảm bảo thực hiện công tác bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động cho nhà giáo nhằm cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Nhà trường xây dựng và triển khai Kế hoạch thâm nhập thực tế năm học 2020-2021, trên cơ sở đó các khoa xây dựng kế hoạch thâm nhập thực tế của đơn vị mình gửi về phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng phê duyệt. Sau mỗi đợt thâm nhập thực tế, mỗi cá nhân có báo cáo kết quả sau kỳ thâm nhập về Bộ môn, Khoa đánh giá trình Hiệu trưởng phê duyệt kết quả. Kết quả hoàn thành công tác thâm nhập của nhà giáo được sử dụng làm điều kiện xét nâng lương, thi nâng hạng viên chức, xét công nhận đạt chuẩn và các chế độ, chính sách liên quan như giảm giờ hoạt động khác. (3.9.01- Kế hoạch về việc thâm nhập thực tế năm học 2020-2021; 3.2.16- Thông báo kết quả công tác tổ chức thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm học 2020-2021; 3.9.02- Hồ sơ báo cáo kết quả thâm nhập thực tế của nhà giáo).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 9, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Hàng năm, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đều thực hiện công tác tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, thể hiện rõ trong Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021 (3.2.17- Báo cáo 1172/BC-CDKTCN ngày 25/8/2021 kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 10, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ban Giám hiệu Nhà trường đều được bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn, là những cán bộ có phẩm chất tốt, có năng lực công tác, khả năng điều hành, quản lý, tầm nhìn và hoạch định chiến lược, có trách nhiệm và đã có những đóng góp cho sự phát triển vững mạnh, toàn diện của Nhà trường trong nhiều năm qua.

Hiện nay Nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng đảm bảo đúng yêu cầu về trình độ được đào tạo, thâm niên công tác, độ tuổi, sức khỏe, năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức theo quy định của điều lệ trường Cao đẳng nghề quy định tại Luật GDNN, Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016, Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và thương xuyên cập nhật thông tin dữ liệu của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng khi có thay đổi (3.11.01- Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường; 3.11.02- Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng). Việc bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định trên cơ sở căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp, Thông tư 46/2016/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2016, Văn bản hợp nhất số 1308/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019.

Định kỳ hàng năm, trường tổ chức cho cán bộ chủ chốt bao gồm trưởng, phó các đơn vị đóng góp ý kiến cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng về kết quả hoạt động

được cấp trên phân công và từng nhiệm vụ công việc phụ trách. Qua đó nêu ra những ưu điểm, hạn chế, mức độ tín nhiệm của tập thể đối với từng thành viên trong BGH làm cơ sở điều chỉnh, khắc phục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Kết quả thực hiện trong các năm qua, các đồng chí Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng luôn được đánh giá có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ quản lý, thực hiện tốt quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý nhà trường, luôn được tín nhiệm với mức từ 90% trở lên (3.11.03- *Phiếu Đánh giá viên chức năm học 2020-2021 của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*).

Hàng năm Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của đơn vị gồm những nội dung về tất cả các mặt hoạt động của trường và đều có báo cáo bằng văn bản cụ thể về đơn vị chủ quản (1.5.02- *Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022*).

Trong các năm qua, Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng làm tốt trách nhiệm được giao, không có vi phạm về đạo đức, không bị kỷ luật, không có biểu hiện vi phạm quyền hạn.

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 11, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ CBQL của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong công tác bổ nhiệm CBQL, Trường đã ban hành quy định bằng văn bản và tiến hành các hoạt động bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo các cấp nhằm đảm bảo yêu cầu vận hành bộ máy quản lý, đáp ứng yêu cầu mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với các điều kiện cụ thể (1.1.09-*Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí chức danh và quy hoạch CBQL của Nhà trường; Đảng ủy, BGH đề xuất phương án nhân sự hoặc thống nhất phương án nhân sự trên cơ sở ý kiến giới thiệu của viên chức trong nhà trường. (3.12.01- *Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý; 3.12.02- Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường*).

Hàng năm Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của các đơn vị gồm những nội dung về các mặt hoạt động của các đơn vị và của trường (1.5.02- *Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022; 1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng các đơn vị*).

Định kỳ hàng năm trường tổ chức đánh giá xếp loại CBQL theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành. CBQL làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận mức phân loại, trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, Chi bộ có ý kiến nhận xét bằng văn bản về CBQL được đánh giá, phân loại. Hiệu trưởng trực tiếp tham khảo báo cáo tự đánh giá kết quả công tác của CBQL, các ý kiến tham gia, quyết định đánh giá, phân loại đối với CBQL. Trong các năm qua, 100% CBQL được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (3.4.04- *Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 12, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: *Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

CBQL các cấp của trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác (3.12.01- *Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý*). Hồ sơ của cán bộ trưởng/ phó đơn vị được thể hiện đầy đủ và cập nhật thường xuyên khi thay đổi thông tin (3.12.02- *Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường*).

Đối với Kế toán trưởng đảm bảo yêu cầu được bổ nhiệm theo Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật kế toán; Thông tư 05/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thut tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước (3.13.01- *Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng*; 3.13.02- *Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng*).

Định kỳ hàng năm Nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của các đơn vị gồm những nội dung về các mặt hoạt động của các đơn vị và của trường (1.5.02- *Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021 - 2022*; 1.5.01- *Báo cáo tổng kết và phương hướng các đơn vị*).

Định kỳ hàng năm trường tổ chức đánh giá xếp loại CBQL theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành. CBQL làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận mức phân loại, trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, Chi bộ có ý kiến nhận xét bằng văn bản về CBQL được đánh giá, phân loại. Hiệu trưởng trực tiếp tham khảo báo cáo tự đánh giá kết quả công tác của CBQL, các ý kiến tham gia, quyết định đánh giá, phân loại đối với CBQL. Trong các năm qua, 100% CBQL được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (3.4.04- *Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021*; 3.2.12- *Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021*).

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 13, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: *Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL, luôn quan tâm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của trường (3.2.13- *Thông báo số 1339/TB-CĐKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020*; 3.2.14- *Kế hoạch số 1699/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021*).

Ngoài kế hoạch được định trước đầu năm, trong năm khi có các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trường cũng đều cử CBQL đi học tập (3.14.01- *Văn bản cử CB quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021*).

Bên cạnh đó 100% CBQL tham gia giảng dạy, nhà giáo cũng luôn có ý thức tự

bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thể hiện qua kế hoạch đăng ký tự học tập, bồi dưỡng hàng năm.

Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 14, tiêu chí 3: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: *Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước (3.15.01- *Danh sách trích ngang Viên chức, người lao động của trường*). Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức, người lao động luôn quan tâm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của trường (3.15.02- *Danh sách CBVC, NLD tham gia khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021*).

Ngoài kế hoạch được định trước đầu năm, trong năm khi có các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ trường cũng đều cử viên chức, người lao động đi học tập (3.8.01-*Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng; 3.2.17- Báo cáo 1172/BC-CĐKTCN ngày 25/8/2021 kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021*).

Bên cạnh đó 100% viên chức, người lao động cũng luôn có ý thức tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thể hiện qua kế hoạch đăng ký tự học tập, bồi dưỡng hàng năm.

- Điểm tự đánh giá của tiêu chuẩn 15, tiêu chí 3: 1 điểm

3.2.4. TIÊU CHÍ 4: *Chương trình, giáo trình.*

Bao gồm 15 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp và các văn bản dưới luật về hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường đã xây dựng các chương trình đào tạo cho các nghề theo hướng vận dụng phù hợp vào điều kiện thực tế của trường, nhu cầu học tập, yêu cầu thị trường lao động của xã hội và năng lực của nhà giáo.

Ban biên soạn chương trình gồm nhiều CBQL, nhà giáo có trình độ chuyên môn, các chuyên gia nhiều kinh nghiệm, để xây dựng chương trình đào tạo cho từng nghề phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo.

Về giáo trình, các bộ môn đã tiến hành lựa chọn giáo trình từ các trường có uy tín và biên soạn đầy đủ cho các MH/MĐ và được hội đồng nhà trường thẩm định, phê duyệt.

**** Những điểm mạnh:***

- Chương trình đào tạo của trường được xây dựng cơ bản đảm bảo tính liên thông hợp lý giữa các trình độ đào tạo nghề và các trình độ đào tạo khác;

- Quá trình tổ chức biên soạn, sửa đổi, bổ sung hay điều chỉnh chương trình đều có sự tham gia của nhiều CBQL, nhà giáo nhà trường và có ý kiến đóng góp của các chuyên gia, kỹ sư, CBQL giàu kinh nghiệm từ các doanh nghiệp;

- Công tác biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu giảng dạy của các khoa trong trường được thực hiện theo đúng quy trình; tất cả các giáo trình, tài liệu giảng dạy đều được thông qua hội đồng thẩm định nhận xét đánh giá, nghiệm thu; đảm bảo yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

*** Tồn tại:**

Nhà trường chưa có chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng đang đào tạo được một cơ sở giáo dục đại học công nhận liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng biên soạn giáo trình, giáo trình điện tử cho đội ngũ nhà giáo, thu thập nhiều hơn nữa ý kiến đóng góp của HSSV; đảm bảo tất cả giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các môn học, mô đun được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực;

- Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình; biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh ngoài xã hội;

- Tổ chức số hóa chương trình, giáo trình và tài liệu tham khảo cho tất cả các nghề đang đào tạo tại trường;

- Liên kết với các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 4 | 14 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |

| | |
|---------------|--------|
| Tiêu chuẩn 10 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 13 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 15 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 4.1: *Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng mới tất cả các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đúng theo quy định tại Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN, Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Các nghề đào tạo trường đã được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN theo quy định (1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN; 2.5.01 - Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm học 2020-2021; 4.1.01- Quyết định số 926/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2018 của Bộ LĐ-TB&XH về việc cho phép sử dụng 22 bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức để đào tạo thí điểm; 4.1.02- Khung chương trình của CHLB Đức giảng dạy 2 nghề ĐCN và CN Ôtô tại trường; 4.1.03- Kế hoạch đào tạo toàn khóa của 2 nghề đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.2: *100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

100% chương trình đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng của nhà trường được xây dựng mới đúng theo quy định tại các Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học (4.2.01- Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ Biên soạn chương trình đào tạo năm 2021; 4.2.02- Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021; 4.2.03- Các Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2021; 2.5.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021; 4.2.04- Quyết định về việc thành lập Tổ biên soạn chương trình liên thông trình độ cao

đăng năm 2021; 4.2.05- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình liên thông trình độ cao đẳng năm 2021; 4.2.06- Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng thẩm định chương trình liên thông trình độ cao đẳng năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định tại các Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 12/2017/TT – LĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu của người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (2.5.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề; 2.1.02- Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng chương trình của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; trường giao cho các bộ môn, các khoa liên quan nghiên cứu, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của trường, năng lực của nhà giáo và nhu cầu học tập của xã hội.

Khi xây dựng chương trình, ban biên soạn đã theo sát mục tiêu đào tạo và gắn với thực tế sản xuất kinh doanh, coi trọng kỹ năng nghề nghiệp; phù hợp với nhu cầu học tập và việc làm của xã hội. Trường luôn có sự liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, chương trình đào tạo được thiết kế, xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến chuyên gia, kỹ sư, CBQL giàu kinh nghiệm ngoài trường.

Ban biên soạn chương trình đào tạo gồm nhà giáo cơ hữu đã giảng dạy chuyên môn nghề ít nhất một khóa tham gia vào quá trình xây dựng hoặc góp ý hoặc thẩm định chương trình đào tạo; mỗi chuyên nghề có ít nhất 01 CBQL GDNN và 01 cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động tham gia vào quá trình xây dựng, thẩm định chương trình (4.2.01- Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ Biên soạn chương trình đào tạo năm 2021; 4.2.02- Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc

thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021; 4.2.03- Biên bản thẩm định chương trình đào tạo; 2.5.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021; 4.4.01- Danh sách cán bộ, giảng viên trong khoa, chuyên gia tham gia xây dựng, đóng góp ý kiến cho chương trình đào tạo năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chương trình GDNN của các nghề trong toàn trường đều được rà soát, chỉnh sửa và cập nhật hàng năm; quá trình thực hiện có sự tham gia của các cán bộ kỹ thuật, các chuyên gia từ một số doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Các chương trình đào tạo của khoa sau khi áp dụng được tiến hành khảo sát và tiếp nhận các ý kiến nhận xét, đánh giá khác của người sử dụng lao động, trong đó các chương trình chi tiết các mô-đun, môn học cho thấy đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng được sự thay đổi của thị trường lao động (2.5.01- Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề; 4.5.01- Các phiếu khảo sát Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động; 4.5.02- Bảng tổng hợp Các phiếu khảo sát Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo tại trường được xây dựng dựa trên các quy định tại các Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra chương trình đào tạo khi xây dựng đã được định hướng việc tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể dễ dàng học liên thông lên các trình độ cao hơn trong cùng một ngành nghề đào tạo (2.5.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021). Tuy nhiên hiện chưa có chương trình liên thông từ trình độ cao đẳng với trình độ đại học.

Năm 2018, theo Hướng dẫn của Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tổng cục GDNN và theo Quyết định 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, nhà trường chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện việc rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo định kỳ theo đúng quy định tại Điều 10 Thông tư 42/2015/TT-BLĐTBXH đối với trình độ sơ cấp và Điều 9 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH đối với trình độ trung cấp, cao đẳng.

Năm 2017, nhà trường rà soát và tổ chức biên soạn chương trình dạy nghề trình độ trung cấp, cao đẳng. Năm 2019, trường tiếp tục tổ chức rà soát, biên soạn lại chương trình đào tạo các nghề đang đào tạo tại trường theo quy định có trên 40% giờ thực hành tại doanh nghiệp, năm 2021 trường rà soát, biên soạn lại chương trình đào tạo với nội dung cập nhật những kiến thức, kỹ năng mới đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội, biên soạn lại chương trình đào tạo các nghề đang đào tạo tại trường theo quy định có trên 20% giờ thực hành tại doanh nghiệp trên tổng số giờ trong chương trình đào tạo từng nghề, bên cạnh đó các nghề trong toàn trường đã lồng ghép các kỹ năng bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, cuộc sống số, kỹ năng khởi nghiệp vào chương trình đào tạo (4.7.01- Các Quyết định ban hành chương trình dạy nghề năm 2017; 4.7.02- Các Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2019; 2.5.01 - Các Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 4.2.03- Các biên bản thẩm định chương trình giáo dục nghề nghiệp; 2.1.02- Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, giảng viên, nhà giáo, CBQL được nhà trường quan tâm khuyến khích nghiên cứu, tham khảo chương trình đào tạo nghề của nước ngoài và cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến nghề đào tạo của trường để vận dụng vào việc bổ sung kiến thức, điều chỉnh chương trình đào tạo.

Năm 2014, 2017 nhà trường cử 4 giảng viên tham gia học tập kỹ năng giảng dạy nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) 5 tháng tại Úc và tham gia giảng dạy lớp Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) liên kết với Học viện Chisholm (Úc); Năm 2019 trường cử 8 giảng viên (4 giảng viên nghề Công nghệ ô tô, 4 giảng viên nghề Điện công nghiệp) tham gia bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ sư phạm cho thị trường giáo dục quốc tế và chuyên môn đào tạo nhà giáo dạy nghề tại CHLB Đức và các nhà giáo này đã cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến các nghề đào tạo của khoa để vận dụng vào việc bổ sung kiến thức, điều chỉnh chương trình đào tạo.

Trong quá trình giảng dạy, các CBGV của các nghề trong toàn trường tham gia sản xuất tại doanh nghiệp, hướng dẫn HSSV thực tập; qua đó cập nhật những kiến thức, công nghệ mới ở thực tiễn sản xuất; vận dụng, bổ sung và cập nhật và chương trình đào tạo trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo (4.7.03- Các Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 4.2.03- Các biên bản thẩm định chương trình giáo dục nghề nghiệp; 2.1.02- Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021; 4.8.01- Quyết định cử giảng viên tham gia học tập tại Úc và CHLB Đức; 4.8.02- Danh sách các môn học/mô đun có sử dụng tài liệu nước ngoài).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019, nhà trường đã tổ chức biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo liên thông theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐT BXH cho 16 nghề (4.7.02- Các Quyết định ban hành chương trình dạy nghề năm 2019; 4.9.01- Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2019; 4.9.02- Thông báo về việc Thẩm định chương trình đào tạo liên thông năm 2019; 4.9.03- Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2019; 4.9.04- Bộ chương trình đào tạo liên thông năm 2019; 2.9.01- Thông báo tuyển sinh đào tạo liên thông năm 2020; 4.9.05- Quyết định trúng tuyển các lớp liên thông).

Năm 2021, nhà trường đã tổ chức biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo liên thông theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐT BXH.

Nhà trường có quyết định tuyển sinh đào tạo liên thông và đã tổ chức tuyển sinh đào tạo liên thông 181 sinh viên cho 10 nghề.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy được xác định là nhiệm vụ của tất cả các nhà giáo trong trường để phục vụ giảng dạy. Đến nay các MH/MĐ của các chương trình đào tạo có đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo, đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy của GV và học tập của HSSV. Trong đó có 15 giáo trình biên soạn năm 2019, 64 giáo trình biên soạn năm 2020 và giáo trình, sách do trường tổ chức lựa chọn sử dụng. Giáo trình tự biên soạn được thực hiện theo quy trình biên soạn và được hội đồng khoa học thẩm định, Hiệu trưởng quyết định ban hành giáo trình giảng dạy cho các nghề của trường.

Năm học 2019-2020 nhà trường đã tổ chức biên soạn biên soạn 79 giáo trình cho 15 nghề (1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN; 4.7.02- Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2019; 4.9.01- Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề năm 2019; 4.10.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành; 4.10.02- Bản in các giáo trình của các mô đun, môn học; 4.10.03- Các quyết định ban hành danh mục các giáo trình lựa chọn được sử dụng cho các nghề ; 4.10.04- Các Quyết định ban hành giáo trình được nghiệm thu cho tất cả các nghề).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để có giáo trình cho tất cả các MH/MĐ trong chương trình đào tạo, các giảng viên, nhà giáo trong toàn trường tiến hành biên soạn và lựa chọn giáo trình từ các giáo trình của các nhà xuất bản hoặc của các trường khác.

Các giáo trình, tài liệu giảng dạy được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung cập nhật kiến thức trong quá trình biên soạn, biên soạn lại ngày càng đầy đủ và chất lượng (4.10.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành; 4.10.02- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các nhà giáo trong toàn trường thực hiện biên soạn giáo trình GDNN, tài liệu giảng dạy và học tập đã bám sát các chương trình đào tạo; cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Nhà trường xem công tác biên soạn và biên soạn lại giáo trình; cập nhật, sưu tầm các tài liệu tham khảo mới cho các MH/MĐ của các nghề là nhiệm vụ thiết yếu để hoàn thiện và nâng cao chất lượng các giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập (1.2.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021, Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN; 4.7.02 - Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2019; 4.9.01 - Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề năm 2019; 4.10.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành; 4.10.02- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học; 4.12.01- Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định; 4.10.04- Các Quyết định ban hành giáo trình được nghiệm thu cho tất cả các nghề).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc biên soạn giáo trình được nhà giáo thực hiện bám sát theo chương trình chi tiết của chương trình đào tạo, việc biên soạn được cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Đặc biệt 79 giáo trình biên soạn năm 2019, 2020 thể hiện chi tiết các nội dung: Lý thuyết liên quan, các bước thực hành, những sai sót thường gặp, câu hỏi và bài tập liên quan, đã tạo điều kiện cho người học tự học, tự rèn luyện và nghiên cứu mở rộng hoặc chuyên sâu chuyên môn góp phần vào phương pháp dạy học tích cực (1.2.02- Giấy chứng nhận số 117/2018/GCNĐKHHĐ-TCDN ngày 17/12/2018 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về

việc đăng ký hoạt động GDNN; 2.5.01- Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề; 2.1.02- Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề; 4.10.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành; 4.10.02- Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học; 4.12.01- Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các giáo trình biên soạn trong năm được tổ chức lấy ý kiến của GV chuyên môn, chuyên gia tại các doanh nghiệp nhằm lấy ý kiến nhận xét, đánh giá về chất lượng giáo trình, mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học, các bộ môn rút kinh nghiệm, điều chỉnh phù hợp.

Các giáo trình được trường tổ chức biên soạn đúng quy trình, được phản biện và nghiệm thu chặt chẽ. Ngoài ra các giáo trình cũng được khảo sát ý kiến ở các nhà giáo chuyên môn, chuyên gia trước khi đưa vào sử dụng.

Các khoa, bộ môn trong trường tổ chức sinh hoạt chuyên môn, lấy ý kiến đóng góp của GV, CBQL, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về chất lượng giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập đáp ứng các yêu cầu cụ thể hoá về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN; mức độ tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực (4.14.01- Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến; 4.14.02- Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến của cán bộ, giáo viên, các doanh nghiệp và người học về giáo trình; 4.14.03- Báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch và kết quả thực hiện thu thập ý kiến đánh giá; 4.14.04- Báo cáo kết quả việc thu thập ý kiến đánh giá; 4.14.05- Báo cáo việc sử dụng kết quả thu thập ý kiến đánh giá).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình đào tạo tại trường được điều chỉnh, cập nhật, bổ sung kịp thời khi có sự thay đổi chương trình đào tạo từ 2,5 năm sang 3 năm cho các nghề kỹ thuật đào tạo trong trường.

Năm 2021 với yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, định hướng có trên 20% giờ thực hành, thực tập tại doanh nghiệp trong tổng số giờ của chương trình đào tạo, nhà trường xây dựng, biên soạn Giáo trình đào tạo đối với các nghề đào tạo tại trường theo chương trình mới ban hành (4.7.01- Các Quyết định ban hành chương trình dạy nghề); (2.1.02- Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề; 2.5.01- Các Quyết định

ban hành chương trình đào tạo của các nghề; 4.15.01- Danh sách các chương trình đào tạo có sự thay đổi; 4.15.02- Bản in giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 4: 1 điểm

3.2.5. TIÊU CHÍ 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.

Bao gồm 15 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định để phát triển nhà trường thành trường chất lượng cao trên toàn quốc thì ngoài việc xây dựng đội ngũ nhà giáo, CBQL, nhân viên nhà trường đủ chuẩn, thì ngoài ra việc đầu tư cơ sở hạ tầng, vật chất, thiết bị phục vụ dạy và học là điều kiện rất quan trọng để phát triển nhà trường và quyết định chất lượng đào tạo.

Do vậy, việc đánh giá Tiêu chí 5 về Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện với 15 tiêu chuẩn trong tiêu chí kiểm định chất lượng là đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động dạy và học của Trường về cơ sở hạ tầng, vật tư, trang thiết bị và thư viện phục vụ trong những năm qua.

*** Những điểm mạnh:**

Mặt bằng tổng thể của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được bố trí tại 3 cơ sở đào tạo với tổng diện tích đất là 249.201,1 m², cụ thể:

- Cơ sở chính (cơ sở 1) tại Đường Bắc Hòn Ông, Phước Đồng, TP.Nha Trang: Diện tích đất là: 74.350 m² có 34 phòng học lý thuyết, 82 phòng thực hành chuyên ngành, 01 phòng hội trường, 01 phòng hội thảo, thư viện, ký túc xá và Trung tâm dạy nghề Nha Trang có diện tích 290.4 m² tại 298 Thống Nhất và 162 Dã Tượng.

- Cơ sở 2: Cơ sở đào tạo lái xe cơ giới - Xã Phước đồng, TP Nha Trang, Khánh Hòa, diện tích 44.396 m² có 03 phòng lý thuyết và 13 phòng thực hành nghề;

- Cơ sở 3: Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường - xã Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa, diện tích 130.164,7 m² có 03 phòng lý thuyết, phòng làm việc, ký túc xá, nhà ăn, 2 khu nhà học thực hành và 2 khu thực nghiệm.

Nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư đủ các trang thiết bị có chất lượng cao để phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, hầu hết các máy móc, thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành. Tất cả các máy, thiết bị đáp ứng đủ và phù hợp với các nghề mà nhà trường đang đào tạo. Bên cạnh đó, nhà trường có đủ hệ thống kho vật tư, thiết bị tại các cơ sở để lưu giữ vật tư, dụng cụ thực hành, đáp ứng đầy đủ cho mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Các khu học tập được thiết kế bố trí cách xa các trục lộ giao thông, khu công nghiệp, đảm bảo không ảnh hưởng tiếng ồn, bụi bặm, chất độc hại, ô nhiễm không khí, nguồn nước trong quá trình giảng dạy và học tập.

Địa điểm của trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở dạy nghề, giao thông thuận tiện.

Các cơ sở của trường đều có đặt trạm biến áp riêng để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và sinh hoạt. Đồng thời có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió, hệ thống PCCC theo quy chuẩn phục vụ nhu cầu đào tạo, sản xuất và các dịch vụ sinh hoạt.

Hầu hết các máy móc, thiết bị đều đúng chủng loại, có chất lượng, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật. Tất cả các máy, thiết bị đều phù hợp với các nghề mà nhà trường đang đào tạo. Các xưởng thực hành có đủ thiết bị chính đảm bảo cho yêu cầu đào tạo mỗi lớp 18 HSSV.

Thư viện được đầu tư trang thiết bị, các loại đầu sách chuyên ngành cơ bản đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và HSSV.

Thư viện ngoài các đầu sách chuyên môn, sách tham khảo, giáo trình các khoa; có cơ sở dữ liệu điện tử và phần mềm quản lý thư viện tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV có thể tìm và tra cứu tài liệu trên mạng nội bộ, mạng Internet.

*** Những tồn tại:**

- Khoảng cách giữa cơ sở chính với cơ sở 3 cách xa nhau, ảnh hưởng tới việc đi lại giảng dạy của nhà giáo và một số hoạt động khác của nhà Trường;

- Hiện 02 nghề công nghệ sinh học và nghề bảo vệ môi trường biển của Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường không có HSSV theo học, do đó tại cơ sở 3, nhà trường chưa bố trí HSSV học tập.

- Một số nghề có trang thiết bị phong phú về chủng loại, nhưng số lượng không nhiều nên khi thực tập phải chia nhóm.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục lập kế hoạch đầu tư chủng loại thiết bị đào tạo theo danh mục chủng loại thiết bị bắt buộc của Bộ LĐTB&XH, đồng thời trang bị bổ sung dần số lượng thiết bị thiếu hoặc lạc hậu, hư hỏng.

Liên kết đào tạo với các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đưa HSSV ra ngoài thực tập để tiếp cận với các chủng loại thiết bị trường chưa có.

Tiếp tục tổ chức tập huấn về công tác PCCC cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên khi Công an PCCC của tỉnh mở lớp tập huấn.

Tiếp tục cho in bản cứng chương trình, giáo trình đào tạo các nghề. Đầu tư trang thiết bị và tổ chức thư viện điện tử, đồng thời từng bước thực hiện số hóa toàn bộ chương trình, giáo trình đào tạo các nghề nhằm tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|----------------------|------------------|
| Tiêu chí 5 | 13 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |

| | |
|---------------|--------|
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 10 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 11 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 12 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 13 | 0 điểm |
| Tiêu chuẩn 14 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 15 | 0 điểm |

Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được đổi tên theo Quyết định số 1469/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 15/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội từ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang được thành lập theo Quyết định số 192/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Tiền thân là Trường Trung học Kỹ thuật Nha Trang được thành lập từ năm 1962 (1.1.02- Quyết định số 192/QĐ-BLĐTĐ&XH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang; 1.1.06- Quyết định số 1469/QĐ-LĐTĐBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ngày 15 tháng 9 năm 2017 về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). Cùng với sự phát triển của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, năm 2018 Trường tiếp nhận và chuyển vào cơ sở mới với diện tích, công trình xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo đủ điều kiện làm việc, hoạt động GDNN phù hợp chiến lược phát triển Trường (1.1.12- Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 9/12/2020 của Hiệu trưởng ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, cơ sở chính được bố trí xây dựng tại Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông, Xã Phước Đồng, TP. Nha Trang, với diện tích 74.350 m², đây là vùng quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới cơ sở GDNN tại tỉnh Khánh Hòa và Trung tâm GDNN Nha Trang có diện tích 290.4 m² tại 298 Thống Nhất và 162 Dã Tượng. Ngoài ra, nhà trường có cơ sở 2 là Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - cơ giới, địa chỉ: Phước Điền, xã Phước Đồng – Tp. Nha Trang diện tích 44.396 m² cao ráo, thoáng mát, giao thông thuận lợi, cung cấp điện nước đảm bảo đủ tiêu chuẩn cho đào tạo nghề lái xe cơ giới; cơ sở 3 là Khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, địa chỉ: Xã Suối Cát, Cam Lâm, Khánh Hòa diện tích 130.164,7 m², đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo đủ điều kiện làm

việc, hoạt động dạy thực hành, thực nghiệm. Tổng diện tích của nhà trường là 249.201,1 m².

Dựa trên hồ sơ kỹ thuật thửa đất, sơ đồ mặt bằng của nhà trường cho thấy địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở GDNN, khu đất xây dựng đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, vị trí 3 cơ sở đào tạo của nhà trường đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại (5.1.01 – *Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường, khoảng cách đến các xí nghiệp, công nghiệp thải ra chất độc hại gần nhất ở xung quanh của 3 cơ sở*). Tại các cơ sở đào tạo của nhà trường đều nằm cách xa quốc lộ, có hệ thống giao thông thuận tiện và an toàn; không có tiếng ồn ảnh hưởng đến công việc giảng dạy cũng như tình hình an ninh, an toàn giao thông tại các cơ sở (5.1.02- *Bảng thống kê các trạm xe bus*; 5.1.03- *Bảng thống kê khoảng cách từ các trục đường đến các khu giảng dạy*; 5.1.04- *Báo cáo về tình hình an ninh, an toàn giao thông của nhà trường*). Các cơ sở của trường thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước; các cơ sở đều có đặt trạm biến áp riêng để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và sinh hoạt, có hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió, hệ thống PCCC theo quy chuẩn phục vụ nhu cầu đào tạo, sản xuất và các dịch vụ sinh hoạt.

Trên cơ sở các ý kiến đóng góp phản hồi, từ việc tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn trong vận hành sử dụng, Nhà trường có kế hoạch khắc phục để ngày càng hoàn thiện (5.1.05- *Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng*; 5.1.06- *Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sự phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Dựa theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất tại các cơ sở và Biên bản bàn giao công trình, Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng tại cơ sở chính (5.2.01- *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất*; 5.2.02- *Biên bản bàn giao công trình, Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/5/2018*), mặt bằng tổng thể của trường với tổng diện tích đất là 249.201,1 m² tại các cơ sở đào tạo đều được chia làm 3 khu vực theo đúng tiêu chuẩn xây dựng, gồm có:

+ Khu học tập: gồm các lớp học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và nhà làm việc;

+ Khu rèn luyện thể chất: gồm nhà thi đấu đa năng, các sân, bãi tập thể dục thể thao;

+ Khu phục vụ sinh hoạt cho HSSV.

Các cơ sở bố trí phòng học lý thuyết và xưởng thực hành ở các khu riêng biệt. Giữa các khu có lối đi thuận lợi, có ngăn cách bởi dây cây xanh xung quanh. Chỉ giới xây dựng các công trình của trường cách đường đỏ > 20m. Việc bố trí như trên đảm bảo cách xa tiếng ồn giữa khu vực thực hành với khu vực lý thuyết cũng như đảm bảo về mặt quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc, cảnh quan của trường (5.2.03- Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính; 5.2.04 - Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới; 5.2.05- Bản vẽ mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường).

Dựa trên bản vẽ tổng thể mặt bằng, sau khi tính toán cho thấy mật độ xây dựng công trình tại cơ sở chính là: $(21.791,7 \text{ m}^2 \times 100) / 74.350 \text{ m}^2 = 29,3\%$; tại cơ sở 2 là: $(15.561 \text{ m}^2 \times 100) / 44.396 \text{ m}^2 = 35\%$; tại cơ sở 3 với các khu học lý thuyết, phòng làm việc, ký túc xá, nhà ăn, khu nhà học thực hành và khu thực nghiệm, đường nội bộ sau khi tính toán cho thấy mật độ xây dựng các công trình tại cơ sở này là $(31.240 \text{ m}^2 \times 100) / 130.164,7 \text{ m}^2 = 24\%$.

Với số liệu này cho thấy khuôn viên của Trường đảm bảo về mật độ xây dựng công trình từ 20 - 40%, số liệu này được thể hiện rõ trong bảng thống kê diện tích các khối công trình xây dựng (5.2.06- Bảng thống kê diện tích các khối công trình xây dựng trường tại cơ sở chính; 5.2.07- Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính; 5.2.08- Hồ sơ hoàn công các công trình Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang; 5.2.09- Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới; 5.2.10- Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường).

Căn cứ bản vẽ mặt bằng, thực tế quan sát khuôn viên cây xanh tại các cơ sở của Trường, tại cơ sở chính trước các khu nhà đều trồng cây cảnh tạo môi trường xanh, sạch đẹp tính được diện tích khu vực trồng cây xanh của cơ sở chính là 23.230 m^2 , cơ sở 2 là 15.200 m^2 . Do đó tỉ lệ cây xanh bóng mát được tính toán như sau: Cơ sở chính: $(23.230 \times 100) / 74.640,4 \text{ m}^2 = 31,1\%$; cơ sở 2: $15.200 / 44.396 = 34,2\%$. Cơ sở 3: $50.765 / 130.164,7 \text{ m}^2 = 39\%$ hệ thống cây xanh bóng mát đảm bảo đủ tiêu chuẩn theo quy định. Với tỉ lệ này, đảm bảo tiêu chuẩn cây xanh bóng mát từng cơ sở theo qui định từ 30% đến 40% (5.2.11- Bảng thống kê diện tích cây xanh tại 03 cơ sở), ngoài ra ở mỗi cơ sở còn có khoảng đất dự trữ để phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng từ 20% đến 25%.

Qua việc tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về cơ sở vật chất phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo, trên cơ sở các ý kiến phản hồi, nhà trường có kế hoạch sắp xếp ngày càng hoàn thiện (5.1.05- Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, sư phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn trong vận hành sử dụng; 5.1.06- Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo, sư phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn trong vận hành sử dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: Khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo số liệu báo cáo tuyển sinh của Nhà trường từ năm học 2019-2020 đến 2021-2022 với số lượng học sinh thực tế trong trường hàng năm là khoảng 3000 HSSV, nhà trường có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đáp ứng nhu cầu đào tạo lưu lượng học sinh trên, tại các cơ sở, ngay tại cơ sở chính nhà trường có đủ các khối công trình phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động của trường như: khu học lý thuyết tại tầng 4, tầng 5 của khu nhà học 1 và tầng 5 của khu hiệu bộ, xưởng thực hành và nghiên cứu khoa học ở các khoa như khoa Cơ khí, Điện-Điện tử, Du lịch-Thương mại và Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường đều có khu vực riêng biệt, như nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3 và ở tầng 1, 2 và 3 khu nhà học 1, tầng 4 và tầng 5 khu nhà hiệu bộ, ngoài ra nhà Trường còn có các các khu riêng như khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo (5.2.03- Bản vẽ tổng thể mặt bằng Trường tại cơ sở chính; 5.3.01- Bản vẽ mặt bằng trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang; 5.2.04- Bản vẽ mặt bằng trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới; 5.2.05- Bản vẽ mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường; 5.2.07- Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng tại cơ sở chính; 5.2.08- Hồ sơ hoàn công các công trình Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang; 5.2.09- Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô - cơ giới; 5.2.10- Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường).

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về việc nhà trường có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo (5.1.05- Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, CBQL về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng; 5.1.06- Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các cơ sở đào tạo của trường được quy hoạch xây dựng hợp lý, cụ thể là:

Cơ sở chính: được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đầu tư xây dựng mới, tại địa chỉ Đường N1, Khu trường học đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông – Phước Đồng – Nha Trang – Khánh Hòa và bàn giao sử dụng trong năm 2018. Các khối kiến trúc gồm khu nhà hiệu bộ 5 tầng và khu học 5 tầng rất thuận tiện cho cán bộ nhà giáo làm việc, tạo điều kiện cho công tác quản lý chặt chẽ hơn. Các phòng học lý thuyết tại tầng 4 và tầng 5 của các khu nhà 05 tầng, các phòng học rộng rãi, thoáng mát, đủ ánh sáng đáp ứng được yêu cầu giảng dạy và học tập của nhà giáo và học sinh – sinh viên. Xưởng thực hành gồm 3 khu nhà kiên cố dành cho các nghề Cơ khí cắt gọt kim loại, Công nghệ ô tô, Điện, Kỹ thuật và điều hòa không khí; Chế biến món ăn. Tại tầng 1, 2 và tầng 3 khu nhà học 1 cho nghề Du lịch, Tin học, Điện, Điện tử, Công nghệ sinh học và công nghệ môi trường. Ngoài ra nhà trường còn có khu ký túc xá, nhà thi đấu đa năng và một số công trình kiến trúc khác phục vụ công tác đào tạo nghề của nhà trường.

Nhà trường còn có hệ thống thông gió các nhà xưởng, hệ thống điều hòa không khí các phòng làm việc, hệ thống và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy chuẩn phục vụ tốt cho nhu cầu đào tạo, sản xuất và các dịch vụ sinh hoạt, tại cơ sở chính các khu chức năng được xây dựng tương đối độc lập với nhau để tránh tiếng ồn giữa khu vực nhà xưởng với khu làm việc và khu vực học lý thuyết, các khu được liên kết với nhau bằng đường nội bộ nhựa dầu kiên cố, mỗi khu có đầy đủ hệ thống điện trong và ngoài nhà, hệ thống cấp nước, thoát nước thải và hệ thống PCCC (5.2.03- *Bản vẽ tổng thể mặt bằng Trường tại cơ sở chính*; 5.4.01- *Bản vẽ hoàn công các công trình phụ trợ*; 5.4.02- *Hợp đồng cung cấp điện Trường*; 5.4.03- *Hợp đồng cung cấp nước Trường*; 5.4.04- *Hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở chính*). Hệ thống PCCC được Công an PCCC nghiệm thu đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu (5.4.05- *Công văn về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình Trường*).

Cơ sở 2 của nhà trường được thiết kế, xây dựng và Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe Ô tô (5.2.04- *Bản vẽ mặt bằng trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới*; 5.4.06-*Hợp đồng cung cấp điện, nước trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới*; 5.4.07 - *Hồ sơ công tác phòng cháy chữa cháy trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới*).

Cơ sở 3 khoa Công nghệ sinh học và Công nghệ môi trường, đảm bảo đủ điều kiện làm việc, hoạt động dạy nghề, thực hành, thực nghiệm (5.2.05- *Bản vẽ tổng thể mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường*; 5.4.08- *Hợp đồng cung cấp điện khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường*; 5.4.09- *Hợp đồng khoan giếng*).

Tại các khu nhà ở các cơ sở của nhà trường đều có có hệ thống cấp thoát nước, trạm biến áp riêng, Cơ sở chính có trạm biến áp với công suất 360 kVA, cơ sở 2 có trạm biến áp với công suất 50kVA và cơ sở 3 có trạm biến áp với công suất 100kVA đáp ứng đầy đủ việc truyền tải và phân phối điện năng cho nhu cầu làm việc, nhu cầu đào tạo, thực hành sản xuất và các nhu cầu khác (5.4.10 - *Bản vẽ thiết kế, hoàn công đường điện, cấp thoát nước tại các cơ sở*; 5.4.11- *Sơ đồ, số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành*; 5.4.12- *Sơ đồ, số liệu hệ thống cấp thoát nước cho các xưởng thực hành*).

Hệ thống đường giao thông nội bộ trong trường tại cơ sở chính có kết cấu bền vững từ nhựa dầu, có chiều rộng của đường từ 4m đến 10m, tại cơ sở 2 cũng được xây dựng đường có chiều rộng 4m-6m, tại cơ sở 3 xây dựng đường bê tông rộng 6m. Có sơ đồ

hệ thống thu gom rác thải và phế liệu, có hợp đồng với nhân viên tạp vụ vệ sinh trong Trường, hàng năm có Trung tâm y tế dự phòng Tỉnh Khánh Hòa về kiểm tra (5.4.13- Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên tại 03 cơ sở; 5.4.14- Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu chất thải của toàn Trường; 5.4.15- Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu chất thải tại các xưởng thực hành; 5.4.16- Hợp đồng với nhân viên tạp vụ vệ sinh trong Trường; 5.4.17- Biên bản kiểm tra vệ sinh học đường của trung tâm Y tế dự phòng).

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường được quản lý và bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng, công suất theo thiết kế. Các phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, hệ thống điện nước đều được giao cho các phòng, khoa, bộ môn liên quan quản lý và sử dụng. (5.4.18- Quyết định số 1929/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 5.4.19- Dự toán kinh phí sửa chữa bảo trì thiết bị; 5.4.20- Báo cáo kết quả công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm). Hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải độc hại, thông gió, PCCC được nhà trường quan tâm và giao cho phòng Quản trị - Thiết bị đảm nhiệm, có bộ phận sửa chữa nhỏ, thường xuyên bảo dưỡng vận hành đúng quy trình, bảo đảm hoạt động đúng chức năng công suất, phục vụ giảng dạy, làm việc, khi có sự cố, hỏng hóc, các bộ phận làm giấy đề xuất sửa chữa và được sửa chữa kịp thời, đảm bảo chung cho công tác giảng dạy (5.4.21- Giấy đề xuất sửa chữa).

Qua khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường đáp ứng theo quy chuẩn và nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (5.1.05- Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng; 5.1.06 - Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học, hội trường, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng được nhu cầu đào tạo. Số lượng học sinh đang học tập tại trường (5.5.01 - Bảng thống kê số lượng học sinh - sinh viên năm 2020-2021). Các lớp học được phân ra 2 ca học sáng và chiều theo thời khóa biểu (5.5.02- Sĩ số và danh sách các lớp của năm học năm 2020-2021; 2.5.06 - Thời khóa biểu từng kỳ năm 2020-2021). Do đó, tỉ lệ 1,5m²/ chỗ học lý thuyết, 4-6m²/ chỗ học thực hành được đảm bảo.

Tại cơ sở chính: có 34 phòng học lý thuyết, diện tích 6.141m² và 82 phòng thực hành các nghề, diện tích 19.346m² trong đó có một số phòng học thực hành đi sâu vào chuyên môn cao như phòng CNC, phòng Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm

(theo tiêu chuẩn Úc), các phòng học đáp ứng chuyên môn hóa của Công nghệ Ô Tô, Điện công nghiệp (theo tiêu chuẩn Đức); phòng cơ điện tử, phòng khí nén, phòng tự động hóa và phòng máy điện... (5.2.03- *Bản vẽ tổng thể mặt bằng Trường tại cơ sở chính*; 5.2.07- *Bản vẽ hoàn công các khối công trình xây dựng tại cơ sở chính*).

Cơ sở 2: có 03 phòng học lý thuyết, diện tích 178 m² và 13 phòng thực hành các loại, diện tích 1.434m² (5.2.04- *Bản vẽ mặt bằng trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới*; 5.2.09- *Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô - cơ giới*).

Cơ sở 3: có 03 phòng học lý thuyết, diện tích 169m² và 2 khu thực nghiệm gồm 02 dãy xưởng thực hành, thí nghiệm các loại, diện tích 900m², ao hồ chứa và thực nghiệm với diện tích 2.445m² và khu vườn ươm ghép hơn 15.880m² (5.2.10- *Bản vẽ mặt bằng, hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường*).

Vậy diện tích phòng học lý thuyết, xưởng thực hành đáp ứng được qui mô đào tạo của trường (5.5.03- *Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng*).

Các công trình trong nhà trường đạt quy chuẩn xây dựng theo thiết kế đã được duyệt, các phòng học, nhà xưởng thực hành đều đảm bảo chiếu sáng tự nhiên trực tiếp qua các cửa sổ mở ra không gian trống bên ngoài, qui hoạch nội bộ thuận tiện cho vận chuyển, lắp đặt, các hành lang, lối đi được thiết kế đúng tiêu chuẩn. Hệ thống ánh sáng nhân tạo của nhà trường, khi không có ánh sáng tự nhiên vẫn đảm bảo cho các hoạt động bình thường (5.4.10- *Bản vẽ thiết kế, hoàn công đường điện, cấp thoát nước tại các cơ sở*).

Thực tế hiện tại các cơ sở của nhà trường bố trí phòng học lý thuyết và xưởng thực hành ở các khu riêng, tại các khu hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều được ngăn cách, có hệ thống chiếu sáng, thông gió, vệ sinh bảo đảm quy chuẩn xây dựng và các yêu cầu về ngăn cách. Hệ thống thông gió đảm bảo không gây ô nhiễm, đảm bảo lượng không khí sạch, qua việc khảo sát và báo cáo về cơ sở vật chất, phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa, sự phạm, vệ sinh...phục vụ đào tạo, để kịp thời khắc phục bổ sung ngày càng hoàn thiện tốt hơn đáp ứng việc giảng dạy (5.5.05- *Báo cáo số lượng, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*; 5.1.06- *Báo cáo kết quả ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các máy móc, thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ của các trang thiết bị. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng. Các khoa phân công cho các bộ môn theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn đúng qui trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá

thường xuyên, kịp thời (5.6.01- *Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị).*

Nhà trường có văn bản quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.6.02- *Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; 5.6.03- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị - Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018; 5.6.04 - Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị - Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CDKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018; 5.6.05- Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.7: *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các khu học lý thuyết và các xưởng thực hành được bố trí tương đối độc lập, theo kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu; phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của nhà trường (5.7.01- *Quyết định số 1933/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).*

Trong các phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn... tất cả đều có nội quy, quy định việc bảo vệ các tài sản (5.7.02 – *Nội qui phòng học lý thuyết, Nội qui xưởng thực hành*). Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng hàng năm báo cáo công tác sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa (5.7.03- *Báo cáo sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; 5.1.06- Báo cáo kết quả ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, su phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị là điều kiện đặc biệt quan trọng đảm bảo chất lượng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý của nhà trường. Vì vậy nhà trường luôn quan tâm đổi mới và đầu tư bổ sung các trang thiết bị tiên tiến, cho phù hợp với trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại (5.8.01- *Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc chương trình mục tiêu giáo*

đục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động; 5.8.02- Dự án trang thiết bị từ nguồn vốn ODA của chính phủ Cộng hòa liên bang Đức).

Đến nay Nhà trường đã được đầu tư cơ bản các chủng loại thiết bị dạy nghề, các ngành nghề Trường đào tạo đều có chủng loại thiết bị tương đối hơn 90% theo danh mục chủng loại thiết bị bắt buộc của Bộ LĐTB&XH, ngoài ra hàng năm Trường có liên kết đào tạo với các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đưa học sinh-sinh viên ra ngoài thực tập để tiếp cận với các chủng loại thiết bị Trường chưa có. Với chủng loại thiết bị hiện có ở Trường, cùng với sự liên kết đào tạo với các doanh nghiệp nhà Trường đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo trình độ cao đẳng nghề, trung cấp nghề (5.8.03- *Danh mục thiết bị dạy nghề tại trường; 5.8.04- Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị; 5.8.05 - Bảng danh mục thiết bị tối thiểu của nghề do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành; 5.8.06- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; 5.8.07- Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề; 5.8.08- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình dạy nghề).*

Các thiết bị chính phục vụ cho thực hành đều có hướng dẫn sử dụng, đảm bảo số lượng tối thiểu cho các lớp học thực hành bình thường 18 học sinh và các lớp học thực hành đối với nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đảm bảo 10 HSSV/lớp (5.5.02- *Sĩ số và danh sách các lớp của năm học 2020-2021; 2.5.06- Thời khóa biểu năm học 2020-2021; 5.5.04 - Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng; 5.8.07- Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề; 5.8.06- Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề).*

Hiện nay, nhà trường đã ký kết với các xí nghiệp, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất gửi HSSV đi thực hành, thực tập một số module có liên quan (5.8.09- *Danh sách HSSV đi thực hành, thực tập nơi phối hợp đào tạo; 5.8.10- Kế hoạch giảng dạy, học tập nơi phối hợp đào tạo; 5.8.11 - Báo cáo về việc thực tập nơi phối hợp đào tạo).*

Thiết bị đáp ứng đủ theo quy mô đào tạo, các thiết bị đều đúng chủng loại, chất lượng đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo sức khỏe cho người sử dụng phù hợp với các ngành nghề đang đào tạo, được thể hiện sự hài lòng của người học, nhà giáo qua kết quả khảo sát người học, nhà giáo, CBQL (5.1.06- *Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sự phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị, dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý, an toàn, ở mỗi ngành nghề đều có dãy xưởng riêng biệt bố trí máy móc thiết bị, dụng cụ phục vụ

cho mỗi nghề cụ thể như các loại máy móc phục vụ ngành cơ khí là các thiết bị công kênh có trọng lượng lớn được bố trí ở dãy xưởng riêng trong đó có từng khu của các loại máy riêng biệt như phòng máy CNC, khu xưởng thực hành máy công cụ (tiện, phay, bào vạn năng), khu thực hành máy móc thiết bị Ô tô, khu thực hành gò hàn, các thiết bị, dụng cụ phục vụ nghề điện, điện tử, du lịch, đều sắp xếp ở mỗi dãy xưởng cách xa nhau. Qua khảo sát điều tra, việc bố trí máy móc thiết bị đúng quy trình và rất thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành theo cả lớp, nhóm và từng cá nhân đối với từng nghề (5.9.01- Sơ đồ bố trí trang thiết bị dụng cụ trong từng xưởng thực hành; 5.8.04- Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị; 5.9.02- Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành; 5.9.03- Bộ ảnh trong các xưởng thực hành).

Qua khảo sát hiện trạng cơ sở và đánh giá của CBQL các trang thiết bị lắp đặt đảm bảo tính thẩm mỹ công nghiệp. Khu xưởng thực hành được nhà trường bố trí xây dựng, kiểm tra đảm bảo tính thẩm mỹ và an toàn lắp đặt như: Phòng CNC, phòng Công nghệ thông tin ứng dụng phần mềm (theo tiêu chuẩn Úc), các phòng học đáp ứng chuyên môn hóa của Công nghệ Ô tô, Điện công nghiệp (theo tiêu chuẩn Đức); phòng cơ điện tử, phòng khí nén, phòng tự động hóa và phòng máy điện (5.9.04 - Mặt bằng lắp đặt thiết bị các xưởng thực hành). Các phòng thực hành được sự quản lý chặt chẽ bởi các khoa và bộ môn, do đó việc bố trí tổng thể mặt bằng khu thực hành, khu nhà xưởng, trang trí biển báo, hệ thống chiếu sáng đảm bảo tính thẩm mỹ trong môi trường sư phạm. Các xưởng thực hành bố trí thiết bị thuận tiện và an toàn trong lắp đặt, vận hành; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (5.6.01- Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị; 5.9.05- Đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ).

Việc bố trí hợp lý, an toàn thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường ngày càng hoàn thiện hơn qua khảo sát, góp ý của người học, nhà giáo, CBQL (5.1.05- Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sư phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng; 5.1.06- Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sư phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, cũng như các máy móc, thiết bị đào tạo có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản, các quy trình vận hành máy móc thiết bị, nhật ký vận hành thiết bị tại các xưởng thực tập của nhà trường. Việc bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị máy móc được duy trì nghiêm túc và thực hiện thường xuyên do các nhà giáo tại các xưởng và các chuyên gia của các doanh nghiệp tiến hành, ngoài ra trong quá trình quản lý, sử dụng trường

bộ môn luôn có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị (5.6.02- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; 5.6.03- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018; 5.6.05- Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 5.9.02- Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành; 5.10.01- Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các máy móc, thiết bị đều có hồ sơ xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản. Các khoa phân công cho các bộ môn theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn đúng qui trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên, kịp thời (5.8.03- Danh mục thiết bị dạy nghề tại trường; 5.8.04- Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị; 5.6.01 - Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang, thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị); 5.6.03- Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị-Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018; 5.10.01- Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng).

Hàng năm nhà trường thành lập hội đồng kiểm kê tài sản, tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định của nhà nước, sau kiểm kê có đánh giá, phân loại tài sản kém phẩm chất, các thiết bị cũ, hư hỏng không còn sử dụng được đề nghị cho thanh lý và thay thế (5.11.01 - Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê; các Biên bản kiểm kê tài sản; 5.11.02 - Danh mục thanh lý tài sản; các quyết định thanh lý tài sản).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào tình hình thực tế và dựa trên bảng dự trữ vật tư, thiết bị từng học kỳ của các đơn vị cho năm học, kế hoạch giảng dạy, tiến độ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của phòng đào tạo, thời khóa biểu; phòng Quản trị - Thiết bị, phòng Kế hoạch – Tài chính triển khai mua sắm thiết bị, vật tư theo từng đợt nhập kho trường và sau đó cung cấp về cho bộ môn mỗi học kỳ làm 2 đợt, do đó trong kho luôn có một lượng vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu dự trữ cho kế hoạch đào tạo (5.12.01 - Báo cáo vật tư tồn kho; 5.12.02- Bảng dự trữ vật tư của các đơn vị; 5.12.03- Quy trình mua sắm tài sản;

5.12.04- *Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, Biên bản bàn giao nghiệm thu*). Nhà trường có quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo (5.12.05- *Quyết định số 1931/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Nhà trường có quy định về quản lý việc cấp phát, thu nhận vật tư, trang thiết bị hàng hóa, vật liệu và định mức tiêu hao vật tư cho các ngành nghề đào tạo. Hệ thống này phân cấp quản lý từ phòng Quản trị - Thiết bị, phòng Kế hoạch – Tài chính triển khai mua sắm thiết bị, vật tư, sau khi nghiệm thu và bàn giao cho các khoa, bộ môn quản lý cấp phát cho HSSV học tập. Tất cả đều phải lưu vào hồ sơ quản lý (5.12.06- *Quyết định số 1932/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*); tất cả vật tư tài sản khi mua về đều có phiếu nhập kho và vào thẻ kho; khi cấp phát vật tư tài sản đều có phiếu xuất kho theo quy định của nhà nước; việc thực hiện quy trình nhập xuất vật tư chặt chẽ đã góp phần chống thất thoát tài sản trong đơn vị (5.12.07- *Quyết định số 1809/QĐ-CDKTCN ngày 13/11/2019 Ban hành Quy định về xuất nhập kho vật tư, dụng cụ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 5.12.08- *Bảng dự trù danh mục vật đề nghị cấp phát*; 5.12.9- *Phiếu nhập, xuất kho*; 5.12.10- *Thẻ kho*; 5.12.11- *Danh sách cán bộ chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát, thu nhận vật tư, thiết bị toàn trường*).

Hệ thống kho bảo quản trang thiết bị, vật tư, hàng hoá được bố trí trong khuôn viên của trường đều có các điều kiện bảo vệ, bảo quản tốt như: Mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, chống ẩm. Các kho ở các cơ sở đều được phân công quản lý, bảo vệ tốt bởi các khoa, phòng, bộ môn. Có thiết bị bảo vệ, PCCC, và sắp xếp ngăn nắp. Điều này được thể hiện rõ bản vẽ và hiện trạng nhà xưởng của trường (5.12.12- *Bản vẽ sơ đồ kho tại các xưởng thực hành*; 5.12.13- *Báo cáo tình trạng hoạt động các kho của các đơn vị (mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, ẩm*; 5.12.14- *Sơ đồ nhà kho của trường*).

Hàng năm các trưởng bộ môn báo cáo việc quản lý cấp phát vật tư của đơn vị mình, nhà trường tổ chức kiểm kê vật tư theo quy định của nhà nước, sau kiểm kê có phân loại vật tư, vật tư đã sử dụng, một số vật tư được tái sử dụng (5.12.15- *Báo cáo việc quản lý cấp phát vật tư của đơn vị*; 5.12.16- *Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê, Biên bản kiểm kê vật tư của các bộ môn và danh mục vật tư thanh lý*).

Qua báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, CBQL về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng, vật tư được cung cấp đầy đủ và nhanh chóng cho người học (5.1.06- *Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: *Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường được thành lập cùng với sự phát triển của nhà trường, thư viện trường đã dần lớn mạnh như ngày hôm nay. Thư viện nay đã trở thành một điểm đến cần thiết và hấp dẫn đối với mỗi một thành viên trong nhà trường. Thư viện được bố trí tại một nơi yên tĩnh với tổng diện tích 224,64 m² chia làm 2 phòng: Phòng lưu trữ và phòng đọc (5.13.01- *Sơ đồ thiết kế thư viện*). Thư viện tổ chức và hoạt động theo quy định của nhà trường, trong đó quy định rõ việc mượn, trả sách; nội quy của thư viện và thời gian mở, đóng cửa của thư viện (5.13.02- *Lịch hoạt động của thư viện trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 5.13.03- *Quyết định số 590/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng về ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện*).

Thư viện trường được đầu tư trang thiết bị, các loại đầu sách chuyên ngành cơ bản đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và HSSV. Trang bị các tài liệu chuyên môn, các chương trình, giáo trình đào tạo theo các ngành nghề trường đã đăng ký giảng dạy phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, nhà giáo và HSSV luôn được nhà trường quan tâm (1.2.02- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHD-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN*; 5.13.04- *Danh sách chương trình đào tạo của trường*; 5.13.05- *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các nghề theo các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp*).

Giáo trình của các nghề đăng ký đào tạo hiện đang lưu trữ tại bộ môn giảng dạy các nghề. Các bộ môn có nhiệm vụ lưu trữ và cung cấp trực tiếp đến cho các em HSSV theo từng môn học được phân công giảng dạy, nhằm đáp ứng tối đa cho nhu cầu học tập của các em HSSV, vì vậy hiện nay thư viện chưa có đủ số bản in theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13, tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện tổ chức và hoạt động theo quy định của nhà trường (5.13.03- *Quyết định số 590/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng về ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện*).

Đến 3/2020 số lượng đầu sách tại thư viện có đến 37.570 đầu sách, trong đó số lượng bản in là 5.561 đầu sách và số lượng file mềm là 32.009 đầu sách (5.14.01- *Danh mục sách giấy tại thư viện*; 5.14.02- *Danh mục file mềm tài liệu tại thư viện*).

Hàng năm, thư viện đều bổ sung thêm những giáo trình, tài liệu chuyên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của nhà giáo và sinh viên học sinh. Người đọc có thể nghiên cứu tài liệu, sách báo tại thư viện hoặc có thể mượn về nhà với hạn trả tối đa là 2 tuần, ngoài ra thư viện còn phục vụ bạn đọc thêm hình thức thu thập tài liệu khác đó là in/photo tài liệu ngay tại thư viện. Theo đó, bạn đọc có thể tìm kiếm tài liệu cần thiết, chương hoặc trang nào cần dùng cho học tập và nghiên cứu thì đề nghị photo tài liệu với nhân viên thư viện, nhân viên sẽ photo cung cấp cho bạn đọc khi cần. (5.14.03- *Giấy đề nghị in/photo giáo trình, tài liệu*).

Dưới sự hỗ trợ của các tổ chức các nước Cộng hòa Liên bang Đức, nước Australia..... nhà trường cũng đã nhận được các tài liệu, sách chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy và học tập của các em HSSV khối ngành Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Cơ điện tử.

Các đơn vị trong Tỉnh cũng đã hỗ trợ và giúp đỡ nhiệt tình, tạo điều kiện để trường có thể tăng thêm vốn tài liệu cao nhất nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu của nhà giáo và HSSV. Thư viện Tỉnh Khánh Hòa đã ký hợp đồng tổ chức trạm sách tại thư viện trường với số lượng sách trao đổi theo từng đợt là 150 - 200 cuốn. Trường Đại học Nha Trang cũng đã hỗ trợ trường trong việc đăng ký tài khoản điện tử cho nhà giáo và HSSV để sử dụng thư viện điện tử của thư viện trường Đại học Nha Trang với số lượng tài liệu lên tới 113531 tài liệu được số hóa và 22890 tài liệu văn bản (5.14.04- Hợp đồng số 14/TVT-HĐLCS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về Hợp đồng luân chuyển sách giữa Thư viện tỉnh và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 5.14.05- Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang).

Hàng năm, thư viện trường tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động trong năm cho nhà trường. Báo cáo nêu rõ các hoạt động trong năm như bảo quản tài liệu, sách báo; chống mối mọt nhất là trong mùa mưa; cập nhật thêm tài liệu, sách báo mới phục vụ nhu cầu của người đọc; thông báo tài liệu mới đến đông đảo người đọcBáo cáo cũng nêu lên những khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động đến nhà trường nhằm giúp nhà trường đưa ra các hướng giải quyết kịp thời giúp thư viện ngày càng hoàn thiện hơn. (5.14.06- Báo cáo thư viện hàng năm).

Cuối mỗi năm học thư viện trường cũng có đợt khảo sát để đánh giá về sự phục vụ của thư viện và mức độ hài lòng của bạn đọc (1.7.15- Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí; 1.7.16 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động bảo đảm chất lượng khảo thí).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14, tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện của trường được trang bị hệ thống máy tính để sinh viên truy cập gồm 12 máy tính, trong đó có 1 máy chủ (5.15.01- Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện).

Nhà trường mua thiết bị và đưa vào sử dụng phần mềm iLib.Me version 5.0 phục vụ tin học hóa công tác quản lý thư viện: Cơ sở dữ liệu điện tử, quản lý và tra cứu tài liệu thể hiện ở biên bản nghiệm thu bàn giao số 41/NT&BG/QTTB với công ty Cổ phần thiết bị Toàn Lợi (5.15.02- Hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần thiết bị Toàn Lợi; 5.15.03- Biên bản bàn giao phần mềm thư viện điện tử; 5.15.04- Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện).

Hiện nay nhà trường đang liên kết hợp tác trao đổi thông tin và được quyền sử dụng thư viện điện tử với Trường Đại học Nha Trang. Theo đó giảng viên, nhà giáo và HSSV trường có quyền truy cập vào thư viện điện tử của Trường Đại học Nha Trang

thông qua tài khoản trường Đại học Nha Trang cấp cho thành viên đăng ký, bạn đọc có quyền xem và tải tài liệu trên thư viện điện tử của Trường Đại học Nha Trang (5.14.05- *Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang*).

Thư viện trường có sử dụng mạng Internet, có mạng LAN bảo đảm các thiết bị hoạt động bình thường phục vụ thuận lợi cho nhu cầu tra cứu của nhà giáo và HSSV. (5.15.06- *Mạng Internet sử dụng theo hợp đồng số 36480, 36540, 36585 ký ngày 06/05/2015 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet; 5.15.07- Sơ đồ thiết kế mạng LAN*).

Vì vậy Nhà trường chưa có thư viện điện tử nên các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường chưa được số hóa và tích hợp, nhà trường chưa đáp ứng nội hàm của tiêu chuẩn này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 5: 0 điểm

3.2.6. TIÊU CHÍ 6: *Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.*

Bao gồm 5 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát Tiêu chí 6:

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tạo được uy tín và thương hiệu ngoài xã hội thì nhà trường phải không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý, điều này đòi hỏi sự góp sức của nhiều bộ phận trong toàn trường, trong đó đội ngũ cán bộ, giảng viên (CBGV) có vai trò rất lớn. Cùng với việc thực hiện tốt công tác giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường, trong những năm qua, các hoạt động NCKH luôn được quan tâm đầu tư phát triển với sự tham gia tích cực của CBGV trong trường và đã đạt được các kết quả khả quan, đáp ứng được những yêu cầu mới phát sinh trong quá trình quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường thêm trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề; đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nội tại ở trường. Hoạt động NCKH trong nhà trường góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ CBGV trong nhà trường, cũng là một trong những tiêu chí cần đạt được trong kiểm định chất lượng đối với các cơ sở GDNN (CSGDNN), qua đó góp phần khẳng định được uy tín, vai trò của nhà trường với các trường trong khu vực và trên cả nước và đối với xã hội.

Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế của Nhà trường luôn được chú trọng, tạo mọi điều kiện và có chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho CBQL, nhà giáo và nhân viên hàng năm tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết kế chế tạo mô hình học cụ, thiết bị đào tạo tự làm phục vụ giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Những năm gần đây, trường đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhằm xây dựng và phát triển nhà trường trở thành trường cao đẳng chất lượng cao của cả nước.

Trường tham gia các dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ theo nguồn vốn ODA của Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức. Trường được chọn là một trong 45 trường cao đẳng của Việt Nam được cho phép sử dụng 22 bộ chương trình chuyển giao từ Cộng hòa liên bang Đức để đào tạo thí điểm cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng của

Đức và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng của Việt Nam cho 22 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế (trong đó Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang được đào tạo thí điểm 02 nghề: Công nghệ Ô tô, Điện công nghiệp) theo Quyết định số 926/QĐ-LĐTBXH và Quyết định số 934/QĐ-LĐTBXH ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

Trong năm học 2019-2020, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã tiếp tục phối hợp thực hiện liên kết với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thực hiện các hoạt động: Đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý xưởng thực hành; sức khỏe và an toàn trong lắp đặt điện, sử dụng thiết bị điện tại xưởng thực hành Công nghệ ô tô và xưởng thực hành Điện công nghiệp theo tiêu chuẩn Đức và quốc tế.

*** Những điểm mạnh:**

Lãnh đạo Trường rất quan tâm đến hoạt động NCKH, chuyên giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Hằng năm trường đều có định hướng cho hoạt động KH&CN. Bên cạnh các văn bản quy định về quản lý hoạt động KH&CN; Trường đã có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho CBQL, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyên giao công nghệ cụ thể và rõ ràng.

Hằng năm nhà trường đều phân bổ một phần kinh phí nhất định để đầu tư khuyến khích hoạt động KH&CN. Kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyên giao công nghệ đáp ứng được những nhu cầu thiết thực ứng dụng trong công tác quản lý, công tác dạy và học nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng GDNN.

Cán bộ nhà giáo của trường có trình độ cao, có khả năng nghiên cứu, nhiệt tâm với các hoạt động KH&CN.

Trường tích cực tham gia các chương trình chuyên giao công nghệ và dự án hợp tác quốc tế trong chương trình hợp tác giữa Tổng cục GDNN của Việt Nam và các nước trên thế giới, được hưởng lợi từ các dự án như nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL, phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường, đặc biệt cho các nghề trọng điểm của nhà trường.

*** Những tồn tại:**

Chưa có các đề tài, công trình nghiên cứu cấp tỉnh.

Tất cả các hoạt động hợp tác quốc tế của trường đều thông qua cầu nối của Tổng cục GDNN.

Các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, CBQL, viên chức đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế còn hạn chế.

Hoạt động NCKH trong HSSV còn phát triển hạn chế.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH, tăng cường các điều khoản về khen thưởng và khuyến khích phù hợp nhằm khai thác năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, nhà giáo;

Tăng cường hợp tác, phối hợp với Doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu khoa học hướng đến các sản phẩm có tính ứng dụng trong sản xuất kinh doanh;

Khuyến khích cán bộ, nhà giáo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và tích cực tham gia viết các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế để nâng thế mạnh khoa nghệ và quảng bá hình ảnh của nhà trường;

Trường tiếp tục chủ động hợp tác quốc tế và tham gia tích cực các chương trình chuyên giao công nghệ và dự án hợp tác quốc tế trong chương trình hợp tác giữa Tổng cục GDNN của Việt Nam và các nước trên thế giới để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL và phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 6:

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 6 | 5 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã có chính sách và biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị mô hình dạy học tự làm và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo. Chính sách này được thể hiện trong “Quy định hoạt động khoa học công nghệ; chính sách khuyến khích CBQL, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ”, trong đó Điều 3: Nội dung nhiệm vụ hoạt động KH và CN: Quy định các hoạt động được tính là hoạt động KHCN; Điều 11: Chính sách khuyến khích và các chế độ hỗ trợ: Được ưu tiên cử đi học cao học, nghiên cứu sinh, đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định; được xét danh hiệu Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua và danh hiệu khen thưởng các cấp theo quy định; được giảm giờ chuẩn; Điều 12: Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động KH và CN: Quy định cụ thể cho từng hoạt động KH và CN, ví dụ: Sáng kiến cải tiến cấp trường được chi theo Quyết định số 1201/QĐ-CĐKTCN (Điều 4) (6.1.01- Quyết định số 591/QĐ-CĐKTCN ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về việc Quy định hoạt động khoa học công nghệ; chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ; 6.1.02- Quyết định số 1201/QĐ-CĐKTCN ngày 13/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang Quy định về định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho sáng kiến cải tiến cấp trường).

Ngoài ra, trường còn có Quy chế chi tiêu nội bộ đã ghi rõ Định mức giờ giảng cho CBQL, nhà giáo hàng năm cụ thể:

- Nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, tham gia hội thi sáng tạo khoa học và công nghệ các cấp, tham gia hội thi thiết bị dạy nghề tự làm các cấp, hướng dẫn học viên, HSSV làm đề tài nghiên cứu khoa học: Được tính 2 tuần làm việc (phải đăng ký với Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí và có hợp đồng được Hiệu trưởng đồng ý);

- Các nhà giáo có bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học, ngành và trung ương: Được tính 2 tuần làm việc;

- Các cán bộ viên chức đi học ngoại tỉnh, nếu dạy đủ định mức quy định và trực tiếp làm việc tại đơn vị đủ $\frac{3}{4}$ số ngày trong tháng và tham gia học tập đầy đủ, không vi phạm quy chế quy định của khóa học thì được hưởng 100% mức phụ cấp hàng tháng (Theo kế hoạch học tập cụ thể của khóa học);

- Các cán bộ viên chức đi học ngoại tỉnh, nếu dạy đủ định mức quy định và trực tiếp làm việc tại đơn vị dưới $\frac{3}{4}$ số ngày trong tháng; gián tiếp điều hành và làm việc tại đơn vị trong thời gian vắng mặt và tham gia học tập đầy đủ, không vi phạm quy chế quy định của khóa học thì được hưởng 50% mức phụ cấp hàng tháng (Theo kế hoạch học tập cụ thể của khóa học) (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*).

Trong 2021, nhà trường đã thực hiện đầy đủ các chính sách khuyến khích và các chế độ hỗ trợ, tạo điều kiện về mọi mặt để CBQL, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ cho 01 đề tài nghiên cứu khoa học của HSSV được nghiệm thu và công nhận triển khai ứng dụng; 21 Sáng kiến cải tiến được phê duyệt và công bố; 02 Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí nước ngoài có tính điểm và 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước; 02 sản phẩm dự thi sáng tạo KHKT của thanh thiếu niên cấp tỉnh đạt giải khuyến khích; 02 sản phẩm dự thi sáng tạo KHKT của CBVC cấp tỉnh đạt giải khuyến khích và 02 dự án dự thi Startup kite 2021 vào vòng chung kết.

Các biện pháp đã thực hiện khuyến khích đúng theo quy định của nhà trường, cụ thể các biện pháp như sau:

- Chính sách khuyến khích: Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện về mọi mặt để các đơn vị, cá nhân đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng GDNN và ứng dụng vào thực tiễn; khuyến khích cán bộ viên chức viết các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học đăng trên các báo, tạp chí, ấn phẩm khoa học quốc tế, trung ương và địa phương. Cán bộ viên chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học công nghệ là một trong những đối tượng ưu tiên đề cử tham dự các lớp tập huấn, dự thi cao học, nghiên cứu sinh, học tập chuyển giao công nghệ, đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định hiện hành (6.1.03- *Các Công văn mời tham dự lớp tập huấn; Quyết định của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang cử cán bộ viên chức đi học cao học, đi học tập chuyển giao công nghệ, đi học tập ở trong nước, nước ngoài, nâng bậc lương trước thời hạn năm 2021*).

- Thi đua, khen thưởng: Các cá nhân đăng ký danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, có tham gia thực hiện đề tài khoa học công nghệ các cấp, hoạt động sáng kiến được nghiệm thu và có quyết định công nhận của Hiệu trưởng được xem xét danh hiệu chiến sĩ thi đua và danh hiệu khen thưởng các cấp theo quy định hiện hành (1.6.09- *Quyết định số 1287/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh*

hiệu thi đua năm học 2020-2021; Quyết định số 1352/QĐ-CĐKTCN ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020 – 2021; 1.6.10- Quyết định số 1288/QĐ-CĐKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021).

Nhằm thu thập ý kiến về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích CBQL, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của nhà trường, Trường CĐKTCN Nha Trang đã thực hiện khảo sát qua bộ Phiếu thu thập ý kiến về vấn đề này đối với hai đối tượng: CBQL và nhà giáo sử dụng vào mục đích nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo (6.1.04- Phiếu thu thập ý kiến; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm theo Kế hoạch và Thông báo, cán bộ viên chức đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến. Nhà trường thành lập Hội đồng nghiên cứu khoa học công nghệ cấp cơ sở, Hội đồng xét duyệt đề cương, Hội đồng nghiệm thu (6.2.01- Các Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương và nghiệm thu SKCT năm học 2020-2021), tổ chức xét duyệt và nghiệm thu các đề tài và trình Hiệu trưởng phê duyệt (6.2.02- Danh sách đăng ký đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt đề cương và cho phép thực hiện đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021). Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường, thiết bị dạy nghề tự làm được nghiệm thu trước Hội đồng khoa học. Trên cơ sở đó Hiệu trưởng ký quyết định công nhận và cho phép ứng dụng (6.2.03- Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường, thiết bị dạy nghề tự làm; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021).

Các kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường, thiết bị dạy nghề tự làm đã được đưa vào sử dụng có hiệu quả trong công tác quản lý, công tác đào tạo, nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo của nhà trường (6.2.04- Các Thông báo, Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị dạy nghề tự làm năm học 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường khuyến khích đội ngũ nhà giáo, CBQL, viên chức tham gia viết các bài báo khoa học thuộc lĩnh vực ngành nghề để nâng cao trình độ, khả năng nhìn nhận, đánh giá, phản biện về sự phát triển của ngành nghề và của xã hội.

Từ năm 2018 đến nay, mỗi năm nhà trường đều có 3 bài báo của nhà giáo, CBQL được đăng trên các tạp chí, các ấn phẩm khoa học của trung ương và địa phương (6.3.01- *Bản thống kê các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý đăng trên tạp chí khoa học các cấp trong năm*; 6.3.02- *Các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý đăng trên tạp chí khoa học các cấp trong năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ CBQL, nhà giáo của nhà trường tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tại khoa chuyên môn. Phong trào nghiên cứu khoa học của các khoa, phòng ban phát triển tương đối tốt, hàng năm nhiều CBQL, nhà giáo đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và được nhà trường cho phép tiến hành triển khai thực hiện, nghiệm thu đạt kết quả tốt, các đề tài, sáng kiến cải tiến được ứng dụng ngay sau khi Hội đồng Khoa học nhà trường nghiệm thu (6.2.02- *Danh sách đăng ký đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt đề cương và cho phép thực hiện đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021*; 6.4.01- *Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến cải tiến các năm học 2020-2021*).

Kết quả nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị dạy nghề tự làm đã được đưa vào ứng dụng có hiệu quả trong hoạt động dạy học, trong công tác quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo của trường (6.2.04- *Các Thông báo, Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị dạy nghề tự làm năm học 2019-2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 1 điểm.

Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Được sự quan tâm của các cấp, nhiều năm qua Trường CDKTCN Nha Trang tích cực thực hiện hợp tác quốc tế và thường xuyên được tham gia các dự án nghiên cứu do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và các tổ chức quốc tế triển khai. Trường tiếp tục nhận được sự đầu tư từ các hoạt động hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo nghề ngày càng được tăng cường bổ sung; đội ngũ nhà giáo được cử đi học tập, chuyển giao công nghệ, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước ngày càng nhiều. Do đó, quy mô và năng lực đào tạo của nhà trường ngày càng được mở rộng và nâng cao.

** Hợp tác với Úc:*

Thực hiện Quyết định số 1808/QĐ-LĐTĐBXH ngày 09/12/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc cho phép sử dụng 12 bộ chương trình chuyên giao từ Úc để đào tạo thí điểm cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng của Úc và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng của Việt Nam cho 12 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế. Từ năm học 2016-2017, Trường CĐKTCN Nha Trang thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo thí điểm trình độ cao đẳng nghề trọng điểm Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) cấp độ quốc tế theo bộ chương trình chuyên giao từ Úc theo Hợp đồng đào tạo thí điểm số 242/HĐDN-VP ngày 21/12/2016 giữa Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Trường CĐKTCN Nha Trang. Khóa học được triển khai đúng kế hoạch và đến tháng 01/2020 tổ chức Bế giảng khóa học (6.5.01- Công văn số 2355/TCGDNN-ĐTCQ ngày 12/11/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Kết thúc khóa học và tổ chức bế giảng các lớp đào tạo thí điểm theo chương trình chuyên giao từ Úc; Kế hoạch số 2154/KH-CĐKTCN ngày 26/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức Lễ tốt nghiệp lớp Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) chuyên giao từ Úc; Danh sách giáo viên, sinh viên đề nghị khen thưởng; Quyết định số 2086/QĐ-CĐKTCN ngày 18/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập; Quyết định số 2287/QĐ-CĐKTCN ngày 31/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Công nhận kết quả tốt nghiệp lớp cao đẳng đào tạo thí điểm nghề trọng điểm quốc tế Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) chuyên giao từ Úc; Hình ảnh và Bằng tốt nghiệp; 6.5.02- Công văn số 2785/TCGDNN-ĐTCQ ngày 31/12/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả đào tạo thí điểm chương trình chuyên giao từ Úc; Báo cáo số 26/BC-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Tổng kết toàn khóa đào tạo thí điểm chương trình chuyên giao từ Úc nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm).

Với những thành công đạt được trong liên kết đào tạo khóa 1 với Úc, nhà trường được Tổng cục GDNN mời hợp triển khai đào tạo khóa 2 chương trình chuyên giao từ Úc nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm), hiện tại nhà trường tiếp tục tuyển sinh khóa 2 theo như kỳ vọng và chỉ đạo của Tổng cục GDNN (6.5.03- Công văn số 1036/LĐTĐBXH-TCGDNN ngày 23/3/2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo chương trình chất lượng cao; Đăng ký mở lớp Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) cấp độ quốc tế chuyên giao từ Úc khóa 2 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

** Hợp tác với Cộng hòa Liên bang Đức:*

Thực hiện theo Quyết định số 926/QĐ-LĐTĐBXH và Quyết định số 934/QĐ-LĐTĐBXH ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Năm 2019, của Trường CĐKTCN Nha Trang đã cử 8 nhà giáo tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại CHLB Đức để giảng dạy thí điểm 02 nghề chuyên giao từ CHLB Đức (Công nghệ Ô tô, Điện công nghiệp). Đồng thời tuyển sinh và khai giảng lớp Cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế liên kết với Đức (6.5.04- Kế hoạch số 1752/KH-CĐKTCN ngày 04/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức Lễ khai giảng lớp Cao đẳng chất lượng cao cấp độ Quốc tế theo chương trình chuyên giao từ CHLB Đức; Quyết định số 1759/QĐ-CĐKTCN ngày 04/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyên giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1808/QĐ-CĐKTCN ngày

13/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp năm học 2019-2020; Quyết định số 1826/QĐ-CDKTCN ngày 18/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh sách Lớp trưởng lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp năm học 2019-2020).

Nhằm tăng cường tính hiệu quả trong quá trình đào tạo, nước bạn đã cử chuyên gia sang Việt Nam đến các trường để hướng dẫn cụ thể các nội dung căn bản trong tiến trình đào tạo (6.5.05- Công văn số 2350/TCGDNN-ĐTCQ ngày 11/11/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc kế hoạch chuyên gia Đức hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức; Kế hoạch thực hiện chuyên gia Đức hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức nghề Công nghệ Ô tô từ ngày 02/12/2019 đến ngày 06/12/2019; Biên bản làm việc).

Năm 2020 do tình hình dịch Covid 19 làm ảnh hưởng xấu đến quá trình đào tạo, do đó trước tình hình mới này yêu cầu đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo các lớp thí điểm trên (6.5.06- Công văn số 776/TCGDNN-ĐTCQ ngày 09/4/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ CHLB Đức; Thông báo số 489/TB-CDKTCN ngày 13/4/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo thí điểm nghề Công nghệ ô tô và Điện công nghiệp chuyển giao từ CHLB Đức).

Năm 2021, mọi hoạt động giảng dạy và học tập của sinh viên 2 nghề Công nghệ ô tô và Điện công nghiệp diễn ra bình thường theo đúng kế hoạch thực tập của cả 2 lớp tại doanh nghiệp và chỉ đạo của Tổng cục GDNN (6.5.07- Công văn số 326/TCGDNN-ĐTCQ ngày 04/3/2021 về việc hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức; Công văn số 823/TCGDNN-ĐTCQ ngày 28/4/2021 về việc đề xuất thành viên tham gia hội đồng thi 22 nghề Đức; Công văn số 1272/TCGDNN-ĐTCQ ngày 17/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề Đức; 6.5.08- Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của 2 lớp nghề Điện công nghiệp và Công nghệ ô tô). Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát và kéo dài của đợt 4 trong phạm vi cả nước trong đó có tỉnh Khánh Hòa, vì vậy nhà trường đã thống nhất cho 2 lớp tạm ngưng việc học và dạy từ ngày 09/7/2021 để thực hiện giãn cách xã hội theo chỉ thị 15 và Chỉ thị 16.

Trong các buổi họp trực tuyến, được sự chỉ đạo quyết liệt của Tổng cục trưởng Tổng cục GDNN và sự hỗ trợ kịp thời từ tổ chức GIZ, để thực hiện đúng Kế hoạch năm 02 của 02 lớp trên, nhà trường đã quyết định cho các em học trực tiếp trở lại theo phương án 03 tại chỗ từ ngày 06/9/2021 cho đến nay, vì vậy kết thúc năm thứ 2 của 2 lớp trên đã diễn ra đúng kế hoạch (6.5.09- Công văn số 1415/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hợp tác đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên theo học chương trình chuyển giao từ Đức; 6.5.10- Công văn số 2251/TCGDNN-ĐTCQ ngày 15/10/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc kế hoạch chuyên gia Đức làm việc với các trường bằng hình thức trực tuyến; 6.5.11- Công văn số 2774/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/12/2021 về việc tổng kết năm học thứ hai đào tạo thí điểm 22 nghề Đức; 6.5.12- Công văn số 2774/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/12/2021 về việc tổng kết năm học thứ hai đào tạo thí điểm 22 nghề Đức; 6.5.13-

Các báo cáo tổng kết năm học thứ 02 của 2 nghề Điện công nghiệp và Công nghệ ô tô).

Ngoài sự hỗ trợ của tổ chức GIZ về việc tổ chức đào tạo 2 nghề ĐCN và Công nghệ ô tô, trong năm học 2020-2021 nhà trường còn nhận được nhiều nguồn lực khác từ tổ chức GIZ như: Hỗ trợ kinh phí cho đào tạo nghề ngắn hạn cho người bị ảnh hưởng bởi Covid -19 năm 2021 dự kiến tổ chức vào tháng 7/2021 với 4 nghề đào tạo 150 học viên; Cử Ông Matthias Angert – Chuyên gia Phát triển của Tổ chức GIZ làm việc tại trường để giúp trường trong thực hiện tư vấn chuyên sâu nghề Công nghệ ô tô; Thực hiện hoạt động chuyển đổi số tại; Thực hiện hoạt động đánh giá ngoài ...

Kết quả của các hoạt động hợp tác quốc tế đã giúp nhà trường được trang bị các phương tiện và thiết bị đào tạo tiên tiến, các xưởng thực hành và phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại, nhiều lượt cán bộ viên chức và nhà giáo được cử đi đào tạo, tập huấn, chuyển giao công nghệ ở trong và ngoài nước, từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 6: 1 điểm.

3.2.7. TIÊU CHÍ 7: *Quản lý tài chính.*

Bao gồm 6 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và được giao quyền tự chủ theo Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 giai đoạn 2019-2021.

Thực hiện quản lý công tác kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2017 về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định hiện hành có liên quan.

Căn cứ kế hoạch ngân sách được giao, nguồn thu hợp pháp tại đơn vị, nhà trường cân đối và phân bổ kinh phí phù hợp để phục vụ hiệu quả các hoạt động của toàn trường, đảm bảo điều kiện tốt nhất nhu cầu của người học, cán bộ viên chức và người lao động.

Tuân thủ chế độ công khai tài chính hàng năm theo quy định hiện hành.

Công tác quản lý tài chính của trường thực hiện đúng quy định, góp phần vào sự nghiệp giáo dục đào tạo, đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh và khu vực lân cận, hướng đến đạt mục tiêu trường chất lượng cao trong cả nước.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý tài chính, nhà trường luôn thực hiện đúng các quy định, đảm bảo hiệu quả hoạt động thường xuyên, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước, thực hành tiết kiệm đảm bảo có tích lũy để hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức. Trong sự nghiệp giáo dục đào tạo nói chung của nhà trường, công tác quản lý tài chính có những điểm mạnh nổi bật cụ thể là:

**** Những điểm mạnh:***

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành, nhà trường xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp quy định và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Quy chế được cập nhật, sửa đổi bổ sung hàng năm thông qua ý kiến đóng góp dân chủ, công khai của toàn thể cán bộ viên chức trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà nước. Quy chế chi tiêu nội bộ là cơ sở để thực hiện các chế độ cho cán bộ viên chức và các hoạt động phục vụ quá trình đào tạo của trường, đảm bảo công khai minh bạch, dân chủ và đáp ứng được yêu cầu phát triển ngày càng cao của trường hướng đến trường chất lượng cao.

Nguồn tài chính của trường đảm bảo tính hợp pháp và được hình thành chủ yếu từ Nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên hàng năm chiếm khoảng 60% trên tổng số kinh phí hoạt động; Nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ khoảng 40%.

Nhà trường quản lý và thực hiện chi ngân sách và chi sự nghiệp thông qua kiểm soát chi của Kho bạc tỉnh Khánh Hòa, chi hoạt động kinh doanh dịch vụ thông qua hệ thống ngân hàng.

Công tác quản lý tài chính thực hiện đúng quy định, lập và quyết toán báo cáo tài chính kịp thời, công tác công khai tài chính minh bạch bằng nhiều hình thức.

Tuân thủ đầy đủ hệ thống sổ sách chứng từ kế toán theo quy định, đảm bảo chế độ lưu trữ hiện hành.

Nhà trường chủ động bảo đảm nguồn tài chính để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ, tổ chức thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy hoạt động đào tạo phát triển, đảm bảo tiêu chí trường chất lượng cao.

**** Những mặt tồn tại***

Nguồn kinh phí hoạt động của trường phụ thuộc nhiều vào định mức Ngân sách cấp, tuy nhiên định mức cấp hiện đang áp dụng chưa thực sự phù hợp với tình hình nhu cầu thực tế hiện nay điều này ảnh hưởng đến hoạt động chung của trường.

Căn cứ kế hoạch đào tạo, căn cứ số lượng HS,SV cũ và tuyển sinh mới, nhà trường biên chế số lớp, lập kế hoạch giảng dạy, mua vật tư học tập, hợp đồng mời giảng...; Nhưng do HS,SV đa phần có học lực và nhận thức chưa thực sự tốt, là con em người lao động có thu nhập chưa được cao, cuộc sống nhiều khó khăn... Với nhiều lý do chủ quan lẫn khách quan, HSSV bỏ học vẫn còn nhiều, có những lớp sĩ số chỉ đạt trên dưới 10 HS,SV nhưng nhà trường vẫn phải duy trì giảng dạy, thực hiện đúng kế hoạch đề ra, không giải tán được lớp học. Việc HSSV nghỉ học ảnh hưởng lớn đến kinh phí của nhà trường, bởi vì dự toán ngân sách cấp theo đầu năm nhưng lại quyết toán kinh phí theo số lượng HSSV thực tế cuối năm nên nhà trường phải trả lại kinh phí cho ngân sách, làm giảm đáng kể nguồn tài chính của trường.

Chưa phát huy hết công suất và hiệu quả thực sự của cơ sở vật chất hiện có để tạo thêm nguồn thu hợp pháp cho nhà trường.

**** Kế hoạch nâng cao chất lượng của đơn vị***

Đề xuất kiến nghị với UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh định mức cấp kinh phí/HSSV hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế, nhằm tăng thêm nguồn kinh phí hoạt động cho nhà trường.

Đảm bảo thu đúng, thu đủ các khoản thu học phí và thu khác theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ.

Tham mưu phối hợp với các bộ phận chức năng xây dựng khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của trường.

Phối hợp tăng cường mối quan hệ gắn kết với doanh nghiệp, thúc đẩy việc gia tăng liên kết sản xuất dịch vụ để tăng nguồn thu.

Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyển sinh để thu hút học sinh vào trường ngày càng tăng.

Các trung tâm trực thuộc trường tăng cường đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu trên cơ sở hoạt động hiệu quả theo nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục thực hiện và duy trì công tác quản lý tài chính đạt hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

Phối hợp với tất cả các đơn vị trong toàn trường thực hiện công tác cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, tham mưu lãnh đạo công tác tài chính đảm bảo hoạt động nhà trường, đảm bảo các chế độ cho cán bộ viên chức và người lao động, có thêm thu nhập ngoài lương.

Các hoạt động trong toàn trường phối hợp nhịp nhàng, thực hiện đúng quy định, đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN, đảm bảo tiêu chí trường chất lượng cao.

Điểm đánh giá tiêu chí 7:

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 7 | 6 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2017 về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Các thông tư, nghị định, văn bản quy định hiện hành khác có liên quan; Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 giai đoạn 2019-2021, tiến hành xây dựng và ban hành các quy định, quy chế về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán chế độ tài chính của trường, thực hiện chế độ công khai bằng nhiều hình thức trên các hệ thống quản lý văn bản của trường đúng theo quy định.

Đề quản lý, sử dụng và thanh quyết toán các chế độ về tài chính trong năm 2021, nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 là cơ sở để quản lý và thực hiện các chế độ về tài chính trong toàn trường theo quy định hiện hành (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*).

Định kỳ theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên, nhà trường ra thông báo lập dự toán ngân sách năm 2021 yêu cầu các đơn vị trong toàn trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao lập dự toán kinh phí để phục vụ hoạt động đào tạo của nhà trường (7.1.01- *Thông báo về việc xây dựng dự toán NSNN của Hiệu trưởng năm 2021*). Phòng KH-TC tổng hợp dự toán của các đơn vị xây dựng lập dự toán ngân sách năm cho toàn trường trình Hiệu trưởng phê duyệt và trình Sở Tài chính tham mưu UBND cấp dự toán ngân sách cho nhà trường (7.1.02- *Dự toán ngân sách của Trường và các trung tâm năm 2021*).

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; nhà trường ra quyết định Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, đây là cơ sở để phân bổ dự toán chi ngân sách thực hiện đảm bảo các chế độ tài chính của trường (7.1.03- *Quyết định số 119/QĐ-CDKTCN ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Kết thúc năm tài chính, thực hiện chế độ lập các báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán gửi cấp quản lý kịp thời. Sau khi được cấp quản lý thẩm định quyết toán, trường ra quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 (7.1.04- *Quyết định số 936/QĐ-CDKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CDKTCN Nha Trang*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.2: *Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện việc quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Thực hiện quản lý, sử dụng nguồn thu của trường dựa vào các văn bản quy định về chế độ tài chính hiện hành và Quy chế chi tiêu nội bộ để đảm bảo công tác quản lý và sử dụng đúng mục đích, đúng quy định (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*).

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo của trường chủ yếu là nguồn thu từ học phí của HSSV, học viên (7.2.01- *Quyết định số 540/QĐ-CDKTCN ngày 20/4/2020 về*

việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 của trường và quyết định của các trung tâm; 7.2.02- Thông báo số 1060/TB-CDKTCN ngày 12/7/2021 về việc quy định mức tạm thu học phí năm học 2021-2022 của trường và quyết định của các trung tâm).

Nguồn thu từ học viên do nhà trường và các trung tâm tổ chức đào tạo ngắn hạn, sơ cấp, bồi dưỡng kỹ năng nghề (7.2.03 Các quyết định về mức thu học phí học viên của trường và các trung tâm 2021).

Bên cạnh nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nhà trường đẩy mạnh tham gia sản xuất, kinh doanh, các hoạt động liên kết đào tạo, dịch vụ với các đơn vị trong và ngoài tỉnh nhằm tăng thêm nguồn thu phục vụ cho hoạt động của trường và các trung tâm (7.2.04- Hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ của trường và các trung tâm năm 2021).

Nhà trường tuân thủ chế độ quản lý, sử dụng và báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn đối với việc hạch toán nguồn thu tại trường theo quy định hiện hành (7.2.05-Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của Trường và các trung tâm năm 2021; đồng thời thực chế độ báo cáo và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế theo quy định hiện hành (7.2.06- Báo cáo và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế của trường và các trung tâm năm 2021).

Nhà trường sử dụng nguồn thu hợp pháp để thực hiện các chế độ cho cán bộ viên chức và người lao động, thực hiện thanh toán các khoản nợ, nghĩa vụ thuế... thông qua hệ thống kho bạc, ngân hàng, định kỳ có sự xác nhận và đối chiếu kinh phí sử dụng (7.2.07- Bảng đối chiếu tình hình kinh phí sử dụng với Kho bạc, ngân hàng của trường và các trung tâm năm 2021).

Căn cứ chứng từ kế toán thực tế phát sinh, kết thúc năm tài chính, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, thông qua báo cáo thể hiện tình hình quản lý và sử dụng nguồn thu của trường (7.2.08- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm 2021).

Quá trình quản lý, sử dụng nguồn thu được thể hiện đầy đủ bằng hệ thống hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán theo đúng quy định hiện hành. Hệ thống hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán về công tác quản lý tài chính được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành. (7.2.09- Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đủ nguồn lực về tài chính để đảm bảo kinh phí phục vụ các hoạt động của trường. Hiện nay, nguồn tài chính của trường được hình thành chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên chiếm khoảng 60% trên tổng số kinh phí hoạt động và nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu khác từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ khoảng 40%.

Căn cứ dự toán ngân sách được phê duyệt, nguồn kinh phí ngân sách cấp đảm bảo nhu cầu lương cho cán bộ viên chức và một phần định mức kinh phí đào tạo để phục vụ hoạt động thường xuyên, đây là nguồn kinh phí cơ bản để nhà trường thực

hiện nhiệm vụ được giao. Nguồn kinh phí được cấp thể hiện qua kế hoạch giao ngân sách của UBND tỉnh cho nhà trường (7.3.01- *Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021*).

Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo của trường chủ yếu là nguồn thu từ học phí của HSSV (7.2.01- *Quyết định số 540/QĐ-CDKTCN ngày 20/4/2020 về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 của trường và quyết định của các trung tâm*; 7.2.02- *Thông báo số 1060/TB-CDKTCN ngày 12/7/2021 về việc quy định mức tạm thu học phí năm học 2021-2022 của trường và quyết định của các trung tâm*).

Nguồn thu từ học viên do nhà trường và các trung tâm tổ chức đào tạo ngắn hạn, sơ cấp, bồi dưỡng kỹ năng nghề (7.2.03- *Các quyết định về mức thu học phí học viên của trường và các trung tâm 2021*).

Bên cạnh nguồn thu từ hoạt động đào tạo, nhà trường đẩy mạnh tham gia sản xuất, kinh doanh, các hoạt động liên kết đào tạo, dịch vụ với các đơn vị trong và ngoài tỉnh nhằm tăng thêm nguồn thu phục vụ cho hoạt động của trường và các trung tâm (7.2.04- *Hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ của trường và các trung tâm năm 2021*).

Nguồn lực tài chính của nhà trường có được từ nguồn ngân sách cấp, nguồn thu học phí từ HSSV, nguồn thu các lớp ngắn hạn, sơ cấp, kỹ năng nghề, sư phạm dạy nghề ..., nguồn lực này được quản lý sử dụng đúng mục đích, đúng quy định và thể hiện trong báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của trường (7.2.08. *Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm 2021*).

Đồng thời nguồn lực tài chính của nhà trường cũng được thể hiện đầy đủ bằng hệ thống hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán theo đúng quy định hiện hành. Hệ thống hồ sơ, chứng từ sổ sách kế toán về công tác quản lý tài chính được lưu trữ đúng theo quy định hiện hành (7.2.09- *Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.4: *Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/02/2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và được giao quyền tự chủ theo Quyết định số 1813/QĐ-UBND ngày 11/06/2019 giai đoạn 2019-2021

Thực hiện quản lý công tác kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 10/10/2017 về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản quy định hiện hành có liên quan (1.3.02- *Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021*).

Căn cứ kế hoạch ngân sách được giao, nguồn thu hợp pháp tại đơn vị, nhà trường cân đối và phân bổ kinh phí phù hợp để phục vụ hiệu quả các hoạt động của toàn trường, đảm bảo điều kiện tốt nhất nhu cầu của người học, cán bộ viên chức và

người lao động. Qua đó thực hiện thủ tục thanh quyết toán đúng quy định về chế độ kế toán, thực hiện đầy đủ hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán đầy đủ và lưu trữ đúng quy định hiện hành (7.2.05- Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, của Trường và các trung tâm năm 2021; 7.2.06- Báo cáo và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế của trường và các trung tâm năm 2021; 7.2.07- Bảng đối chiếu tình hình kinh phí sử dụng với Kho bạc, ngân hàng của trường và các trung tâm năm 2021; 7.2.08- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm năm 2021; 7.2.09- Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021; 7.4.01- Biên bản duyệt quyết toán năm 2020 của Sở tài chính; 7.1.04- Quyết định số 936/QĐ-CDKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CDKTCN Nha Trang).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kế toán tại trường luôn thực hiện đảm bảo đúng chế độ, đúng quy định, quá trình thực hiện kế toán đồng thời là quá trình tự kiểm tra đối với bản thân từng cán bộ viên chức được giao nhiệm vụ. Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán, thực hiện công khai tài chính theo quy định hiện hành là việc làm thường xuyên đối với công tác quản lý tài chính của trường.

Tự kiểm tra và hoàn thiện hệ thống chứng từ sổ sách kế toán theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng chế độ kế toán và luật kiểm toán quy định.

Định kỳ kiểm tra công tác kế toán của các trung tâm trực thuộc với mục đích hoàn thiện và đảm bảo công tác quản lý tài chính đúng quy định (7.5.01- Thông báo kiểm tra đối với các trung tâm trực thuộc 2021). Thông qua kiểm tra nhằm phát hiện và chấn chỉnh những thiếu sót kịp thời nếu có góp phần ngày càng hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị (7.5.02- Kết quả kiểm tra các trung tâm 2021).

Công tác tài chính được Sở Tài chính kiểm tra và thẩm định kịp thời theo quy định nhằm hướng dẫn khắc phục những thiếu sót còn hạn chế nếu có để công tác quản lý tài chính ngày càng hoàn thiện và đảm bảo đúng quy định (7.4.01- Biên bản duyệt quyết toán năm 2020 của Sở tài chính).

Nhà trường luôn tuân thủ chế độ công khai tài chính bằng nhiều hình thức khác nhau và đúng quy định (7.1.03- Quyết định số 119/QĐ-CDKTCN ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 7.1.04- Quyết định số 936/QĐ-CDKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CDKTCN Nha Trang; 7.2.08- Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm năm 2021; 7.2.09- Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021).

Như vậy có thể khẳng định Nhà trường đã thực hiện thủ tục thanh quyết toán đúng quy định về chế độ kế toán, thực hiện đầy đủ hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo

quyết toán, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán đầy đủ và lưu trữ đúng quy định hiện hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7.6: *Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.

Với mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính ngày càng tốt hơn, kết thúc năm hoạt động nhà trường và các trung tâm trực thuộc đều có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của đơn vị (7.6.01- *Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính của trường và các trung tâm*).

Nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính, hỗ trợ tính thuận tiện kịp thời, bảo đảm tính đầy đủ của bộ chứng từ thanh toán, năm học 2020-2021 phòng KH-TC thực hiện SKCT “Thủ tục thanh toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu tại trường Cao đẳng KTCN Nha Trang”, SKCT này có hiệu quả thiết thực đối với công tác kế toán tại trường (7.6.02- *Thủ tục thanh toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu tại trường Cao đẳng KTCN Nha Trang*).

Công tác quản lý tài chính được thực hiện bởi bộ phận thực hiện chuyên môn, luôn đảm bảo tính minh bạch, khách quan, đúng chế độ quy định, đồng thời cũng được đánh giá cao về công tác quản lý tài chính thông qua việc khảo sát ý kiến của CBQL của trường (7.6.03- *Kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 1 điểm.

3.2.8. TIÊU CHÍ 8: Dịch vụ người học

Bao gồm 09 tiêu chuẩn.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Mở đầu:

Nội dung tiêu chí 8 là các hoạt động liên quan đến dịch vụ phục vụ cho người học nghề. Phòng Công tác HSSV là đơn vị tham mưu cho nhà trường trong việc thực hiện các dịch vụ đối với người học như:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện bảo đảm chất lượng dạy và học theo quy định.

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp. Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

*** Những điểm mạnh:**

Nhà trường cung cấp đầy đủ cho người học nghề thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của năm học cũng như khoá học.

Người học được phổ biến đầy đủ về: Điều lệ, quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp.

Người học được phổ biến đầy đủ các nội quy, quy định của trường.

Người học được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường, được tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

*** Những tồn tại:**

Việc theo dõi công tác tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người học hiện vẫn chưa cập nhật thông tin kịp thời. Năm học 2020- 2021 do tình hình dịch Covid-19 kéo dài chưa tổ chức được nhiều Hội nghị việc làm trong năm tại trường.

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao của nhà trường trong giai đoạn mới, tập thể CBVC phòng cần không ngừng học tập nâng cao trình độ chính trị và chuyên môn, nhất là đối với CBVC trẻ; cần đề ra nhiều giải pháp hơn trong công tác quản lý HSSV phù hợp tình hình thực tiễn.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Tiếp tục thực hiện đa dạng hơn nữa các hình thức thông tin đến HSSV.

Nhà trường cần tiếp tục đầu tư hơn nữa trong các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ trong HSSV. Cần xây dựng mới ký túc xá để đủ chỗ ở và đảm bảo chỗ ở khang trang và sạch sẽ.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động qua đó giúp các em HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường có nhiều lựa chọn hơn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp. Tổ chức hội nghị việc làm thường xuyên.

Điểm đánh giá tiêu chí 8:

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 8 | 9 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 7 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 8 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 9 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 8.1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường và các trung tâm trực thuộc rất quan tâm và chủ động trong công tác tuyển sinh, có kế hoạch và chương trình hành động cụ thể, thành lập đoàn công tác tuyển sinh đến các doanh nghiệp, các địa phương, phường, xã, các trường THPT, THCS... để cung cấp thông tin cho người học về mục tiêu, chương trình đào tạo (8.1.01- Kế hoạch số 732/KH-CDKTCN ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2020 – 2021; Kế hoạch số 107/KH-CDKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2021-2021).

Nhà Trường cũng đã đăng tin trên các báo Tuổi trẻ, báo Khánh Hòa, truyền hình, trang Web, tờ rơi, áp phích và thông qua HSSV đang theo học tại trường giới thiệu về Trường. Bên cạnh đó nhà trường còn tổ chức cho các trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông tới tham quan hướng nghiệp cho các em (8.1.02- Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2020-2021; Các kế hoạch tham quan các trường THCS, THPT). Những tiêu chuẩn cơ bản của người học nghề, các ngành nghề đào tạo, các hệ đào tạo và hình thức đào tạo đến mọi đối tượng có nhu cầu học nghề (2.5.01- Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021; 2.5.03- Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021).

HSSV khi nhập học được Trường cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khoá học thông qua Website của trường ... (8.1.03- Trang website của trường).

Tuần đầu tiên của khoá học người học được phổ biến đầy đủ về quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp. Các nội quy, quy chế này người học nghề luôn được cập nhật thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tuần, đồng thời các qui chế, nội quy đó được thông tin trên bảng tin của trường, Ngoài ra

mỗi HSSV nhập học được nhà trường hướng dẫn cách đăng nhập vào trang website của trường để có thêm tài liệu học tập nội qui, qui chế...của nhà trường (8.1.04- Kế hoạch số 1274/KH-CDKTCN ngày 26/8/2020 về việc tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2020-2021; 2.12.01- Quyết định số 84/QĐ-CDKTCN ngày 21/01/2019 về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; 8.1.05 - Quyết định số 740/QĐ-CDKTCN ngày 18/05/2021 về việc Ban hành Quy chế dạy và học trực tiếp, dạy và học gián tiếp qua Internet).

Trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, các giờ sinh hoạt chủ nhiệm hàng tuần, chào cờ tháng (8.1.06- Quyết định số 1464/QĐ-CDKTCN ngày 10/10/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác giáo viên chủ nhiệm của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang) người học thường xuyên được phổ biến đầy đủ nội quy, quy định của trường, phổ biến các quyền lợi, nghĩa vụ và các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học. Qua đó, người học nắm được nội quy, quy định của trường, chính sách của Nhà nước một cách thường xuyên (1.12.02- Quyết định số 751/QĐ-CDKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; 8.1.07- Quyết định số 694/QĐ-CDKTCN ngày 30/5/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 03/2/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là cánh chim đầu đàn trong hệ thống các trường trong tỉnh trong việc đào tạo nghề. Vì vậy, nhà trường luôn quan tâm đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, do đó các đơn vị trong nhà trường đều đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học (8.1.08- Quyết định 1769/QĐ- LĐT BXH ngày 25/11/2019 phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm gia đoạn 2016- 2020 và định hướng đến năm 2025).

Bên cạnh các hoạt động đào tạo tại trường, Trường còn có 04 trung tâm hoạt động theo quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị (1.1.09- Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). Căn cứ chức năng nhiệm vụ, các Trung tâm trực thuộc trường được giao nhiệm vụ tuyển sinh đào tạo bồi dưỡng sơ cấp và ngắn hạn:

- Trung tâm đánh giá KNN quốc gia: Trung tâm rất quan tâm và chủ động trong công tác tuyển sinh, có kế hoạch và chương trình hành động cụ thể, tư vấn tuyển sinh đến các trường, các doanh nghiệp trong tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để cung cấp thông tin cho học viên về mục tiêu của việc đánh giá. Các chính sách ưu tiên cho HSSV cũng được thông tin trong các thông báo tuyển sinh (8.1.09- Kế hoạch đánh giá năm 2020, 2021; TB tổ chức các kỳ đánh giá KNN năm học 2020-2021). Nhà trường cũng đã đăng tin trên trang Web trường (8.1.10- Các thông báo, tờ rơi tuyển sinh KNN). Những nội quy, quy định về thi KNN được trung tâm phổ biến đến học viên trước mỗi kỳ đánh giá (8.1.11- Nội quy thi KNN). Các điều kiện cơ sở vật chất được chuẩn bị đầy đủ trước mỗi kỳ đánh giá (8.1.12- Báo cáo về việc tổ chức các kì đánh giá KNN năm học 2020-2021).

- Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất: Trung tâm cung cấp đầy đủ cho người học nghề thông tin về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, lịch học và thi sát hạch lái xe A1. Người học được phổ biến đầy đủ về nội quy, quy chế đào tạo, quy chế thi sát hạch, thu thập ý kiến của người học và nhà giáo khi học và trong quá trình đào tạo (8.1.13- *Giấy báo học lái xe A1*).

- Trung tâm GDNN Nha Trang: Học viên được cung cấp đầy đủ thông tin về các khóa học, học phí của từng ngành nghề đào tạo và các chế độ miễn giảm học phí, tư vấn học viên chọn ngành nghề phù hợp trình độ học vấn và nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. chương trình đào tạo, nội quy, quy chế của trường, cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định (8.1.14- *Quyết định số 625/QĐ-CDKTCN ngày 05/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định về Chương trình đào tạo thuyên viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Quyết định số 674/QĐ-CDKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp; 8.1.15- Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 của Trung tâm GDNN*)

Trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới: Cùng với hoạt động tuyển sinh của trường, Trung tâm có lập kế hoạch tuyển sinh và kế hoạch đào tạo (8.1.16- *Kế hoạch tuyển sinh năm 2020 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới ; 8.1.17- Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới*). Các nghề đào tạo tại Trung tâm đều có đủ bộ chương trình theo quy định (8.1.18- *Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề năm 2020 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới*).

Hàng năm nhà trường lấy ý kiến của người học và nhà giáo của nhà trường trong việc nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin cho người học và các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định. (8.1.19- *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, giáo viên*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

HSSV tham gia học tập tại trường đều được hưởng các chế độ chính sách theo đúng quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp, các văn bản về thực hiện chế độ chính sách đối với HSSV trong các cơ sở GDNN. Hàng năm nhà trường đều xét miễn, giảm học phí; thực hiện chế độ nội trú cho HSSV theo đúng quy định; hỗ trợ học bổng cho HSSV thuộc diện chính sách và thực hiện chế độ học bổng cho các HSSV người đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện, xã, thôn miền núi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (1.12.02- *Quyết định số 751/QĐ-CDKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Hàng năm nhà trường đều lập danh sách và ban hành các quyết định đối với HSSV được hưởng chế độ miễn, giảm học phí; thực hiện chính sách nội trú đối với HSSV (8.2.01- *Quyết định 1746/QĐ-CDKTCN ngày 02 /11/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2020-2021; Quyết định số 1984/QĐ-CDKTCN ngày 08/12/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học*

phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2020-2021; 8.2.02- Quyết định số 140/QĐ-CDKTCN ngày 03/02/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học phí học kỳ II (đợt 1) năm học 2020-2021; Quyết định số 458/QĐ-CDKTCN ngày 09/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn học phí học kỳ II (đợt 2) năm học 2020-2021; 8.2.03- Quyết định số 1975/QĐ- CDKTCN ngày 08/12/2020 về việc cấp chính sách nội trú cho sinh viên học kỳ I, năm học 2020- 2021; Quyết định số 476/QĐ- CDKTCN ngày 20/4/2021 về việc cấp chính sách nội trú cho sinh viên học kỳ II, năm học 2020-2021; 8.2.04- Quyết định số 1977/QĐ-CDKTCN ngày 08/12/2019 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ I năm học 2020-2021; Quyết định số 298/QĐ-CDKTCN ngày 16/3/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ I (bổ sung) năm học 2020-2021; Quyết định số 477/QĐ-CDKTCN ngày 12/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ II năm học 2020-2021).

Ngoài các chế độ được hưởng nêu trên, các em HSSV còn được nhà trường xác nhận là HSSV để được giảm tiền đi xe buýt; giảm tiền đóng bảo hiểm y tế; ưu tiên ở ký túc xá; trợ cấp ưu đãi giáo dục đối con thương binh, bệnh binh, con liệt sĩ; chế độ ưu đãi vay vốn học tập (1.5.02- Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng của trường năm học 2021-2022).

Đối với các trung tâm trực thuộc trường học viên được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định (8.2.06-Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH về nội dung và mức hỗ trợ đào tạo nghề cho bộ đội xuất ngũ; Công văn số; 973/CDKTCN- TTGDNN về việc phối hợp tuyển sinh và đào tạo nghề ngắn hạn thuộc dự án GIZ; 8.2.07- Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, giáo viên).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang là một trong các trường đạt chuẩn trường chất lượng cao trên cả nước. Do đó HSSV theo học tại trường đều được hưởng các chế độ đãi ngộ tối đa, nhất là chính sách khen thưởng, học bổng khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện (8.1.07- Quyết định số 694/QĐ-CDKTCN ngày 30/5/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 03/2/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang).

Đề động viên và khuyến khích tinh thần học tập rèn luyện của HSSV, năm học

2020 – 2021 nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ, nhất là chính sách khen thưởng động viên HSSV học khá, giỏi và đoạt các giải trong các cuộc thi, học bổng khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện (8.3.01- *Quyết định số 1976/QĐ-CDKTCN ngày 8/12/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020; Quyết định số 1902/QĐ-CDKTCN ngày 30/11/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm thứ nhất cho sinh viên lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ cộng hoà liên bang Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1903/QĐ-CDKTCN ngày 30/11/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm thứ nhất cho sinh viên lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ cộng hoà liên bang Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1929/QĐ-CDKTCN ngày 1/12/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho Sinh viên đạt chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (giải khuyến khích) trong Kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ XI năm 2020; Quyết định số 724/QĐ-CDKTCN ngày 14/5/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021).*

Trong một năm học nhà trường đánh giá và khen thưởng HSSV cuối năm học và cuối khóa (8.3.02- *Quyết định số 1733/QĐ-CDKTCN ngày 30/10/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân học sinh, sinh viên năm học 2019- 2020; Quyết định số 1755/QĐ-CDKTCN ngày 03/11/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng cuối khóa học sinh trung cấp khóa 12; Quyết định số 438/QĐ-CDKTCN ngày 07/4/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng cuối khóa tập thể, cá nhân sinh viên cao đẳng khóa 12 , cao đẳng liên thông Khóa 13 (đợt 1); Quyết định số 1499/QĐ-CDKTCN ngày 5/10/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng đợt xuất sinh viên có sáng kiến trong học tập năm học 2019- 2020; Quyết định số 1499/QĐ-CDKTCN ngày 5/10/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng học sinh, sinh viên xuất sắc tiêu biểu trong hoạt động ký túc xá, năm học 2019-2020; Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 1/12/2020 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng sinh viên đạt chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (giải khuyến khích) trong Kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ XI năm 2020; Quyết định số 635/QĐ-CDKTCN ngày 7/5/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng học sinh đạt huy chương đồng Hội thi giải Vô địch Vovinam trẻ toàn quốc năm 2020; Quyết định số 451/QĐ-CDKTCN ngày 8/4/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng sinh viên đạt giải nhì Hội thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên tỉnh Khánh Hòa lần thứ I- năm 2021; Quyết định số 1069/QĐ-CDKTCN ngày 12/7/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc khen thưởng nhóm tác giả và cá nhân Học sinh đạt giải khuyến khích trong Cuộc thi Sáng tạo Thanh, thiếu niên, nhi đồng tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX (2020-2021); Quyết định số 1070/QĐ-CDKTCN ngày 12/7/2021 của Hiệu Trường trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc khen thưởng*

cho Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm học 2020-2021).

Đề tạo mọi điều kiện cho HSSV an tâm học tập và hỗ trợ cho các em về công việc hành chính của HSSV, nắm bắt kịp thời các tâm tư nguyện vọng và giúp đỡ các em trong quá trình tham gia học tập tại trường. Hàng năm nhà trường đều có phân công nhà giáo chủ nhiệm để giúp đỡ các em trong suốt thời gian học tập tại trường. Nhà giáo chủ nhiệm hoạt động theo quy định của nhà trường và là cầu nối gắn kết chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường (8.1.06- *Quyết định số 1464/QĐ-CDKTCN ngày 10/10/2018 của Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định Công tác giáo viên chủ nhiệm của Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*; 8.3.03- *Quyết định số 1525/QĐ-CDKTCN ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2020-2021*; 8.3.04 - *Các báo cáo kết quả đánh giá công tác chủ nhiệm năm học 2020- 2021*).

Nhà trường có thư viện với diện tích 224,64 m², có 10 máy tính kết nối internet để HSSV truy cập. Hiện nay thư viện có hơn 2000 đầu sách và được kết nối với thư viện điện tử của trường Đại học Nha Trang. Thư viện có một nhân viên phụ trách thuộc phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí (8.3.05- *Thông báo số 1585/TB-CDKTCN ngày 16/10/2020 về việc đăng ký tài khoản thư viện cho HSSV khóa 14*; *Thông báo số 326/TB-CDKTCN ngày 23/3/2021 về việc hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử dành cho HSSV khóa 14*; 8.3.06- *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, giáo viên về thực hiện chính sách đối với người học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.4: *Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Công tác HSSV được giao nhiệm vụ là phục vụ công tác HSSV, bên cạnh đó còn có nhiệm vụ về tuyên truyền, giáo dục, nắm bắt tư tưởng HSSV. Với phương châm chỉ đạo của lãnh đạo trường, trường học thì HSSV là trung tâm của mọi hoạt động. Do đó HSSV theo học tại trường luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (8.1.01- *Kế hoạch số 732/KH-CDKTCN ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2020 – 2021*; *Kế hoạch số 107/KH-CDKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2021-2021*; 8.4.01- *Quyết định số 841/QĐ-CDKTCN ngày 22/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang*).

Mọi chế độ chính sách đối với HSSV đều được công khai, minh bạch, rõ ràng cho HSSV theo dõi trên bảng tin cũng như Website của trường. Nhà trường không phân biệt đối tượng, giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân khi xét các chế độ chính sách đối với HSSV (1.5.02- *Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng của trường năm học 2021-2022*).

Đối với các trung tâm tất cả học viên tham gia học tập và dự thi đều được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân được thể hiện trong các văn bản. Chế độ chính sách miễn giảm lệ phí đối với học

viên, HSSV đều được công khai, minh bạch, rõ ràng, HSSV có thể theo dõi trên bảng tin cũng như Website của trường, trong đó thể hiện rất rõ nét người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân. Vì lẽ đó, năm học 2020-2021 không có đơn thư khiếu nại (8.4.02- *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.5: *Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá của nhà trường hiện nay là tòa nhà 5 tầng với tổng diện tích 4.357 m² với 58 phòng - mỗi phòng 40 m² cùng với các hạng mục khác đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu học tập, sinh hoạt cho HSSV. KTX nằm trong khuôn viên của Trường thuận tiện cho sinh hoạt và học tập; có cây xanh, ghế đá, sân cầu lông, bàn bóng bàn phục vụ cho HSSV sau giờ học. Nhà trường còn trang bị thêm ti vi và các phương tiện thể thao tại sân ký túc xá. 08 HSSV được bố trí trên 1 phòng, mỗi phòng có phòng tắm và phòng vệ sinh riêng biệt, diện tích của mỗi phòng đảm bảo đúng theo quy định và có thông gió tự nhiên vào phòng. Hệ thống điện, nước bảo đảm cung cấp 24/24 (8.5.01- *Các bảng vẽ ký túc xá*).

KTX của trường được giao cho Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất quản lý toàn diện (8.5.01- *Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất*). Có quy chế quản lý ký túc xá, quy định rõ chế độ sinh hoạt, sử dụng trang thiết bị, kinh phí đóng góp... (8.5.02- *Quyết định số 567/QĐ-CDKTCN ngày 26/4/2018 của Hiệu trưởng Quy định tổ chức hoạt động ký túc xá theo*). HSSV ở KTX đều có danh sách cụ thể để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý (8.5.03- *Danh sách HSSV ở KTX*).

Ban quản lý ký túc xá là một tập thể cán bộ, nhân viên có kinh nghiệm, luôn giải quyết kịp thời các vấn đề sinh hoạt tại ký túc xá, nên không có những tệ nạn, mất an ninh trật tự, giúp các em an tâm học tập. Hàng năm ban quản lý ký túc xá đều có báo cáo đánh giá ký túc xá đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học (8.5.04- *Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm số 1903/ATTP-CNĐK ngày 02/11/2018 có hiệu lực 3 năm*; 8.5.05- *Báo cáo hoạt động của nhà ăn và ký túc xá*).

Mỗi năm nhà trường thường xuyên phát phiếu khảo sát cho các em HSSV ở ký túc xá để thăm dò mức độ hài lòng và đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng phục vụ cho người học (8.5.06- *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về người học*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.6: *Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có phòng y tế riêng biệt, hiện nay phòng y tế có 02 giường để người bệnh nằm nghỉ, có tủ thuốc sơ cứu tại chỗ và các dụng cụ phương tiện khám chữa bệnh thông thường phục vụ cán bộ, nhà giáo và HSSV. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe cho HSSV. Phòng y tế nhà trường được biên chế 01 nhân viên y tế, có trình độ chuyên môn được đào tạo qua trường lớp, có nhiều năm kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp. Tất cả các xưởng thực hành đều được trang bị tủ thuốc sơ cứu tại chỗ, định kỳ cấp bổ sung các vật dụng sơ cứu y tế. Hàng năm nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho HSSV. Triển khai có hiệu quả các biện pháp và chế độ vệ sinh phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, đặc biệt đối với dịch Covid-2019 mặc dù tình hình dịch bệnh của địa phương diễn biến rất phức tạp nhưng không có ca lây nhiễm nào trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang (8.6.01- Hồ sơ cán bộ y tế; 8.6.02- Danh mục thiết bị y tế cơ bản của trường “biên bản kiểm kê tài sản”; 8.6.03- Kế hoạch công tác y tế năm học 2020-2021 ngày 7/9/2020; 8.6.04- Báo cáo hoạt động y tế trường học năm 2020-2021; 8.6.05- Kế hoạch số 1727/KH-CĐKTCN ngày 30/10/2020 về việc khám sức khỏe cho học sinh, sinh viên mới nhập học năm học 2020-2021; 8.6.06- Kế hoạch số 546/KH-CĐKTCN ngày 23/4/2021 về việc tổ chức truyền thông giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho HSSV, năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1572/KH-CĐKTCN ngày 14/10/2020 về việc tổ chức truyền thông, chống HIV/AIDS cho HSSV, năm học 2020-2021; Thông báo 1301/TB-CĐKTCN ngày 28/8/2020 về việc phân công khu vực vệ sinh toàn trường; Thông báo số 1488/TB-CĐKTCN ngày 2/10/2020 về việc vệ sinh toàn trường chào đón năm học mới 2020-2021; Thông báo số 1804/TB-CĐKTCN ngày 2/10/2020 về việc vệ sinh toàn trường chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2021; 8.6.07- Quyết định số 717/QĐ-CĐKTCN ngày 13/5/2021 về việc thành lập ban giám sát phòng, chống dịch; Thông báo số 718/TB-CĐKTCN ngày 13/05/2021 về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19; Thông báo số 760/TB-CĐKTCN ngày 25/05/2021 về việc dạy và học Văn hóa lớp 12 sau thời gian nghỉ để phòng chống dịch bệnh Covid-19; Kế hoạch số 769/KH-CĐKTCN ngày 25/05/2021 về việc chuẩn bị triển khai phòng chống dịch bệnh Covid-2019 đối với HSSV; Thông báo số 815/TB-CĐKTCN ngày 1/06/2021 về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; Thông báo số 876/TB-CĐKTCN ngày 11/06/2021 về việc triển khai phòng chống dịch Covid-2019; Thông báo số 973/TB-CĐKTCN ngày 24/06/2021 về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-2019; Thông báo số 1043/TB-CĐKTCN ngày 8/07/2021 về việc triển khai phòng chống dịch Covid-2019).

Nhà trường có nhà ăn và căng tin đặt trong trường và trong ký túc xá phục vụ nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV toàn trường. Đảm bảo tuyệt đối về an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng từng bữa ăn, giá cả hợp lý (8.5.05 - Báo cáo hoạt động của nhà ăn và ký túc xá). Hàng năm được sở y tế cấp chứng nhận bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm (8.5.04- Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm số 1903/ATTP-CNĐK ngày 02/11/2018 có hiệu lực 3 năm; 8.6.08- Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, nhà giáo về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong khuôn viên của nhà trường, ngoài các dãy nhà làm việc, các giảng đường, khu thực hành, nhà trường còn được đầu tư một nhà thi đấu đa năng với diện tích 2.335 m² với đầy đủ các trang thiết bị tập luyện đáp ứng cho nhu cầu học tập, giải trí, tập thể dục, thể thao cho cán bộ nhà giáo và HSSV. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang hiện nay có các tổ chức bao gồm: Đảng bộ, Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên.

Các tổ chức này hoạt động theo điều lệ của tổ chức và cũng là tổ chức gắn liền với HSSV. Các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao được các tổ chức này phối hợp và tạo ra các hoạt động vui chơi bổ ích cho tất cả HSSV trong toàn trường (8.7.01- Chương trình số 01/CT-ĐTN ngày 3/9/2020 chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2020-2021; Chương trình công tác Hội sinh viên và phong trào sinh viên năm học 2020-2021; Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường năm học 2020-2021; 8.7.02- Kế hoạch 101/KH- CĐKTCN ngày 25/1/2021 về việc tổ chức cuộc thi ảnh online trên fanpage tuyển sinh; Kế hoạch 141/ KH- CĐKTCN ngày 3/2/2021 về việc Hội thi sáng tạo Khoa học- Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX (2020-2021); Kế hoạch 04/KH- CĐKTCN ngày 5/9/2020 về việc tổ chức Hội thi sáng tạo Khoa học- Kỹ thuật cấp trường lần thứ I năm học 2020-2021; Kế hoạch 721/KH- CĐKTCN ngày 14/5/2021 về việc phát động Cuộc thi viết về Kỹ năng lao động Việt Nam; Kế hoạch ngày 21/12/2020 về việc tổ chức chương trình Giao lưu văn hóa ẩm thực và sử dụng gia vị trong chế biến món ăn; Kế hoạch 1427/ KH- CĐKTCN ngày 29/10/2020 về việc phát động tuần thu đua “Dạy tốt- Học tốt” chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11; Kế hoạch 34/KH- CĐKTCN ngày 18/1/2021 về việc tổ chức hoạt động nâng cao năng lực giao tiếp Tiếng Anh cho học sinh- Sinh viên của trường năm học 2020-2021; Kế hoạch 2133 /KH- CĐKTCN ngày 11/12/2020 về việc tổ chức giải bóng đá Futsal Mừng Đảng- Mừng Xuân Tân Sửu 2021, chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, Ngày truyền thống HSSV 9/1; Kế hoạch 16 /KH- HSV ngày 16/12/2020 về việc Tổ chức chương trình Mừng Đảng- Mừng xuân, kỷ niệm 71 năm ngày truyền thống Học sinh, sinh viên và Hội Sinh viên Việt Nam (09/01/1950- 09-01/2020), Tuyên dương “Sinh viên 5 tốt” năm học 2020-2021; 8.7.03- Kế hoạch số 38/KH-ĐTN ngày 05/3/2021 của BCH đoàn trường về việc tổ chức cuộc thi trang trí ghế đá trong khuôn viên trường; Kế hoạch số 55/KH- CĐKTCN ngày 15/1/2021 về việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức cơ bản về “Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả” Kế hoạch số 444/KH-CĐKTCN ngày 08/4/2021 về việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức cơ bản về “ Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả; 8.7.04- Báo cáo kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể năm học 2020-2021).

Hàng năm đoàn thanh niên trường đều tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, qua hoạt động này đã giúp cho các em HSSV tham gia các hoạt động mang tính xã hội, thấy rõ được vai trò của thanh niên trong hoạt động tình nguyện, phát huy tính tiên phong gương mẫu trong học tập, là động lực để các em lập thân, lập nghiệp sau khi ra trường (8.7.05- Kế hoạch số 46/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2021 về việc tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh năm 2021; Kế hoạch số 45/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2021 về việc Tổ chức “Tiếp sức mùa thi”; Các Kế hoạch hiến máu tình nguyện năm học 2020-2021; 8.7.06- Kế hoạch số 5/KH-ĐTN ngày 05/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày chủ nhật xanh”; Kế hoạch số 18/KH-ĐTN ngày 30/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày chủ nhật xanh”; Kế hoạch số

7/KH-ĐTN ngày 07/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày thứ 7 xanh”).

Ngoài các hoạt động tổ chức vui chơi, thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ. Phòng công tác HSSV còn phối hợp với đoàn trường trong việc thành lập và tổ chức hoạt động đội thanh niên xung kích, đội thanh niên tự quản, đội cờ đỏ nhằm kiểm tra, chấn chỉnh tác phong, nề nếp và tuyên truyền về ANTT cho HSSV khi vào trường học tập. Công tác phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm. Giúp các em HSSV an tâm học tập, xây dựng môi trường an toàn trong khuôn viên trường học, góp phần đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong toàn trường (8.7.07- Quyết định số 1492/QĐ-ĐTN ngày 2/10/2020 về việc kiện toàn tiểu đội tự vệ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 15/QĐ-ĐTN ngày 9/11/2020 về việc thành lập đội thanh niên xung kích bảo vệ an ninh trật tự; Quyết định số 14/QĐ-ĐTN ngày 8/11/2020 về việc thành lập đội hình thanh niên tình nguyện tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông; Kế hoạch 1833 /KH- CĐKTCN ngày 16/11/2020 về việc Tham gia vòng phát động Hội thi tìm hiểu phong trào toàn dân bảo vệ ANTO trong HSSV các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2020; Kế hoạch số 1865/KH-CĐKTCN ngày 23/11/2020 về việc tổ chức tọa đàm nâng cao nhận thức về Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới cho Sinh viên ‘tôn trọng, ngừng quấy rối và phân biệt đối xử’; Quyết định số 874/QĐ- BTTTT ngày 17/6/2021 Về việc ban hành bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội; Kế hoạch số 507/KH-CĐKTCN ngày 19/4/2021 về việc thực hiện chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch 22/KH-CĐKTCN ngày 24/11/2020 về việc thi hưởng ứng cuộc thi thanh niên với văn hóa giao thông năm 2020; Kế hoạch số 15/KH-ĐTN ngày 25/9/2020 về việc phối hợp tổ chức tuyên truyền phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong HSSV; Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của trường; 8.7.08- Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và nhà giáo trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và an ninh trong nhà trường...).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trên Website sinh viên, bảng tin của Trường và các khoa, bộ môn thường xuyên có dán các thông tin tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp để HSSV nắm được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp đối với từng ngành nghề giúp HSSV lựa chọn, yên tâm học tập và có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. (8.8.01- Các thông báo của doanh nghiệp xin tuyển lao động tại cổng thông tin sinh viên địa chỉ: sv.cdktcnnt.edu.vn).

Hàng năm trường gửi danh sách HSSV đã tốt nghiệp cho Trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh, mời đại diện các Doanh nghiệp tham dự Lễ Tổng kết và trao Bằng tốt nghiệp cho các khóa ra trường trong năm để HSSV có cơ hội tiếp xúc với các Doanh nghiệp (8.8.02- Kế hoạch số 488/KH- CĐKTCN ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021; 8.8.03- Kế hoạch phát bằng tốt nghiệp;

8.8.04- *Danh sách doanh nghiệp tham dự lễ tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp*).

Đối với đào tạo ngắn hạn sau mỗi khóa học Trung tâm GDNN đều hỗ trợ tìm kiếm các doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển dụng các ngành nghề Trung tâm đào tạo để giới thiệu việc làm phù hợp cho học viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có mối quan hệ và có các hoạt động hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh trong lĩnh vực đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các Hội nghị “Đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp”, “Biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo” (8.9.01- *Kế hoạch số 1571/KH- CDKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Quan hệ doanh nghiệp năm 2020-2021; 8.9.02- Kế hoạch số 642/KH- CDKTCN ngày 7/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về Hội nghị ký kết hợp tác đào tạo- Tư vấn việc làm, tuyển dụng - Thực tập tại doanh nghiệp năm 2021*).

Hàng năm, trường đều tổ chức thực hiện các hoạt động giới thiệu việc làm cho HSSV bằng cách:

- Mời đại diện các Doanh nghiệp tham dự Lễ Tổng kết và trao Bằng tốt nghiệp cho các khóa ra trường trong năm để HSSV có cơ hội tiếp xúc với các Doanh nghiệp (8.8.03- *Kế hoạch phát bằng tốt nghiệp; 8.8.04- Danh sách doanh nghiệp tham dự lễ tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp; 8.8.01- Các thông báo của doanh nghiệp xin tuyển lao động tại cổng thông tin sinh viên địa chỉ: sv.cdktcnnt.edu.vn*).

Ngoài ra trên bảng tin của Trường và các khoa, bộ môn thường xuyên có dán các thông tin tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp để HSSV nắm được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp đối với từng ngành nghề giúp HSSV lựa chọn, yên tâm học tập và có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. HSSV đang học và đã tốt nghiệp cũng có thể tìm kiếm thông tin tuyển dụng lao động dễ dàng trên trang website của Trường (8.1.03- *Trang website của trường*).

Kết quả đạt được trong công tác tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng được nhà trường thu thập trong Phiếu khảo sát ý kiến của người học, từ đó khắc phục và tổ chức các hoạt động ngày càng hoàn thiện hơn (8.9. 03- *Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát kết quả và báo cáo khảo sát người học và cán bộ quản lý, nhà giáo*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. TIÊU CHÍ 9: Giám sát, đánh giá chất lượng.

Bao gồm 6 tiêu chuẩn

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Mở đầu:

Giám sát, đánh giá chất lượng với mục tiêu là bảo đảm chất lượng GDNN là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tới, là trách nhiệm của nhà trường ngành và toàn xã hội.

Bảo đảm chất lượng GDNN được hiểu là một cơ chế quản lý, giám sát, đánh giá nhằm duy trì các chuẩn mực và không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Trong đào tạo nghề, bảo đảm chất lượng là một quá trình liên tục: Thiết lập, xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá, kiểm soát, duy trì, khắc phục và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

*** Những điểm mạnh:**

- Công tác đảm bảo chất lượng được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu nhà trường;

- Hằng năm, thu thập ý kiến CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động;

- Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo theo quy định. Hằng năm, lập kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá;

- Phối hợp với các đơn vị, các doanh nghiệp nắm bắt người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, từ đó có kế hoạch điều chỉnh sửa đổi chương trình đào tạo.

*** Những tồn tại:**

Công tác điều tra đánh giá người học và sinh viên tốt nghiệp chưa được tiến hành một cách bài bản, có hệ thống.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về công tác bảo đảm chất lượng, trong đó có hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn trường;

- Các đơn vị cần có sự hoạt động quyết liệt về công tác bảo đảm chất lượng và có sự kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng việc thực hiện công tác chuyên môn của đơn vị;

- Các đơn vị cần chủ động thực hiện thu thập ý kiến doanh nghiệp, của cựu HSSV đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động theo kế hoạch của trường.

- Nhà trường có kế hoạch đầu tư các nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn nhằm duy trì, củng cố và phát triển, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giám sát, đánh giá chất lượng.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm tự đánh giá |
|-----------------------------|-------------------------|
| Tiêu chí 9 | 6 điểm |
| Tiêu chuẩn 1 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 2 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 3 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 4 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 5 | 1 điểm |
| Tiêu chuẩn 6 | 1 điểm |

Tiêu chuẩn 9.1: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp về các kiến thức nghề được đào tạo, các kỹ năng mềm, về chương trình đào tạo.

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức gửi phiếu khảo sát, thu thập ý kiến của các cơ quan, doanh nghiệp có HSSV tốt nghiệp năm học 2020-2021 về mức độ đáp ứng các công việc tại nơi làm việc để từ đó điều chỉnh phù hợp với thực tế, nâng cao hiệu quả và phương pháp tổ chức đào tạo. (9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 9.1.02- Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2021; 9.1.03- Danh sách người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021; 9.1.04- Phiếu khảo sát thu thập ý kiến sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp 2021).

Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhìn chung các doanh nghiệp đều hài lòng đối với học viên tốt nghiệp từ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang mới được tuyển dụng. Các Doanh nghiệp đều đánh giá tốt về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp như nắm vững kiến thức của nghề được đào tạo, vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn có hiệu quả và có đạo đức tác phong nghề nghiệp tốt (9.1.05- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021).

Tuy nhiên, Kỹ năng tin học cơ bản của HSSV ngành kỹ thuật và năng lực ngoại ngữ đối với HSSV ngành Du lịch chưa đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp và cần được cải thiện.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động, hàng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến của các CBQL, giảng viên, viên chức và người lao động trong toàn trường về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động năm học 2019-2020 để từ đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 9.2.01- Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm 2021; 9.2.02- Các Phiếu khảo sát thu thập ý kiến 2021).

Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhìn chung các CBQL, giảng viên, viên chức và người lao động đều đồng ý với các nội dung về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động trong phiếu khảo sát. Điều này cho thấy nhà trường rất quan tâm đến các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho CBQL, nhà giáo giảng dạy, viên chức và người lao động được học tập, nâng cao trình độ (9.2.03- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng đào tạo, chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học năm học 2019-2020, hàng năm nhà trường lập kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến của HSSV đối với các nghề đào tạo của trường về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học để từ đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 9.3.01- Danh sách học sinh, sinh viên năm 2021; 9.3.02- Danh sách học sinh, sinh viên được thu thập ý kiến năm 2021; 9.3.03- Phiếu khảo sát thu thập ý kiến về chất lượng năm 2021).

Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, nhìn chung các em HSSV đều đồng ý với các nội dung về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường trong phiếu khảo sát. Điều này cho thấy nhà trường rất quan tâm đến các chính sách

liên quan đến HSSV, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi học tập cho các em (9.3.04- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về chất lượng năm 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm mục đích nâng cao nhận thức của cán bộ, nhà giáo, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của trường đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp nhà trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn nhân lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện. Hoạt động tự đánh giá chất lượng GDNN là hoạt động thường niên của nhà trường, hoạt động kiểm định chất lượng theo định kỳ như quy định.

Thực hiện theo Thông tư 28/2017/TT-BGDĐT năm 2021, trường đã xây dựng kế hoạch, kiện toàn Hội đồng tự đánh giá và tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và tự đánh giá chất lượng tất cả chương trình đào tạo (9.4.01 - Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng; 1.6.07- Quyết định số 682/QĐ-CĐKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021; 9.4.02- Kế hoạch số 683/KH-CĐKTCN ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021; 1.7.12- Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021; 1.7.13- Kế hoạch số 665/KH-CĐKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021; 1.7.14- Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021; 1.5.01- Các Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng năm học 2021-2022 của các đơn vị).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2021, kết hợp kết quả tự đánh giá chất lượng GDNN của trường năm 2020 và kết quả đánh giá ngoài về trường cao đẳng chất lượng cao năm 2021, Nhà trường đã tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại trong hoạt động BDCL, theo kế hoạch các tiêu chuẩn còn tồn tại năm 2020 được phân công cho các đơn vị theo chức năng tổ chức thực hiện (9.5.01- Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2020; 9.5.02- Báo cáo tự đánh giá chất lượng 15 chương trình đào tạo năm 2020; 9.5.03- Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2020; 1.7.07- Thông báo số 243/TB-CĐKTCN ngày 08/03/2021 của Hiệu trưởng về việc Thông báo những tồn tại công tác BDCL năm 2020; 1.4.02- Kế hoạch số 380/KH-

CDKTCN ngày 31/03/2021 của Hiệu trưởng về Kế hoạch khắc phục những tồn tại công tác BDCL năm 2020; 9.5.04 - Kế hoạch số 1662/KH-CDKTCN ngày 16/11/2021 của Hiệu trưởng về việc xây dựng và phát triển hệ thống Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2021). Kết quả khắc phục những tồn tại của năm 2021 sẽ được đánh giá, rút kinh nghiệm trong các báo cáo cuối năm 2022 và gửi Sở Lao động Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa và Tổng Cục GDNN theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, để đánh giá được chất lượng đào tạo, sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm đúng ngành nghề được đào tạo, trường có kế hoạch tổ chức điều tra lần vết với những HSSV vừa tốt nghiệp năm học 2019-2020 cho các nghề đào tạo của trường để từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tế (9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021; 9.3.01- Danh sách học sinh, sinh viên năm 2021; 9.6.01- Quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp hệ cao đẳng khóa 12, hệ trung cấp khóa 12/9 (thi lại lần 1); 9.6.02- Các Phiếu khảo sát điều tra lần vết các năm 2021).

Kết quả khảo sát năm 2021 nhận được 91% ý kiến đồng ý về sự phù hợp của công việc đối với nghề học và 9% ý kiến còn lại cho rằng công việc đang đảm nhận chưa thật sự phù hợp với nghề đã học (9.6.03- Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm 2021).

Qua đợt điều tra lần vết, HSSV trả lời “Đã có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp” trong năm đầu tiên cho thấy HSSV tốt nghiệp tại trường có cơ hội việc làm cao. Kết quả này cho thấy những HSSV của trường sau khi tốt nghiệp năng động, chịu khó tìm kiếm và nắm bắt cơ hội việc làm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9: 1 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chí 1:

Công tác phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của trường trong năm 2020 đã có nhiều cải thiện, vì vậy cần duy trì công tác này, đặc biệt chú trọng đến chất lượng đào tạo. Thông qua kết quả của người học để quảng bá thương hiệu của trường;

Tiến hành khảo sát nhu cầu học tập của HSSV và nhu cầu của các doanh nghiệp thường xuyên hàng năm, qua đó phân tích thực tế nhu cầu nghề nghiệp của người học so với nhu cầu xã hội đang cần để kịp thời bổ sung, điều chỉnh mục tiêu và quy mô ngành nghề đào tạo, điều này là hết sức cần thiết trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay;

Trong năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo tập trung xây dựng kế hoạch, tổ chức định hướng tư vấn nghề nghiệp thường xuyên, định kỳ cho đối tượng học sinh trong các trường THPT, THCS đặc biệt là học sinh trong các trường THPT trên địa bàn để có nhận thức dần về nghề nghiệp;

Việc xác định mục tiêu, nhiệm vụ và điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ sẽ được thực hiện thường xuyên hàng năm để phù hợp với tình hình phát triển của nhà trường trong mỗi năm;

Thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý qua đó có đánh giá, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của trường chất lượng cao;

Triển khai rà soát bổ sung các quy định, quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế của trường hiện nay.

2. Tiêu chí 2:

Đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học. Tiếp tục tổ chức đào tạo theo hướng tích lũy mô đun đồng thời nghiên cứu biên soạn, hợp tác với các đơn vị có liên quan mở rộng hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn một số nghề trong trường;

Trường chỉ đạo các khoa, bộ môn phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các nghề tại đơn vị sử dụng lao động;

Ứng dụng lòng ghép các kỹ năng thiết yếu vào giảng dạy, phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm;

Duy trì tổ chức ôn, thi ngoại ngữ cho HSSV nhằm từng bước chuẩn hóa ngoại ngữ đầu ra theo quy định;

Hướng dẫn và tiếp tục tổ chức thực hiện đào tạo liên thông theo quy định.

3. Tiêu chí 3:

Nhà trường cần có giải pháp thực hiện kế hoạch cử cán bộ quản lý đi học tập nâng cao về chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghề, ngoại ngữ, tin học để đáp ứng những tiêu chuẩn của trường nghề chất lượng cao, các nghề trọng điểm;

Phấn đấu từ nay đến hết năm 2021, toàn thể nhà giáo của trường sẽ đạt chuẩn giảng dạy thực hành/tích hợp theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo GDNN của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Tiếp tục duy trì thành tích trường cao đẳng chất lượng cao của cả nước;

Từ năm học 2020-2021, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị;

Mỗi năm tổ chức cho nhà giáo đi tham quan thực tế tại các trường có đào tạo chuyên ngành giảng dạy, từ đó tạo điều kiện cho nhà giáo học tập thêm kinh nghiệm và rút ra được những vấn đề còn tồn tại để áp dụng vào giảng dạy tại đơn vị;

Mở rộng hình thức hợp đồng thỉnh giảng, ký hợp đồng nhà giáo ngoài trường có nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy các nghề đào tạo mới;

Nhà trường tiếp tục có kế hoạch cho toàn thể nhà giáo bồi dưỡng trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề hàng năm để phục vụ công tác đào tạo của nhà trường ngày một tốt hơn;

Tổ chức hội thảo rút kinh nghiệm về chuyên môn và sư phạm sau mỗi học kỳ của năm học;

Hàng năm có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao lý luận chính trị, công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CBQL; có chính sách khuyến khích số cán bộ học nâng cao trình độ chuyên môn;

Hàng năm lãnh đạo trường có sự sắp xếp tham gia các lớp chuyên đề có tính đặc thù phục vụ cho công tác quản lý để phát triển trường trong những năm tiếp theo.

4. Tiêu chí 4:

Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình; biên soạn và thẩm định giáo trình đào tạo cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh ngoài xã hội;

Tổ chức đào tạo theo phương thức niên chế và tích lũy mô đun;

Liên kết với các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, cao đẳng lên đại học;

Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng biên soạn giáo trình, giáo trình điện tử cho đội ngũ nhà giáo, thu thập nhiều hơn nữa ý kiến đóng góp của HSSV; đảm bảo tất cả giáo trình, tài liệu giảng dạy cho các môn học, mô đun được cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt trong chương trình GDNN, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

5. Tiêu chí 5:

Tiếp tục lập kế hoạch đầu tư chủng loại thiết bị đào tạo theo danh mục chủng loại thiết bị bắt buộc của Bộ LĐTB&XH, liên kết đào tạo với các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đưa HSSV ra ngoài thực tập để tiếp cận với các chủng loại thiết bị trường chưa có;

Hàng năm Nhà trường trang bị bổ sung dần số lượng thiết bị thiếu hoặc lạc hậu, hư hỏng;

Tập huấn về công tác PCCC cho cán bộ, nhà giáo, nhân viên khi Công an PCCC của tỉnh mở lớp tập huấn;

Đầu tư trang thiết bị và tổ chức thư viện điện tử;

Xanh hóa hoạt động GDNN, từng bước thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo Quyết định số 1393/QĐ-TTg năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tiêu chí 6:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH, chú ý đến trách nhiệm của cá nhân, các đơn vị trong trường, tăng cường các điều khoản về khen thưởng và khuyến khích phù hợp nhằm khai thác năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, nhà giáo; chú trọng công tác nghiên cứu khoa học hướng đến các sản phẩm có tính thiết thực hơn nữa như đẩy mạnh nghiên cứu khoa học ứng dụng trong sản xuất kinh doanh;

Khuyến khích cán bộ, nhà giáo đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và tích cực tham gia viết các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế để nâng thế mạnh khoa nghệ và quảng bá hình ảnh của nhà trường;

Trường tiếp tục chủ động hợp tác quốc tế và tham gia tích cực các chương trình chuyển giao công nghệ và dự án hợp tác quốc tế trong chương trình hợp tác giữa Tổng cục GDNN của Việt Nam và các nước trên thế giới để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, CBQL và phát triển nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà trường.

7. Tiêu chí 7:

Kế hoạch tài chính của Trường phụ thuộc vào định mức Ngân sách nhà nước cấp cho đào tạo. Tuy nhiên định mức hiện đang áp dụng chưa phù hợp với tình hình giá cả thị trường. Nhà trường đã kiến nghị với UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh định mức cấp kinh phí/học sinh hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế;

Thu đúng, thu đủ học phí theo quy định;

Xây dựng quy trình cụ thể về quản lý tài sản cho các đơn vị và quy định trách nhiệm khai thác, sử dụng có hiệu quả; lập kế hoạch dự toán và phân phối vật tư thực tập cho các xưởng thực hành; phối hợp với các bộ phận chức năng để xây dựng định mức chi phí tài chính cho từng ngành nghề đào tạo;

Xây dựng và thực hiện các quy trình quản lý chất lượng quản lý thu–chi ngân sách trong nhà trường;

Thường xuyên cập nhật các văn bản về chế độ tài chính hiện hành để thực hiện thu–chi đúng chế độ quy định;

Thực hành tiết kiệm trong tất cả các hoạt động của toàn trường;

Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyển sinh để thu hút học sinh vào trường ngày càng tăng;

Phối hợp tăng cường mối quan hệ gắn kết với doanh nghiệp, thúc đẩy việc gia tăng liên kết sản xuất dịch vụ để tăng nguồn thu;

Phối hợp sắp xếp lớp học hợp lý để giảm chi phí giảng dạy;

Các trung tâm trực thuộc tăng cường nguồn thu trên cơ sở hoạt động hiệu quả theo nhiệm vụ được giao;

Điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường trên cơ sở chi tiêu đúng chế độ quy định nhưng vẫn bảo đảm theo hướng khuyến khích đầu tư phát triển, đồng thời quan tâm hơn nữa đến việc tăng thu nhập của CB-GV-CNV.

8. Tiêu chí 8:

Khai thác hiệu quả hơn nữa thông tin người học;

Tiếp tục thực hiện đa dạng các hình thức thông tin của trường, của khoa đến HSSV;

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tiếp tục đầu tư hơn nữa trong các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ cho HSSV tại trường và ký túc xá;

Hoàn thiện ký túc xá mới để đủ chỗ ở và đảm bảo chỗ ở khang trang, sạch sẽ;

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động qua đó giúp các em HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường có nhiều lựa chọn hơn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp. Thường xuyên tổ chức hội nghị việc làm.

9. Tiêu chí 9:

Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về công tác bảo đảm chất lượng, trong đó có hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn trường;

Các đơn vị cần hoạt động quyết liệt hơn về công tác bảo đảm chất lượng và tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng việc thực hiện công tác chuyên môn của đơn vị;

Các đơn vị có kế hoạch đầu tư các nguồn lực cho việc đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn nhằm duy trì, củng cố và phát triển, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giám sát, đánh giá chất lượng.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN được thực hiện theo hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trong giai đoạn hiện nay thực sự có ý nghĩa thiết thực đối với các cơ sở GDNN trong cả nước, đáp ứng mục tiêu GDNN gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của xã hội theo đúng chủ trương, đường lối phát triển GDNN.

Năm 2021, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đã tuân thủ theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN, Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn chi tiết đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; nhà trường tiếp tục tự đánh giá, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động GDNN, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó phát huy những ưu thế của trường và từng bước cải thiện những mặt còn hạn chế; luôn xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự phát triển của nhà trường, là động lực để trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển.

2. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất: Không có đề xuất.

2. Kiến nghị: Không có kiến nghị./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTB-XH (b/c);
- Tổng cục GDNN (b/c);
- UBND Tỉnh (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, Phòng BĐCL_KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Lực

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682/QĐ-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng
Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA
TRANG**

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang, gồm các ông (bà) có tên sau:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ:

- Xây dựng, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí, trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Công thông tin điện tử trường;
- Lưu VT, BDCL - KT.

HIỆU TRƯỞNG

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Lực

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021
(Kèm theo Quyết định số: 682/QĐ-CDKTCN ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ | CHỨC VỤ TRONG HĐ TỰ ĐÁNH GIÁ |
|----|-----------------------|---------------------------------------|------------------------------|
| 1 | Nguyễn Văn Lược | Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |
| 2 | Phan Mai Phương Duyên | Phó Hiệu trưởng | P. CT Hội đồng |
| 3 | Nguyễn Mạnh Hùng | Phó Bí thư Đảng ủy - Phó Hiệu trưởng | Ủy viên Hội đồng |
| 4 | Văn Đình Thanh | Phó Hiệu trưởng - CT Công đoàn | Ủy viên Hội đồng |
| 5 | Phạm Minh Hoàng | PTP, Phụ trách phòng BĐCL - KT | Thư ký Hội đồng |
| 6 | Phan Văn Lại | Trưởng phòng Đào tạo | Ủy viên Hội đồng |
| 7 | Đào Văn Hoa | Trưởng phòng QT - TB và Dự án | Ủy viên Hội đồng |
| 8 | Trần Văn Chiến | Trưởng phòng Công tác HSSV | Ủy viên Hội đồng |
| 9 | Hồ Thị Châu | PTP, Phụ trách phòng KH - TC | Ủy viên Hội đồng |
| 10 | Võ Thành Hoàng Hiếu | PTK, Phụ trách khoa Điện - Điện tử | Ủy viên Hội đồng |
| 11 | Hồ Phước Hoàng | Trưởng khoa Cơ khí | Ủy viên Hội đồng |
| 12 | Đặng Bửu Tùng Thiện | Trưởng khoa CNMT&CNSH | Ủy viên Hội đồng |
| 13 | Trần Thị Thanh Phượng | Phó trưởng khoa DL - TM | Ủy viên Hội đồng |
| 14 | Huỳnh Chí Tuyệt | Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | Ủy viên Hội đồng |
| 15 | Cao Văn Tài | Giám đốc TTĐT lái xe Ô tô - Cơ giới | Ủy viên Hội đồng |
| 16 | Trần Văn Sỹ | Giám đốc TT GDNN Nha Trang | Ủy viên Hội đồng |
| 17 | Mai Văn Hạ | Giám đốc Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất | Ủy viên Hội đồng |
| 18 | Lương Thị Thúy Hằng | PGĐ, Phụ trách TT ĐGKNNQG | Ủy viên Hội đồng |

| TT | HỌ VÀ TÊN | | CHỨC VỤ | CHỨC VỤ TRONG HĐQT ĐÁNH GIÁ |
|-----------|---------------------|------|---|------------------------------------|
| 19 | Nguyễn | Hồng | Giám đốc Công ty TNHH E.T.N.T | Ủy viên Hội đồng |
| 20 | Nguyễn Hữu Thanh | Tùng | Giám đốc Hino Trường Vinh Chi nhánh Khánh Hòa | Ủy viên Hội đồng |
| 21 | Hồ Thị Ngọc | Bích | Trưởng bộ phận nhân sự Khách sạn Comodo Nha Trang Boutique | Ủy viên Hội đồng |

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021

1. Mục tiêu

- Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng;

- Tự đánh giá để xác định mức độ nhà trường đạt tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, qua đó làm cơ sở đăng ký đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, cao đẳng;

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Mục 2 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng;
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng;
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

4. Nhiệm vụ

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng.

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

4.2. Đối với các đơn vị thuộc trường

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng;

- Lấy ý kiến các đơn vị liên quan thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

5. Phân công các tiêu chí, tiêu chuẩn cho các đơn vị

| TT | Đơn vị | Tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện | Phân công thành viên hội đồng: Đôn đốc, kiểm tra, giám sát |
|----|-----------------------------------|---|---|
| 1 | Phòng Đào tạo | 1. Thu thập minh chứng và lập báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 2: Từ tiêu chuẩn 1 (TC1) đến TC7; TC12, TC14, TC15, TC16, TC17; - Tiêu chí 4: Từ TC1 đến TC4, TC6, TC7, TC9, TC15. - Tiêu chí 6: TC5. 2. Tổng hợp phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 2 và tiêu chí 4 từ các đơn vị. 3. Viết báo cáo tiêu chí 2 và tiêu chí 4. <u>Lưu ý:</u> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL. | Phan Văn Lại |
| 2 | Phòng Bảo đảm chất lượng-Khảo thí | 1. Thu thập minh chứng và lập báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 1: TC7, TC8, TC11; - Tiêu chí 2: TC10, TC11; - Tiêu chí 5: Từ TC13 đến TC15; - Tiêu chí 6: Từ TC1 đến TC5; - Tiêu chí 9: Từ TC1 đến TC6. 2. Tổng hợp phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 6 và tiêu chí 9 từ các đơn vị. 3. Viết báo cáo tiêu chí 6 và tiêu chí 9. 4. Viết báo cáo tổng hợp toàn trường. <u>Lưu ý:</u> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số | Phạm Minh Hoàng |

| TT | Đơn vị | Tiêu chí , tiêu chuẩn thực hiện | Phân công thành viên hội đồng: Đôn đốc, kiểm tra, giám sát |
|----|------------------------------------|--|---|
| | | 453/TCGDNN-KĐCL. | |
| 3 | Phòng Tổ chức - Hành chính | <p>1. Thu thập minh chứng và lập báo cáo các tiêu chuẩn của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí 1: Từ TC1 đến TC6; TC9, TC10 và TC12; - Tiêu chí 3: Từ TC1 đến TC5, TC7, TC8, TC9; từ TC10 đến TC15. <p>2. Tổng hợp phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 1 và tiêu chí 3 từ các đơn vị.</p> <p>3. Viết báo cáo tiêu chí 1 và tiêu chí 3.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL.</p> | Nguyễn Văn Lực Văn Đình Thanh |
| 4 | Phòng Quản trị - Thiết bị và Dự án | <p>1. Thu thập minh chứng và lập báo cáo các tiêu chuẩn của Tiêu chí 5: Từ TC1 đến TC12.</p> <p>2. Tổng hợp phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 5 từ các đơn vị.</p> <p>3. Viết báo cáo tiêu chí 5.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL.</p> | Đào Văn Hoa |
| 5 | Phòng Kế hoạch - Tài chính | <p>1. Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của Tiêu chí 7: Từ TC1 đến TC6</p> <p>2. Viết báo cáo tiêu chí 7.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL.</p> | Hồ Thị Châu |
| 6 | Phòng Công tác HSSV | <p>1. Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 8: Từ TC1 đến TC9.</p> <p>2. Viết báo cáo tiêu chí 8.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Thực hiện cho 16 đơn vị thuộc trường theo hướng dẫn của Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL.</p> | Trần Văn Chiến |
| 7 | Khoa Điện-Điện Tử | <p>Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí 2: TC8, TC9, TC13; - Tiêu chí 3: TC6, TC9; - Tiêu chí 4: TC4, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | Võ Thành Hoàng Hiếu |
| 8 | Khoa Du Lịch - Thương Mại | <p>Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chí 2: TC8, TC9, TC13; - Tiêu chí 3: TC6, TC9; | Phan Mai Phương Duyên |

| TT | Đơn vị | Tiêu chí , tiêu chuẩn thực hiện | Phân công thành viên hội đồng: Đôn đốc, kiểm tra, giám sát |
|----|--|---|---|
| | | - Tiêu chí 4: TC4, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | |
| 9 | Khoa Cơ Khí | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 2: TC8, TC9, TC13; - Tiêu chí 3: TC6, TC9; - Tiêu chí 4: TC4, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | Hò Phước Hoàng |
| 10 | Khoa CNSH&CNMT | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 2: TC8, TC9, TC13; - Tiêu chí 3: TC6, TC9; - Tiêu chí 4: TC4, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | Đặng Bửu Tùng Thiện |
| 11 | Khoa Sư phạm dạy nghề | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 2: TC8, TC9; - Tiêu chí 3: TC6; - Tiêu chí 4: TC4, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | Văn Đình Thanh |
| 12 | Khoa Khoa học cơ bản | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 2: TC9; - Tiêu chí 3: TC6; - Tiêu chí 4: TC10. | Phan Mai Phương Duyên |
| 13 | Trung tâm Dịch vụ-Sản xuất | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 1: TC3, TC5; - Tiêu chí 2: TC1, TC2, TC3, TC5, TC6, TC9, TC14; - Tiêu chí 3: TC3, TC4, TC6, TC13; - Tiêu chí 4: TC1, TC10, TC14, TC15; - Tiêu chí 7: TC1, TC2, TC3, TC4, TC5; - Tiêu chí 8: TC1, TC4; - Tiêu chí 9: TC3, TC4. | Mai Văn Hạ |
| 14 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 1: TC3, TC5; - Tiêu chí 2: TC1, TC2, TC3, TC5, TC6, TC9, TC14; - Tiêu chí 3: TC3, TC4, TC6, TC13; - Tiêu chí 4: TC1, TC10, TC14, TC15; - Tiêu chí 5: TC2, TC3, TC4, TC6, TC8, TC11, TC12; | Trần Văn Sỹ |

| TT | Đơn vị | Tiêu chí , tiêu chuẩn thực hiện | Phân công thành viên hội đồng: Đôn đốc, kiểm tra, giám sát |
|----|--|---|---|
| | | - Tiêu chí 7: TC1, TC2, TC3, TC4, TC5; - Tiêu chí 8: TC1, TC4; - Tiêu chí 9: TC3, TC4. | |
| 15 | Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô - Cơ giới | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 1: TC3, TC5; - Tiêu chí 2: TC1, TC2, TC3, TC5, TC6, TC9, TC14; - Tiêu chí 3: TC3, TC4, TC6, TC13; - Tiêu chí 4: TC1, TC10, TC14, TC15; - Tiêu chí 5: TC2, TC3, TC4, TC6, TC8, TC11, TC12; - Tiêu chí 7: TC1, TC2, TC3, TC4, TC5; - Tiêu chí 8: TC1, TC4; - Tiêu chí 9: TC3, TC4. | Cao Văn Tài |
| 16 | Trung tâm đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của: - Tiêu chí 1: TC3, TC5; - Tiêu chí 2: TC1, TC2, TC3, TC5, TC6, TC9, TC14; - Tiêu chí 4: TC1, TC10, TC14, TC15; - Tiêu chí 7: TC1, TC2, TC3, TC4, TC5; - Tiêu chí 8: TC1, TC4; - Tiêu chí 9: TC3, TC4. | Lương Thị Thúy Hằng |
| 17 | Các tổ chức đoàn thể | Lập phiếu báo cáo các tiêu chuẩn của tiêu chí 1: TC 9, TC 10. | Nguyễn Mạnh Hùng |

(Phụ lục tổng hợp tiêu chí, tiêu chuẩn theo từng đơn vị; Nội dung và hướng dẫn tự đánh giá chi tiết kèm theo kế hoạch này).

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí (BĐCL - KT)

Phòng BĐCL-KT là đơn vị chủ trì thực hiện:

- Tham mưu cho Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Lập kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chung nhà trường;
- Tổng hợp phiếu báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tiêu chí của các đơn vị; viết dự thảo báo cáo tự đánh giá của trường;
- Lấy ý kiến các đơn vị của trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng;
- Tổ chức họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng để thông qua báo cáo;

- Lập báo cáo gửi các cơ quan có thẩm quyền.

6.2. Các đơn vị

- Lập kế hoạch phân công các thành viên trong đơn vị thực hiện tự đánh giá chất lượng theo tiến độ chung của nhà trường trình Hiệu trưởng phê duyệt;
- Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan;
- Lập phiếu báo cáo tiêu chuẩn, viết báo cáo tiêu chí theo phân công;
- Tổ chức lưu trữ thông tin, minh chứng;
- Gửi phiếu báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tiêu chí về P. BĐCL - KT đúng tiến độ.

7. Tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện và hoàn thành công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang dự kiến là:

| Thời gian | Nội dung công việc | Đơn vị/cá nhân thực hiện |
|------------------|---|---|
| | Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng | |
| 10/5÷11/5/2021 | - Đề xuất danh sách Hội đồng tự đánh giá chất lượng theo quy định; - Trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. | Phạm Minh Hoàng |
| | Thực hiện tự đánh giá chất lượng | |
| 10/5÷11/5/2021 | - Lập kế hoạch phân công nội dung tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị; - Chuẩn bị đầy đủ và gửi các biểu mẫu đánh giá tiêu chí, tiêu chuẩn đến các đơn vị. | Phạm Minh Hoàng |
| 12/5÷29/5/2021 | - Các đơn vị lập kế hoạch, phân công các thành viên tự đánh giá; - Chuẩn bị nội dung tập huấn. - Họp Hội đồng lần 1 | - Trưởng các đơn vị; - Phạm Minh Hoàng; - HĐ tự đánh giá. |
| 01/6/2021 | Các đơn vị gửi kế hoạch về phòng BĐCL-KT để trình Hiệu trưởng phê duyệt. | - Trưởng các đơn vị; - Nguyễn Thị Anh Thư. |
| 02/6÷09/6/2021 | Tổ chức tập huấn về công tác bảo đảm | Phạm Minh Hoàng |

| Thời gian | Nội dung công việc | Đơn vị/cá nhân thực hiện |
|--------------------|---|---|
| | chất lượng. | |
| 10/6÷10/7/2021 | Các đơn vị thực hiện theo kế hoạch; Tổ chức thu thập, phân tích thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được. | Trưởng các đơn vị |
| 10/7 ÷ 21/8/2021 | - Lập phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn; - Nhà trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị theo thời gian quy định. | - Trưởng các đơn vị; - HĐ tự đánh giá. |
| 23/8/2021 | Các đơn vị gửi phiếu báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn về cho phòng BDCL-KT. | Trưởng các đơn vị |
| 24/8÷11/9/2021 | - Tổng hợp phiếu báo cáo từ các đơn vị; - Viết dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định. | Phạm Minh Hoàng |
| 13/9÷22/9/2021 | - Gửi dự thảo báo cáo lấy ý kiến các đơn vị; - Hoàn thiện dự thảo và gửi Hội đồng tự đánh giá. | Phạm Minh Hoàng |
| | Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng | |
| 23/9÷30/9/2021 | - Họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng lần 2; - Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng; - Hội đồng trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng. | HĐ Tự đánh giá |
| | Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền | |
| 01/10÷09/10/2021 | Lập báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định | Phạm Minh Hoàng |
| 11/10 ÷ 15/10/2021 | - Họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng lần 3 mở rộng; - Hiệu trưởng công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng; | - HĐ tự đánh giá; - Trưởng các đơn vị; - Đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể. |
| 30/10/2021 | - Gửi báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Cục Kiểm định chất lượng giáo dục | - Phạm Minh Hoàng; - Nguyễn Thị Anh |

| Thời gian | Nội dung công việc | Đơn vị/cá nhân thực hiện |
|------------------|--|---------------------------------|
| | nghề nghiệp); - Gửi báo cáo về Sở Lao động-Thương binh & Xã hội tỉnh Khánh Hòa. | Thư; - Trần Châu Vân. |

8. Kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện

| TT | Đơn vị được kiểm tra | Nội dung kiểm tra | Bộ phận kiểm tra | Thời gian |
|-----------|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|---|
| 1 | Phòng Đào tạo | Các tiêu chí, tiêu chuẩn phân công | Hội đồng tự đánh giá chất lượng | - Lần 1: Sáng 12/7/2021 - Lần 2: Sáng 06/9/2021 |
| 2 | Phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí | “ | “ | - Lần 1: Sáng 12/7/2021 - Lần 2: Chiều 06/9/2021 |
| 3 | Phòng Tổ chức - Hành chính | “ | “ | - Lần 1: Chiều 12/7/2021 - Lần 2: Sáng 07/9/2021 |
| 4 | Phòng Quản trị - Thiết bị và Dự án | “ | “ | - Lần 1: Chiều 12/7/2021 - Lần 2: Chiều: 07/9/2021 |
| 5 | Phòng Kế hoạch - Tài chính | “ | “ | - Lần 1: Sáng 13/7/2021 - Lần 2: Sáng 08/9/2021 |
| 6 | Phòng Công tác HSSV | “ | “ | - Lần 1: Chiều 13/7/2021 - Lần 2: Chiều 08/9/2021 |
| 7 | Khoa Điện-Điện Tử | “ | “ | - Lần 1: Sáng 13/7/2021 - Lần 2: Sáng 09/9/2021 |
| 8 | Khoa Du Lịch - Thương Mại | “ | “ | - Lần 1: Sáng 12/7/2021 - Lần 2: Chiều 09/9/2021 |
| 9 | Khoa Cơ Khí | “ | “ | - Lần 1: Chiều 13/7/2021 - Lần 2: Sáng 10/9/2021 |
| 10 | Khoa CNSH & CNMT | “ | “ | - Lần 1: Chiều 12/7/2021 - Lần 2: Chiều 10/9/2021 |
| 11 | Khoa Sư phạm dạy nghề | “ | “ | 14/7/2021 |
| 12 | Khoa Khoa học cơ bản | “ | “ | 14/7/2021 |

| TT | Đơn vị được kiểm tra | Nội dung kiểm tra | Bộ phận kiểm tra | Thời gian |
|-----------|--|------------------------------------|---------------------------------|--|
| 13 | Các tổ chức đoàn thể | “ | “ | 14/7/2021 |
| 14 | Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất | “ | ” | - Lần 1: Sáng 15/7/2021 - Lần 2: Sáng 13/9/2021 |
| 15 | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang | “ | “ | - Lần 1: Chiều 15/7/2021 - Lần 2: Chiều 13/9/2021 |
| 16 | Trung tâm Đào tạo lái xe ô tô - Cơ giới | “ | “ | - Lần 1: Sáng 16/7/2021 - Lần 2: Sáng 14/9/2021 |
| 17 | Trung tâm đánh giá Kỹ năng nghề quốc gia | Các tiêu chí, tiêu chuẩn phân công | Hội đồng tự đánh giá chất lượng | - Lần 1: Chiều 16/7/2021 - Lần 2: Chiều 14/9/2021 |

9. Kinh phí hỗ trợ thực hiện tự đánh giá chất lượng

Kinh phí hỗ trợ thực hiện tự đánh giá chất lượng (tự kiểm định) theo quy định của nhà trường.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên của nhà trường trong năm 2021, là tiêu chí quan trọng để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Yêu cầu tất cả các đơn vị trực thuộc trường phải tổ chức thực hiện nghiêm túc, đảm bảo đúng kế hoạch, tiến độ đề ra./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Công thông tin điện tử của trường;
- Lưu: VT, BĐCL-KT.

HIỆU TRƯỞNG

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Lực

Tổng hợp tiêu chí, tiêu chuẩn theo các đơn vị thực hiện
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 683/KH-CDKTCN ngày 11 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| TT | Tiêu chí, Tiêu chuẩn (TC) | Đơn vị thực hiện | Thành viên Hội đồng phụ trách |
|------------|--|----------------------|----------------------------------|
| I | Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC6; TC9, TC10 và TC12. | P. TC-HC | Nguyễn Văn Lực |
| 2 | TC7, TC8, TC11. | P. BĐCL-KT | Phan Mai Phương Duyên |
| 3 | TC9*, TC10*. | Các tổ chức đoàn thể | Nguyễn Mạnh Hùng |
| II | Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC7; TC12, TC14, TC15, TC16, TC17. | P. Đào tạo | Phan Văn Lại |
| 2 | TC8, TC9, TC13. | Các khoa | |
| 3 | TC10, TC11. | P. BĐCL-KT | |
| III | Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC5; Từ TC7 đến TC15. | P. TC-HC | Văn Đình Thanh |
| 2 | TC6, TC9* | Các khoa | |
| IV | Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC4; TC6, TC7, TC9, TC15. | P. Đào tạo | Phan Văn Lại |
| 2 | TC4*, TC5, TC8; từ TC10 đến TC14. | Các khoa | |
| V | Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC12 | P. QT-TB và Dự án | Đào Văn Hoa |
| 2 | Từ TC13 đến TC15 | P. BĐCL-KT | |
| VI | Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế | | |
| 1 | Từ TC1 đến TC5 | P. BĐCL-KT | Luu Đức Tuyên |
| 2 | TC5 | P. Đào tạo | |
| VII | Tiêu chí 7: Quản lý tài chính | | |

| TT | Tiêu chí, Tiêu chuẩn (TC) | Đơn vị thực hiện | Thành viên Hội đồng phụ trách |
|-------------|--|-------------------------|--|
| | Từ TC1 đến TC6 | P. KH-TC | Hồ Thị Châu |
| VIII | Tiêu chí 8: Dịch vụ người học | | |
| | Từ TC1 đến TC9. | P. Công tác HSSV | Trần Văn Chiến |
| IX | Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng | | |
| | Từ TC1 đến TC6 | P. BĐCL-KT | Phạm Minh Hoàng |

Ghi chú:

- TCn: Tiêu chuẩn n;
- TCn*: là một phần nội dung có liên quan đến TCn mà đơn vị được phân công thực hiện.

PHỤ LỤC 3

BẢNG MÃ MINH CHỨNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2021

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 1 | 1 | 1 | 1.1.01 | | Đề án thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang theo công văn 221/UBND ngày 15/01/2007 của UBND tỉnh Khánh Hòa |
| 2 | | | 1.1.02 | | Quyết định số 192/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/1/2007 của Bộ LĐTB-XH về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang |
| 3 | | | 1.1.03 | | Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 08/10/2010 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang |
| 4 | | | 1.1.04 | | Tờ trình số 443/TTr-CDN ngày 20/05/2016 về việc phê duyệt Điều lệ Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang |
| 5 | | | 1.1.05 | | Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 28 tháng 06 năm 2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ của Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang. |
| 6 | | | 1.1.06 | | Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 7 | | | 1.1.07 | | Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 4/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 8 | | | 1.1.08 | | Quyết định số 770/QĐ-CĐKTCN ngày 08/6/2018 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang). |
| 9 | | | 1.1.09 | | Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 10 | | | 1.1.10 | | Báo cáo kết quả thu thập ý kiến về việc thực hiện mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang đối với cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động và người học năm 2021 |
| 11 | | | 1.1.11 | | Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020 |
| 12 | | | 1.1.12 | | Quyết định số 2001/QĐ-CĐKTCN ngày 9/12/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 |
| 13 | | | 1.1.13 | | Các Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021 |
| 14 | | | 1.1.14 | | Các ấn phẩm giới thiệu về Trường, nội dung thông tin trên đài truyền hình |
| 15 | 1 | 2 | 1.2.01 | | Hồ sơ đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường |
| 16 | | | 1.2.02 | | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 17 | | | 1.2.03 | | Báo cáo số 100/BC-SLĐTBXH ngày 18/12/2020 của Trung tâm dịch vụ việc làm Khánh Hòa về thị trường lao động Quý IV và dự báo nhu cầu nhân lực quý I năm 2021 |
| 18 | | | 1.2.04 | | Báo cáo số 54/BC-DVVVKH ngày 06/07/2021 của Trung tâm dịch vụ việc làm Khánh Hòa về thị trường lao động Quý II và dự báo nhu cầu nhân lực quý III năm 2021 |
| 19 | | | | 1.1.13 | Các Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2021 |
| 20 | 1 | 3 | | 1.1.02 | Quyết định số 192/QĐ- BLĐTBXH ngày 31/1/2007 về việc thành lập trường Cao đẳng nghề Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 21 | | | | 1.1.06 | Quyết định số 1469/QĐ-LĐTĐ ngày 15/9/2017 của Bộ LĐTB-XH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 22 | | | | 1.1.07 | Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 23 | | | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 24 | | | 1.3.01 | | Quyết định thành lập các đơn vị trong trường |
| 25 | | | 1.3.02 | | Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 26 | | | 1.3.03 | | Quy chế tổ chức hoạt động các đơn vị trực thuộc trường |
| 27 | | | 1.3.04 | | Các Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý |
| 28 | | | 1.3.05 | | Quyết định về việc ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động của trường Cao đẳng nghề Nha Trang |
| 29 | | | 1.3.06 | | Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 30 | 1 | 4 | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ-CDKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 31 | | | 1.4.01 | | Quy định về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ của trường Cao đẳng KTCN Nha Trang |
| 32 | | | 1.4.02 | | Kế hoạch số 380/KH-CĐKTCN ngày 31/3/2021 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác BĐCL năm 2020 |
| 33 | | | 1.4.03 | | Các biên bản họp Hội đồng trường |
| 34 | | | 1.4.04 | | Các nghị quyết của Đảng bộ Nhà trường |
| 35 | | | 1.4.05 | | Các báo cáo tổng kết và phương hướng của Trường hàng năm |
| 36 | 1 | 5 | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ- CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 37 | | | | 1.3.03 | Quy chế hoạt động các đơn vị |
| 38 | | | | 1.2.02 | Các Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 262/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 20/7/2017; số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021; số 80a/2021/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 24/9/2021 |
| 39 | | | 1.5.01 | | Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị |
| 40 | | | 1.5.02 | | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 |
| 41 | 1 | 6 | 1.6.01 | | Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 10/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Hội đồng trường CDN Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 42 | | | 1.6.02 | | Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thay thế thành viên Hội đồng trường CDN Nha Trang |
| 43 | | | 1.6.03 | | Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thay thế thành viên Hội đồng trường trường CDN Nha Trang |
| 44 | | | 1.6.04 | | Quyết định 3975/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Hội đồng trường Trường CDN Nha Trang |
| 45 | | | | 1.1.07 | Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 46 | | | 1.6.05 | | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của Hội đồng trường Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 47 | | | 1.6.06 | | Quyết định số 420/QĐ-CĐKTCN ngày 05/4/2021 về việc thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 48 | | | 1.6.07 | | Quyết định số 682/QĐ-CĐKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 49 | | | 1.6.08 | | Các quyết định thành lập Hội đồng Khoa |
| 50 | | | | 1.5.01 | Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị |
| 51 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 |
| 52 | | | 1.6.09 | | Quyết định số 1287/QĐ-CĐKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021; Quyết định số 1352/QĐ-CĐKTCN ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020 – 2021 |
| 53 | | | 1.6.10 | | Quyết định số 1288/QĐ-CĐKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 54 | | | 1.6.11 | | Quyết định của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc khen thưởng các tập thể, cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2020-2021 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 55 | 1 | 7 | 1.7.01 | | Quyết định số 942/QĐ-CĐN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí |
| 56 | | | 1.7.02 | | Quyết định số 172/QĐ-CĐN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT |
| 57 | | | 1.7.03 | | Quyết định số 1016/QĐ-CĐKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng ĐBCL-KT |
| 58 | | | 1.7.04 | | Quyết định số 154/QĐ-CĐKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT |
| 59 | | | 1.7.05 | | Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc ban hành 58 quy trình/công cụ bảo đảm chất lượng |
| 60 | | | 1.7.06 | | Báo cáo số 15/BC-CĐKTCN ngày 06/01/2021 của Hiệu trưởng về việc Báo cáo hệ thống ĐBCL năm 2020 |
| 61 | | | 1.7.07 | | Thông báo số 243/TB-CĐKTCN ngày 08/03/2021 của Hiệu trưởng về việc Thông báo những tồn tại công tác ĐBCL năm 2020 |
| 62 | | | | 1.4.02 | Kế hoạch số 380/KH-CĐKTCN ngày 31/3/2021 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác ĐBCL năm 2020 |
| 63 | | | 1.7.08 | | Kế hoạch số 945 /KH-CĐKTCN ngày 18/6/2021 của Hiệu trưởng về việc xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 64 | | | 1.7.09 | | Quyết định số 2176/QĐ-CĐKTCN ngày 21/12/2020 của Hiệu trưởng ban hành chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 65 | | | 1.7.10 | | Mục tiêu chất lượng cấp khoa và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng |
| 66 | | | 1.7.11 | | Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng năm 2020 |
| 67 | | | | 1.6.07 | Quyết định số 682/QĐ-CDKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 68 | | | 1.7.12 | | Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021 |
| 69 | | | 1.7.13 | | Kế hoạch số 665/KH-CDKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021 |
| 70 | | | 1.7.14 | | Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021 |
| 71 | | | | 1.5.01 | Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị |
| 72 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 |
| 73 | | | 1.7.15 | | Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí |
| 74 | | | 1.7.16 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường |
| 75 | | | | 1.7.01 | Quyết định số 942/QĐ-CDN ngày 30/12/2011 của Hiệu trưởng về việc thành lập phòng Đảm bảo chất lượng - Khảo thí |
| 76 | | | | 1.7.02 | Quyết định số 172/QĐ-CDN ngày 10 tháng 3 năm 2012 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng ĐBCL-KT |
| 77 | | | | 1.7.03 | Quyết định số 1016/QĐ-CDKTCN ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng về việc thành lập |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | phòng BĐCL-KT |
| 78 | | | | 1.7.04 | Quyết định số 154/QĐ-CĐKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của phòng BĐCL-KT |
| 79 | | | | 1.7.14 | Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021 |
| 80 | | | | 1.5.01 | Báo cáo tổng kết và phương hướng của các đơn vị |
| 81 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 |
| 82 | | | 1.8.01 | | Quyết định số 1287/QĐ-CĐKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 |
| 83 | | | | 1.6.09 | Quyết định về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020-2021 |
| 84 | | | | 1.6.10 | Quyết định về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021 |
| 85 | 1 | 9 | 1.9.01 | | Quyết định thành lập Đảng bộ trường |
| 86 | | | 1.9.02 | | Nghị quyết Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 87 | | | 1.9.03 | | Quyết định thành lập các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 88 | | | 1.9.04 | | Thông báo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng năm 2020 |
| 89 | | | 1.9.05 | | Quyết định khen thưởng tổ chức cơ sở đảng năm 2020 |
| 90 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 |
| 91 | | | 1.9.06 | | Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 của Đảng bộ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 92 | 1 | 10 | 1.10.01 | | Quyết định số 18/QĐ-VC ngày 02/8/2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành, Chủ tịch, Phó chủ tịch, Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Công đoàn cơ sở Trường Cao đẳng nghề Nha Trang nhiệm kỳ 2017–2022 |
| 93 | | | 1.10.02 | | Quyết định số 47/QĐ-VC ngày 04/10/2017 của Ban Thường vụ Công đoàn Viên chức tỉnh Khánh Hòa về việc đổi tên Công đoàn cơ sở |
| 94 | | | 1.10.03 | | Kế hoạch hoạt động của Ban chấp hành Công đoàn trường năm học 2020-2021 |
| 95 | | | 1.10.04 | | Quyết định ban hành quy chế hoạt động Ban chấp hành công đoàn trường nhiệm kỳ 2017–2022 |
| 96 | | | 1.10.05 | | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của Ban chấp hành Công đoàn trường |
| 97 | | | 1.10.06 | | Thông báo đánh giá xếp loại Ban chấp hành Công đoàn trường năm 2020 |
| 98 | | | 1.10.07 | | Các hình thức khen thưởng Ban chấp hành Công đoàn trường năm 2020 |
| 99 | | | 1.10.08 | | Quyết định thành lập Ban chấp hành Đoàn trường |
| 100 | | | 1.10.09 | | Chương trình Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2020-2021 |
| 101 | | | 1.10.10 | | Báo cáo Kết quả hoạt động công tác Đoàn và phong trào Thanh niên năm học 2020-2021 |
| 102 | | | 1.10.11 | | Thông báo đánh giá xếp loại Đoàn thanh niên trường năm 2020 |
| 103 | | | 1.10.12 | | Các hình thức khen thưởng Đoàn thanh niên trường năm 2020 |
| 104 | | | 1.10.13 | | Kế hoạch hoạt động của Ban nữ công nhà trường năm học 2020-2021 |
| 105 | | | 1.10.14 | | Báo cáo Kết quả hoạt động của Ban nữ công nhà trường năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 106 | 1 | 11 | 1.11.01 | | Quyết định số 1594/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường |
| 107 | | | 1.11.02 | | Quyết định số 1595/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021; Quyết định Kiện toàn Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020- 2021 |
| 108 | | | 1.11.03 | | Kế hoạch số 1596 /KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021 |
| 109 | | | 1.11.04 | | Thông báo số 542/TB-CĐKTCN ngày 23/4/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Thông báo về việc kiểm tra, giám sát hoạt động thi của các đơn vị năm học 2020 - 2021 |
| 110 | | | 1.11.05 | | Kế hoạch số 241/KH-CĐKTCN ngày 8/03/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1222/KH-CĐKTCN ngày 13/9/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ II năm học 2020-2021; Thông báo số 1415/TB-CĐKTCN ngày 8/10/2021 về việc kiểm tra Quy chế chuyên môn học kỳ II, năm học 2020- 2021 |
| 111 | | | 1.11.06 | | Kế hoạch số 1597/KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021 |
| 112 | | | 1.11.07 | | Kế hoạch số 1161/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ, nhận xét và đánh giá giờ giảng của giảng viên/giáo viên năm học 2020- 2021; Thông báo số 1612/TB – CĐKTCN ngày 20/10/2020 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 10, 11 năm học 2020 – 2021. Thông báo số 334/TB-CĐKTCN ngày 24/3/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 4,5 năm học 2020-2021; Thông báo số 1612/TB-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 1, 11 năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 113 | | | 1.11.08 | | Thông báo số 2000/TB-CĐKTCN ngày 9/12/2020 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ I năm học 2020-2021; Thông báo số 1065/TB-CĐKTCN ngày 12/7/2021 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ II năm học 2020-2021 |
| 114 | | | 1.11.09 | | Kế hoạch số 1569/KH-CĐKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra HSSV thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021 |
| 115 | | | 1.11.10 | | Kế hoạch số 339/KH-CĐKTCN ngày 24/3/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nhà giáo thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021 |
| 116 | | | 1.11.11 | | Các biên bản kiểm tra của các đơn vị chức năng |
| 117 | | | 1.11.12 | | Các Báo cáo công tác tháng của trường |
| 118 | | | 1.11.13 | | Các báo cáo kết quả kiểm tra của các đơn vị chức năng |
| 119 | | | 1.11.14 | | Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra |
| 120 | | | | 1.7.15 | Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí |
| 121 | | | | 1.7.16 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường |
| 122 | 1 | 12 | 1.12.01 | | Quyết định số 143/QĐ-CĐKTCN ngày 03/02/2021 ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 123 | | | 1.12.02 | | Quyết định số 751/QĐ-CĐKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 124 | | | 1.12.03 | | Báo cáo tài chính, sổ sách liên quan đến những cá nhân được hưởng chính sách ưu đãi |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 125 | | | 1.12.04 | | Dự toán các khoản khi cho HSSV được hưởng chính sách ưu đãi |
| 126 | | | 1.12.05 | | Quyết định số 1894/QĐ-CĐKTCN ngày 08/12/2020 về việc miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2020-2021 |
| 127 | | | 1.12.06 | | Quyết định số 140/QĐ-CĐKTCN ngày 03/2/2021 về việc miễn giảm học phí học kỳ II đợt 1 năm học 2020 - 2021 |
| 128 | | | 1.12.07 | | Các Quyết định khen thưởng cuối khóa HSSV hệ trung cấp, cao đẳng |
| 129 | | | 1.12.08 | | Hướng dẫn số 706/HD-CĐKTCN ngày 15/05/2020 về việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng, thực hiện chính sách bình đẳng giới tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 130 | 2 | 1 | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 131 | | | 2.1.01 | | Danh sách chương trình đào tạo của trường |
| 132 | | | 2.1.02 | | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo |
| 133 | | | 2.1.03 | | Website trường http://cdkctcnnt.edu.vn có công bố thông tin chuẩn đầu ra của các nghề đào tạo |
| 134 | 2 | 2 | 2.2.01 | | Quy chế tuyển sinh trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng số 149/QĐ-CĐKTCN ngày 14/02/2021 |
| 135 | | | 2.2.02 | | Thông báo số 2200/CĐKTCN-ĐT ngày 24/12/2020 về việc đề nghị giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 |
| 136 | | | 2.2.03 | | Kế hoạch số 107/KH-CĐKTCN ngày 25/01/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 137 | | | 2.2.04 | | Quyết định số 108/QĐ-CĐKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 138 | | | 2.2.05 | | Quyết định số 342/QĐ-CĐKTCN ngày 25/3/2021 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 139 | | | 2.2.06 | | Quyết định số 109/QĐ-CĐKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 140 | | | 2.2.07 | | Đề án số 281/ĐA-CĐKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 141 | | | 2.2.08 | | Quyết định số 992/QĐ-CĐKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 142 | | | 2.2.09 | | Công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Cao đẳng 9+; hệ trung cấp đợt 1 năm học 2021-2022 số 1094/QĐ-CĐKTCN ngày 21/7/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang |
| 143 | 2 | 3 | | 2.2.04 | Quyết định số 108/QĐ-CĐKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 144 | | | | 2.2.05 | Quyết định số 342/QĐ-CĐKTCN ngày 25/3/2021 về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 145 | | | | 2.2.06 | Quyết định số 109/QĐ-CĐKTCN ngày 25/01/2021 về việc thành lập Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 146 | | | | 2.2.07 | Đề án số 281/ĐA-CĐKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 147 | | | | 2.2.08 | Quyết định số 992/QĐ-CĐKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 148 | | | 2.3.01 | | Hồ sơ tuyển sinh |
| 149 | | | 2.3.02 | | Các Biên bản họp xét tuyển, Danh sách xét tuyển |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 150 | | | 2.3.03 | | Các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển |
| 151 | | | | 2.2.08 | Quyết định số 992/QĐ-CĐKTCN ngày 29/6/2021 của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về việc thành lập Ban kiểm tra tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 152 | | | 2.3.04 | | Biên bản kiểm tra công tác tuyển sinh |
| 153 | | | 2.3.05 | | Quyết định thành lập lớp và danh sách HSSV các lớp |
| 154 | 2 | 4 | 2.4.01 | | Quyết định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng |
| 155 | | | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 156 | | | 2.4.02 | | Các Quyết định công nhận tốt nghiệp các lớp liên thông |
| 157 | | | 2.4.03 | | Thông báo số 102/TB-ĐHSPKT ngày 27/3/2019 của Hiệu trưởng về tuyển sinh liên kết |
| 158 | | | 2.4.04 | | Quyết định số 1413/QĐ-ĐHSPKT ngày 02/8/2019 công nhận sinh viên trúng tuyển nhập học hệ ĐH hình thức |
| 159 | | | 2.4.05 | | Các quyết định thành lập 2 lớp đào tạo theo Bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức |
| 160 | | | 2.4.06 | | Quyết định số 1855/QĐ-CĐKTCN ngày 18/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng (Liên thông từ trình độ trung cấp) theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ |
| 161 | | | 2.4.07 | | Thông báo tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 162 | 2 | 5 | | 2.1.02 | Danh sách chương trình đào tạo của trường |
| 163 | | | 2.5.01 | | Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 164 | | | 2.5.02 | | Tiến độ đào tạo cho từng học kỳ, năm học 2020-2021 |
| 165 | | | 2.5.03 | | Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021 |
| 166 | | | 2.5.04 | | Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, II năm học 2020 - 2021 |
| 167 | | | 2.5.05 | | Tiến độ đào tạo Hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2020-2021 |
| 168 | | | 2.5.06 | | Thời khóa biểu cho từng học kỳ, năm học 2020 - 2021 |
| 169 | 2 | 6 | | 2.5.05 | Tiến độ đào tạo Hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2020-2021 |
| 170 | | | | 2.5.03 | Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021 |
| 171 | | | 2.6.01 | | Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2020-2021 |
| 172 | | | 2.6.02 | | Các Báo cáo công tác kiểm tra công tác đào tạo năm học 2020-2021 |
| 173 | 2 | 7 | 2.7.01 | | Phiếu khảo sát việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo |
| 174 | | | 2.7.02 | | Báo cáo kết quả khảo sát về việc thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo |
| 175 | | | 2.7.03 | | Bản thỏa thuận về việc hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các doanh nghiệp |
| 176 | | | 2.7.04 | | Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập năm học 2020-2021 |
| 177 | | | 2.7.05 | | Danh sách người học đã thực hành, thực tập |
| 178 | | | 2.7.06 | | Báo cáo kết quả thực tập năm học 2020-2021 |
| 179 | | | | 2.5.03 | Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021 |
| 180 | | | | 2.6.01 | Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 181 | | | 2.8.01 | | Biên bản họp tổ chuyên môn năm học 2020 - 2021 |
| 182 | | | 2.8.02 | | Lịch trình giảng dạy năm học 2020-2021 |
| 183 | | | 2.8.03 | | Phiếu khảo sát về phương thức đào tạo |
| 184 | | | 2.8.04 | | Bảng tổng hợp phiếu khảo sát về phương thức đào tạo |
| 185 | 2 | 9 | 2.9.01 | | Danh sách các môn học mô đun có phần mềm giảng dạy |
| 186 | | | 2.9.02 | | Quyết định ứng dụng phần mềm trong quản lý đào tạo |
| 187 | | | 2.9.03 | | Danh sách các môn học mô đun có bài giảng điện tử |
| 188 | | | 2.9.04 | | Thống kê các phương tiện hỗ trợ dạy học |
| 189 | | | | 2.6.01 | Giáo án của các giáo viên năm học 2020-2021 |
| 190 | | | 2.9.05 | | Sổ quản lý tài sản |
| 191 | | | 2.9.06 | | Danh sách các bài giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng |
| 192 | | | 2.9.07 | | Bảng kê giờ giảng trực tuyến, đào tạo qua mạng |
| 193 | 2 | 10 | 2.10.01 | | Quyết định số 589/QĐ-CĐKTCN ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng ban hành Quy định công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học |
| 194 | | | | 1.11.03 | Kế hoạch số 1596 /KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021 |
| 195 | | | | 1.7.14 | Kế hoạch công tác của phòng BDCL-KT năm học 2020-2021 |
| 196 | | | | 1.11.05 | Kế hoạch số 241/KH-CĐKTCN ngày 8/03/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ I năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1222/KH-CĐKTCN ngày 13/9/2021 về việc kiểm tra quy chế chuyên môn học kỳ II năm học 2020-2021; Thông báo số 1415/TB-CĐKTCN ngày 8/10/2021 về việc kiểm tra Quy chế chuyên môn học kỳ II, năm học |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | 2020- 2021 |
| 197 | | | | 1.11.06 | Kế hoạch số 1597/KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021 |
| 198 | | | | 1.11.07 | Kế hoạch số 1161/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ, nhận xét và đánh giá giờ giảng của giảng viên/giáo viên năm học 2020- 2021; Thông báo số 1612/TB – CĐKTCN ngày 20/10/2020 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 10, 11 năm học 2020 – 2021. Thông báo số 334/TB-CĐKTCN ngày 24/3/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 4,5 năm học 2020-2021; Thông báo số 1612/TB-CĐKTCN ngày 20/10/2021 về việc dự giờ thường xuyên, dự giờ đột xuất đối với nhà giáo tham gia giảng dạy tại trường tháng 1, 11 năm học 2020-2021 |
| 199 | | | | 1.11.08 | Thông báo số 2000/TB-CĐKTCN ngày 9/12/2020 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ I năm học 2020-2021; Thông báo số 1065/TB-CĐKTCN ngày 12/7/2021 về việc kiểm tra hồ sơ công tác chủ nhiệm học kỳ II năm học 2020-2021 |
| 200 | | | | 1.11.09 | Kế hoạch số 1569/KH-CĐKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra HSSV thực tập tốt nghiệp tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021 |
| 201 | | | | 1.11.10 | Kế hoạch số 339/KH-CĐKTCN ngày 24/3/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch kiểm tra nhà giáo thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2020-2021 |
| 202 | | | | 1.11.11 | Các biên bản kiểm tra của các đơn vị chức năng |
| 203 | | | | 1.11.12 | Các Báo cáo công tác tháng của trường |
| 204 | | | | 1.11.13 | Các báo cáo kết quả kiểm tra của các đơn vị chức năng |
| 205 | | | | 1.11.14 | Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra |
| 206 | 2 | 11 | | 1.11.12 | Các Báo cáo công tác tháng của trường |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 207 | | | | 1.11.13 | Các báo cáo kết quả kiểm tra của các đơn vị chức năng |
| 208 | | | | 1.11.14 | Các Thông báo kết quả kiểm tra của đoàn kiểm tra |
| 209 | | | | 1.7.15 | Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí |
| 210 | | | | 1.7.16 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động bảo đảm chất lượng khảo thí |
| 211 | 2 | 12 | 2.12.01 | | Quyết định số 84/QĐ-CĐKTCN ngày 21/01/2019 về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp |
| 212 | | | 2.12.02 | | Quyết định số 1854/QĐ-CĐKTCN ngày 22/11/2019 về việc ban hành Quy định in, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp, Chứng chỉ Sơ cấp, Chứng chỉ đào tạo |
| 213 | 2 | 13 | 2.13.01 | | Quyết định thành lập ban coi thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 12 |
| 214 | | | 2.13.02 | | Quyết định thành lập ban chấm thi tốt nghiệp cao đẳng khóa 12 |
| 215 | | | 2.13.03 | | Danh sách doanh nghiệp tham gia giảng dạy năm học 2020-2021 |
| 216 | 2 | 14 | 2.14.01 | | Bảng tổng hợp kết quả học tập toàn khóa của các lớp cao đẳng, trung cấp |
| 217 | | | 2.14.02 | | Biên bản họp xét đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp |
| 218 | | | 2.14.03 | | Danh sách học sinh, sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp |
| 219 | | | 2.14.04 | | Các Quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp, Danh sách cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi |
| 220 | | | 2.14.05 | | Biên bản họp công nhận danh sách đạt tốt nghiệp, không đạt tốt nghiệp |
| 221 | | | 2.14.06 | | Quyết định công nhận tốt nghiệp, không đạt tốt nghiệp |
| 222 | 2 | 15 | | 1.11.02 | Quyết định số 1595/QĐ-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng về việc thành lập |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021; Quyết định Kiện toàn Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020- 2021 |
| 223 | | | | 1.11.03 | Kế hoạch số 1596 /KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020 - 2021 |
| 224 | | | 2.15.01 | | Kế hoạch của Hiệu trưởng Trường CĐKTCN Nha Trang về kiểm tra giám việc thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2020-2021 |
| 225 | | | 2.15.02 | | Thông báo về việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2020- 2021 |
| 226 | | | 2.15.03 | | Báo cáo thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ |
| 227 | 2 | 16 | 2.16.01 | | Quyết định 149/QĐ-CĐKTCN ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế tuyển sinh |
| 228 | | | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận số 80/2021/ GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận số 80/2021/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 của Tổng cục GDNN về việc đăng ký hoạt động GDNN |
| 229 | | | | 2.2.07 | Đề án số 281/ĐA-CĐKTCN ngày 15/3/2021 về việc tuyển sinh năm học 2021-2022 |
| 230 | | | | 2.2.03 | Kế hoạch số 107/KH-CĐKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh hệ cao đẳng, trung cấp năm học 2021-2022 |
| 231 | | | 2.16.02 | | Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2021-2022 |
| 232 | | | 2.16.03 | | Thông báo số 1160/TB-CĐKTCN ngày 06/8/2020 về việc tuyển sinh cao đẳng liên thông |
| 233 | 2 | 17 | 2.17.01 | | Phần mềm quản lý đào tạo ESSsoft 6.0 |
| 234 | | | 2.17.02 | | Quyết định số 602/QĐ-CĐKTCN ngày 02/05/2018 về việc ban hành qui chế Quản lý, |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | khai thác và vận hành phần mềm quản lý đào tạo Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 235 | | | 2.17.03 | | Báo cáo về việc sử dụng phần mềm quản lý đào tạo tại trường |
| 236 | 3 | 1 | 3.1.01 | | Đề án số 1144/ĐA-CĐN ngày 21/9/2016 quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý |
| 237 | | | 3.1.02 | | Kế hoạch số 1145/KH-CĐN ngày 21/9/2016 về việc đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ theo quy hoạch |
| 238 | | | 3.1.03 | | Kế hoạch số 747/KH-CĐN ngày 27/6/2016 về công tác quy hoạch CBQLgiai đoạn 2016–2021 và lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021–2026 |
| 239 | | | 3.1.04 | | Quyết định số 643/QĐ-CĐKTCN ngày 01/6/2019 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026 |
| 240 | | | 3.1.05 | | Quyết định số 864/QĐ-CĐKTCN ngày 09/6/2021 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2026 |
| 241 | | | 3.1.06 | | Quyết định số 865/QĐ-CĐKTCN ngày 09/6/2021 về việc công nhận danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2026–2031 |
| 242 | | | 3.1.07 | | Quyết định số 1161/QĐ-CĐKTCN ngày 07/8/2018 ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng đối với cán bộ viên chức Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 243 | | | 3.1.08 | | Đề án vị trí việc làm Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2018 |
| 244 | | | 3.1.09 | | Đề án vị trí việc làm Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2019 |
| 245 | | | 3.1.10 | | Quyết định số 1066/QĐ-CĐKTCN ngày 13/7/2020 ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | Nha Trang |
| 246 | | | 3.1.11 | | Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020 - 2021 |
| 247 | | | 3.1.12 | | Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học năm học 2020 - 2021 |
| 248 | | | 3.1.13 | | Kế hoạch về việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020 - 2021 |
| 249 | | | 3.1.14 | | Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025 |
| 250 | 3 | 2 | 3.2.01 | | Quyết định số 1024/QĐ-CĐN ngày 22/8/2016 về việc công nhận danh sách quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026 |
| 251 | | | 3.2.02 | | Kế hoạch số 454/KH-CĐKTCN ngày 18/4/2019 rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2016–2021 và 2021–2026 |
| 252 | | | 3.2.03 | | Kế hoạch về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2021 - 2026 và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 - 2031 |
| 253 | | | | 3.1.04 | Quyết định số 643/QĐ-CĐKTCN ngày 01/6/2019 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016–2021 và giai đoạn 2021–2026 |
| 254 | | | | 3.1.05 | Quyết định số 864/QĐ-CĐKTCN ngày 09/6/2021 về việc công nhận danh sách bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2021–2026 |
| 255 | | | 3.2.03 | | Tờ trình số 530/TTr-CĐKTCN ngày 22/4/2021 về việc đề nghị phê duyệt bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo |
| 256 | | | 3.2.04 | | Báo cáo về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại năm 2021 |
| 257 | | | 3.2.05 | | Kế hoạch số 1950/KH-CĐKTCN ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc tuyển dụng viên |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | chức sự nghiệp năm 2020 |
| 258 | | | 3.2.06 | | Quyết định số 393/QĐ-SNV ngày 31/12/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 259 | | | 3.2.07 | | Quyết định số 03/QĐ-CDKTCN ngày 02/01/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức xét tuyển viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 260 | | | 3.2.08 | | Quyết định số 365/QĐ-CDKTCN ngày 25/3/2020 về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 261 | | | 3.2.09 | | Báo cáo số 321/BC-HĐXT ngày 16/03/2020 về kết quả tuyển dụng viên chức sự nghiệp năm 2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 262 | | | | 3.1.11 | Hướng dẫn về việc đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 |
| 263 | | | 3.2.10 | | Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 |
| 264 | | | | 3.1.10 | Hướng dẫn quy trình đánh giá, xếp loại nhà giáo dạy các môn chung, môn văn hóa trung học phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học năm học 2020-2021 |
| 265 | | | 3.2.11 | | Báo cáo về việc tổng hợp kết quả đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp năm học 2020-2021 |
| 266 | | | | 3.1.13 | Kế hoạch về việc đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021 |
| 267 | | | 3.2.12 | | Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021 |
| 268 | | | 3.2.13 | | Thông báo số 1339/TB-CDKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 269 | | | 3.2.14 | | Kế hoạch số 1669/KH-CDKTCN ngày 26/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 270 | | | | 3.1.14 | Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021–2025; |
| 271 | | | 3.2.15 | | Báo cáo về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020 và kế hoạch năm 2021 |
| 272 | | | 3.2.16 | | Thông báo về việc công nhận kết quả thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm học 2020-2021 |
| 273 | | | 3.2.17 | | Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021 |
| 274 | | | 3.2.18 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại, bổ nhiệm các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021 |
| 275 | 3 | 3 | 3.3.01 | | Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định |
| 276 | | | 3.3.02 | | Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường |
| 277 | | | | 2.5.04 | Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021 |
| 278 | | | 3.3.03 | | Hồ sơ cán bộ nhà giáo cơ hữu, nhà giáo thỉnh giảng |
| 279 | | | | 3.2.10 | Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 |
| 280 | | | 3.3.04 | | Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo |
| 281 | | | | 1.11.03 | Kế hoạch số 1596/KH-CĐKTCN ngày 19/10/2020 về hoạt động kiểm tra của Đoàn kiểm tra nội bộ năm học 2020-2021 |
| 282 | | | | 1.11.05 | Kế hoạch số 241/KH-CĐKTCN ngày 08/3/2021 kiểm tra quy chế chuyên môn năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 283 | | | 3.3.05 | | Thông báo số 430/TB-CĐKTCN ngày 06/4/2021 kết quả kiểm tra quy chế chuyên môn |
| 284 | | | 3.3.06 | | Biên bản dự giờ và kiểm tra định kì, đột xuất |
| 285 | | | 3.3.07 | | Kế hoạch về việc thu nhập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học |
| 286 | | | 3.3.08 | | Báo cáo về kết quả thu nhập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và thực hiện chính sách liên quan đến người học |
| 287 | 3 | 4 | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 288 | | | 3.4.01 | | Nội quy và quy định của trường |
| 289 | | | 3.4.02 | | Danh sách danh sách trích ngang nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động |
| 290 | | | 3.4.03 | | Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động toàn trường |
| 291 | | | 3.4.04 | | Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021 |
| 292 | | | | 3.2.12 | Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021 |
| 293 | 3 | 5 | | 2.5.03 | Kế hoạch đào tạo toàn khóa năm học 2020 - 2021 |
| 294 | | | | 2.5.04 | Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021 |
| 295 | | | 3.5.01 | | Quyết định số 1064/QĐ-CĐKTCN ngày 13/7/2020 về việc ban hành chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 296 | | | | 2.5.06 | Thời khóa biểu học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 297 | | | 3.5.02 | | Danh sách HSSV từng lớp |
| 298 | | | 3.5.03 | | Bảng tổng hợp giờ giảng và thống kê vượt giờ của nhà giáo năm học 2020-2021 |
| 299 | | | 3.5.04 | | Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ năm học 2020-2021 |
| 300 | | | 3.5.05 | | Bảng thống kê tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo |
| 301 | 3 | 6 | | 2.1.02 | Danh sách các Chương trình đào tạo của trường |
| 302 | | | | 2.5.04 | Kế hoạch nhà giáo học kỳ I, học kỳ II năm học 2020-2021 |
| 303 | | | | 3.3.01 | Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo Thông tư |
| 304 | | | | 3.3.02 | Danh sách trích ngang nhà giáo thỉnh giảng đủ điều kiện giảng dạy tại trường học kỳ I, HKII năm học 2020-2021 |
| 305 | | | | 2.6.01 | Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2020-2021 |
| 306 | | | | 3.3.06 | Biên bản dự giờ và kiểm tra định kì, đột xuất |
| 307 | 3 | 7 | | 1.3.02 | Quyết định số 01/QĐ-CĐKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 308 | | | | 3.2.13 | Thông báo số 1339/TB-CĐKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020 |
| 309 | | | | 3.2.14 | Kế hoạch số 1699/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 310 | | | | 3.1.14 | Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021-2025 |
| 311 | | | | 3.2.17 | Báo cáo kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | 2020-2021 |
| 312 | | | | 3.2.18 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại, bổ nhiệm các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021 |
| 313 | 3 | 8 | | 3.2.13 | Thông báo số 1339/TB-CĐKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020 |
| 314 | | | | 3.2.14 | Kế hoạch số 1699/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 315 | | | | 3.1.14 | Kế hoạch phát triển nhân lực Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2021-2025 |
| 316 | | | 3.8.01 | | Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng |
| 317 | | | 3.8.02 | | Bảng thống kê CBGV tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ |
| 318 | | | | 3.2.18 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân loại, bổ nhiệm các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021 |
| 319 | 3 | 9 | 3.9.01 | | Kế hoạch về việc thâm nhập thực tế năm học 2020-2021 |
| 320 | | | | 3.2.16 | Thông báo kết quả công tác tổ chức thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo năm học 2020-2021 |
| 321 | | | 3.9.02 | | Hồ sơ báo cáo kết quả thâm nhập thực tế của nhà giáo |
| 322 | 3 | 10 | | 3.2.17 | Báo cáo 1172/BC-CĐKTCN ngày 25/8/2021 kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 323 | 3 | 11 | 3.11.01 | | Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường |
| 324 | | | 3.11.02 | | Hồ sơ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng |
| 325 | | | 3.11.03 | | Phiếu Đánh giá viên chức năm học 2020-2021 của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng |
| 326 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022 |
| 327 | 3 | 12 | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 328 | | | 3.12.01 | | Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý |
| 329 | | | 3.12.02 | | Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường |
| 330 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022 |
| 331 | | | | 3.4.04 | Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021 |
| 332 | 3 | 13 | | 3.12.01 | Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý |
| 333 | | | | 3.12.02 | Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường |
| 334 | | | 3.13.01 | | Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng |
| 335 | | | 3.13.02 | | Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng |
| 336 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022 |
| 337 | | | | 3.4.04 | Hồ sơ đánh giá, phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động năm học 2020-2021 |
| 338 | | | | 3.2.12 | Kết quả đánh giá xếp loại viên chức và người lao động năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 339 | 3 | 14 | | 3.2.13 | Thông báo số 1339/TB-CĐKTCN ngày 09/9/2020 về việc đăng ký đào tạo, bồi dưỡng năm học 2019-2020 |
| 340 | | | | 3.2.14 | Kế hoạch số 1699/KH-CĐKTCN ngày 20/10/2020 đào tạo, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 341 | | | 3.14.01 | | Văn bản cử CB quản lý tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 342 | 3 | 15 | 3.15.01 | | Danh sách trích ngang Viên chức, người lao động của trường |
| 343 | | | 3.15.02 | | Danh sách CBVC, NLD tham gia khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2020-2021 |
| 344 | | | | 3.8.01 | Các công văn, Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng |
| 345 | | | | 3.2.17 | Báo cáo 1172/BC-CĐKTCN ngày 25/8/2021 kết quả và các biện pháp thực hiện chính sách khuyến khích nhà giáo học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học năm học 2020-2021 |
| 346 | 4 | 1 | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 347 | | | | 2.5.01 | Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo năm học 2020-2021 |
| 348 | | | 4.1.01 | | Quyết định số 926/QĐ-LĐTĐ ngày 18/7/2018 của Bộ LĐ-TB&XH về việc cho phép sử dụng 22 bộ chương trình chuyển giao từ CHLB Đức để đào tạo thí điểm |
| 349 | | | 4.1.02 | | Khung chương trình của CHLB Đức giảng dạy 2 nghề ĐCN và CN Ô tô tại trường |
| 350 | | | 4.1.03 | | Kế hoạch đào tạo toàn khóa của 2 nghề đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 351 | 4 | 2 | 4.2.01 | | Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ Biên soạn chương trình đào tạo năm 2021 |
| 352 | | | 4.2.02 | | Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021 |
| 353 | | | 4.2.03 | | Các Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2021 |
| 354 | | | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 355 | | | 4.2.04 | | Quyết định về việc thành lập Tổ biên soạn chương trình liên thông trình độ cao đẳng năm 2021 |
| 356 | | | 4.2.05 | | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình liên thông trình độ cao đẳng năm 2021 |
| 357 | | | 4.2.06 | | Quyết định thành lập Ban thư ký Hội đồng thẩm định chương trình liên thông trình độ cao đẳng năm 2021 |
| 358 | 4 | 3 | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 359 | | | | 2.1.02 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021 |
| 360 | 4 | 4 | | 4.2.01 | Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Tổ Biên soạn chương trình đào tạo năm 2021 |
| 361 | | | | 4.2.02 | Các Quyết định của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2021 |
| 362 | | | | 4.2.03 | Các Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2021 |
| 363 | | | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 364 | | | 4.4.01 | | Danh sách cán bộ, giảng viên trong khoa, chuyên gia tham gia xây dựng, đóng góp ý |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|------------------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | kiến cho chương trình đào tạo năm 2021 |
| 365 | 4 | 5 | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 366 | | | 4.5.01 | | Các phiếu khảo sát Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động |
| 367 | | | 4.5.02 | | Bảng tổng hợp Các phiếu khảo sát Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động |
| 368 | 4 | 6 | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 369 | 4 | 7 | 4.7.01 | | Các Quyết định ban hành chương trình dạy nghề năm 2017 |
| 370 | | | 4.7.02 | | Các Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2019 |
| 371 | | | 4.7.03 | | Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 372 | | | | 4.2.03 | Các biên bản thẩm định chương trình giáo dục nghề nghiệp |
| 373 .2.0 3 | | | | 2.1.02 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021 |
| 374 | 4 | 8 | | 4.7.03 | Quyết định ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 375 | | | | 4.2.03 | Các biên bản thẩm định chương trình giáo dục nghề nghiệp |
| 376 | | | | 2.1.02 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021 |
| 377 | | | 4.8.01 | | Quyết định cử giảng viên tham gia học tập tại Úc và CHLB Đức |
| 378 | | | 4.8.02 | | Danh sách các môn học/mô đun có sử dụng tài liệu nước ngoài |
| 379 | 4 | 9 | | 4.7.02 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2019 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 380 | | | 4.9.01 | | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2019 |
| 381 | | | 4.9.02 | | Thông báo về việc Thẩm định chương trình đào tạo liên thông năm 2019 |
| 382 | | | 4.9.03 | | Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông năm 2019 |
| 383 | | | 4.9.04 | | Bộ chương trình đào tạo liên thông năm 2019 |
| 384 | | | 4.9.05 | | Quyết định trúng tuyển các lớp liên thông |
| 385 | 4 | 10 | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 386 | | | | 4.7.02 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2019 |
| 387 | | | | 4.9.01 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2019 |
| 388 | | | 4.10.01 | | Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành |
| 389 | | | 4.10.02 | | Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học |
| 390 | | | 4.10.03 | | Các quyết định ban hành danh mục các giáo trình lựa chọn được sử dụng cho các nghề |
| 391 | | | 4.10.04 | | Các Quyết định ban hành giáo trình được nghiệm thu cho tất cả các nghề |
| 392 | 4 | 11 | | 4.10.01 | Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành |
| 393 | | | | 4.10.02 | Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học |
| 394 | 4 | 12 | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 395 | | | | 4.7.02 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2019 |
| 396 | | | | 4.9.01 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2019 |
| 397 | | | | 4.10.01 | Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành |
| 398 | | | | 4.10.02 | Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học |
| 399 | | | 4.12.01 | | Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định |
| 400 | | | | 4.10.04 | Các Quyết định ban hành giáo trình được nghiệm thu cho tất cả các nghề |
| 401 | 4 | 13 | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 402 | | | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 403 | | | | 2.1.02 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường năm 2021 |
| 404 | | | | 4.10.01 | Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp, trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành |
| 405 | | | | 4.10.02 | Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học |
| 406 | | | | 4.12.01 | Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định |
| 407 | 4 | 14 | 4.14.01 | | Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp được lấy ý kiến |
| 408 | | | 4.14.02 | | Phiếu khảo sát và bảng tổng hợp ý kiến của cán bộ, giáo viên, các doanh nghiệp và người học về giáo trình |
| 409 | | | 4.14.03 | | Báo cáo kết quả thực hiện theo kế hoạch và kết quả thực hiện thu thập ý kiến đánh giá |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 410 | | | 4.14.04 | | Báo cáo kết quả việc thu thập ý kiến đánh giá |
| 411 | | | 4.14.05 | | Báo cáo việc sử dụng kết quả thu thập ý kiến đánh giá |
| 412 | 4 | 15 | | 4.7.01 | Các Quyết định ban hành chương trình dạy nghề năm 2017 |
| 413 | | | | 2.1.02 | Bộ chương trình các nghề đào tạo của Trường |
| 414 | | | | 2.5.01 | Quyết định ban hành chương trình đào tạo của các nghề năm 2021 |
| 415 | | | 4.15.01 | | Danh sách các chương trình đào tạo có sự thay đổi |
| 416 | | | 4.15.02 | | Bản in giáo trình đào tạo trước và sau khi chương trình đào tạo có sự thay đổi |
| 417 | 5 | 1 | | 1.1.02 | Quyết định số 192/QĐ-BLĐTB&XH ngày 31/01/2007 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH về việc thành lập Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang |
| 418 | | | | 1.1.06 | Quyết định số 1469/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội ngày 15 tháng 9 năm 2017 về việc đổi tên Trường Cao đẳng Nghề Nha Trang thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 419 | | | | 1.1.12 | Quyết định số 2001/QĐ-CDKTCN ngày 9/12/2020 của Hiệu trưởng ban hành chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn 2030 |
| 420 | | | 5.1.01 | | Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường, khoảng cách đến các xí nghiệp, công nghiệp thải ra chất độc hại gần nhất ở xung quanh của 3 cơ sở |
| 421 | | | 5.1.02 | | Bảng thống kê các trạm xe bus |
| 422 | | | 5.1.03 | | Bảng thống kê khoảng cách từ các trục đường đến các khu giảng dạy |
| 423 | | | 5.1.04 | | Báo cáo về tình hình an ninh, an toàn giao thông của nhà trường |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 424 | | | 5.1.05 | | Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 425 | | | 5.1.06 | | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 426 | 5 | 2 | 5.2.01 | | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất |
| 427 | | | 5.2.02 | | Biên bản bàn giao công trình, Biên bản hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 29/5/2018 |
| 428 | | | 5.2.03 | | Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính |
| 429 | | | 5.2.04 | | Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 430 | | | 5.2.05 | | Bản vẽ mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 431 | | | 5.2.06 | | Bảng thống kê diện tích các khối công trình xây dựng trường tại cơ sở chính |
| 432 | | | 5.2.07 | | Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính |
| 433 | | | 5.2.08 | | Hồ sơ hoàn công các công trình Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang |
| 434 | | | 5.2.09 | | Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới |
| 435 | | | 5.2.10 | | Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 436 | | | 5.2.11 | | Bảng thống kê diện tích cây xanh tại 03 cơ sở |
| 437 | | | | 5.1.05 | Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 438 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 439 | 5 | 3 | | 5.2.03 | Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính |
| 440 | | | 5.3.01 | | Bản vẽ mặt bằng trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Nha Trang |
| 441 | | | | 5.2.04 | Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 442 | | | | 5.2.05 | Bản vẽ mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 443 | | | | 5.2.07 | Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính |
| 444 | | | | 5.2.08 | Hồ sơ hoàn công các công trình Trung tâm giáo dục nghề nghiệp Nha Trang |
| 445 | | | | 5.2.09 | Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới |
| 446 | | | | 5.2.10 | Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 447 | | | | 5.1.05 | Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 448 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 449 | 5 | 4 | | 5.2.03 | Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 450 | | | 5.4.01 | | Bản vẽ hoàn công các công trình phụ trợ |
| 451 | | | 5.4.02 | | Hợp đồng cung cấp điện Trường |
| 452 | | | 5.4.03 | | Hợp đồng cung cấp nước Trường |
| 453 | | | 5.4.04 | | Hồ sơ công tác phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở chính |
| 454 | | | 5.4.05 | | Công văn về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình Trường |
| 455 | | | | 5.2.04 | Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 456 | | | 5.4.06 | | Hợp đồng cung cấp điện, nước trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới |
| 457 | | | 5.4.07 | | Hồ sơ công tác phòng cháy chữa cháy trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới |
| 458 | | | | 5.2.05 | Bản vẽ mặt bằng khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 459 | | | 5.4.08 | | Hợp đồng cung cấp điện khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 460 | | | 5.4.09 | | Hợp đồng khoan giếng |
| 461 | | | 5.4.10 | | Bản vẽ thiết kế, hoàn công đường điện, cấp thoát nước tại các cơ sở |
| 462 | | | 5.4.11 | | Sơ đồ, số liệu hệ thống điện của các xưởng thực hành |
| 463 | | | 5.4.12 | | Sơ đồ, số liệu hệ thống cấp thoát nước cho các xưởng thực hành |
| 464 | | | 5.4.13 | | Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên tại 03 cơ sở |
| 465 | | | 5.4.14 | | Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu chất thải của toàn Trường |
| 466 | | | 5.4.15 | | Sơ đồ hệ thống thu gom rác và phế liệu chất thải tại các xưởng thực hành |
| 467 | | | 5.4.16 | | Hợp đồng với nhân viên tạp vụ vệ sinh trong Trường |
| 468 | | | 5.4.17 | | Biên bản kiểm tra vệ sinh học đường của trung tâm Y tế dự phòng |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 469 | | | 5.4.18 | | Quyết định số 1929/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành quy định về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 470 | | | 5.4.19 | | Dự toán kinh phí sửa chữa bảo trì thiết bị |
| 471 | | | 5.4.20 | | Báo cáo kết quả công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật hàng năm |
| 472 | | | 5.4.21 | | Giấy đề xuất sửa chữa |
| 473 | | | | 5.1.05 | Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 474 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 475 | 5 | 5 | 5.5.01 | | Bảng thống kê số lượng học sinh - sinh viên năm 2020-2021 |
| 476 | | | 5.5.02 | | Sĩ số và danh sách các lớp của năm học năm 2020-2021 |
| 477 | | | | 2.5.06 | Thời khóa biểu từng kỳ năm 2020-2021 |
| 478 | | | | 5.2.03 | Bản vẽ tổng thể mặt bằng trường tại cơ sở chính |
| 479 | | | | 5.2.07 | Bản vẽ hoàn công các công trình xây dựng trường tại cơ sở chính |
| 480 | | | | 5.2.04 | Bản vẽ mặt bằng của Trung tâm đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 481 | | | | 5.2.09 | Hồ sơ thiết kế xây dựng các khối công trình của trung tâm Đào tạo lái xe Ô tô-Cơ giới |
| 482 | | | | 5.2.10 | Bản vẽ hồ sơ thiết kế và hồ sơ hoàn công các hạng mục của công trình khoa Công nghệ sinh học & Công nghệ môi trường |
| 483 | | | 5.5.03 | | Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 484 | | | | 5.4.10 | Bản vẽ thiết kế, hoàn công đường điện, cấp thoát nước tại các cơ sở |
| 485 | | | 5.5.04 | | Báo cáo số lượng, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa |
| 486 | | | 5.5.05 | | Báo cáo kết quả ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 487 | 5 | 6 | 5.6.01 | | Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị) |
| 488 | | | 5.6.02 | | Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công |
| 489 | | | 5.6.03 | | Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị - Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CĐKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| 490 | | | 5.6.04 | | Quy trình sửa chữa máy móc thiết bị - Mã hóa QT.31 được ban hành theo quyết định số 1132/QĐ-CĐKTCN ngày 30 tháng 7 năm 2018 |
| 491 | | | 5.6.05 | | Quyết định số 1930/QĐ-CĐKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 492 | 5 | 7 | 5.7.01 | | Quyết định số 1933/QĐ-CĐKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành quy định về việc quản lý, sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 493 | | | 5.7.02 | | Nội qui phòng học lý thuyết, Nội qui xưởng thực hành |
| 494 | | | 5.7.03 | | Báo cáo sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 495 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 496 | 5 | 8 | 5.8.01 | | Dự án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động |
| 497 | | | 5.8.02 | | Dự án trang thiết bị từ nguồn vốn ODA của chính phủ Cộng hòa liên bang Đức |
| 498 | | | 5.8.03 | | Danh mục thiết bị dạy nghề tại trường |
| 499 | | | 5.8.04 | | Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị |
| 500 | | | 5.8.05 | | Bảng danh mục thiết bị tối thiểu của nghề do Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội ban hành |
| 501 | | | 5.8.06 | | Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành |
| 502 | | | 5.8.07 | | Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề |
| 503 | | | 5.8.08 | | Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo theo quy định trong chương trình dạy nghề |
| 504 | | | | 5.5.02 | Sĩ số và danh sách các lớp của năm học năm 2020-2021 |
| 505 | | | | 2.5.06 | Thời khóa biểu từng kỳ năm 2020-2021 |
| 506 | | | | 5.5.04 | Bảng thống kê phòng học, phòng chuyên môn, nhà xưởng |
| 507 | | | | 5.8.07 | Bảng thống kê số lượng thiết bị dạy nghề theo quy định trong chương trình dạy nghề |
| 508 | | | | 5.8.06 | Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề |
| 509 | | | 5.8.09 | | Danh sách HSSV đi thực hành, thực tập nơi phối hợp đào tạo |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 510 | | | 5.8.10 | | Kế hoạch giảng dạy, học tập nơi phối hợp đào tạo |
| 511 | | | 5.8.11 | | Báo cáo về việc thực tập nơi phối hợp đào tạo |
| 512 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 513 | 5 | 9 | 5.9.01 | | Sơ đồ bố trí trang thiết bị dụng cụ trong từng xưởng thực hành |
| 514 | | | | 5.8.04 | Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị |
| 515 | | | 5.9.02 | | Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành |
| 516 | | | 5.9.03 | | Bộ ảnh trong các xưởng thực hành |
| 517 | | | 5.9.04 | | Mặt bằng lắp đặt thiết bị các xưởng thực hành |
| 518 | | | | 5.6.01 | Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị) |
| 519 | | | 5.9.05 | | Đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ |
| 520 | | | | 5.1.05 | Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 521 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 522 | 5 | 10 | | 5.6.02 | Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 523 | | | | 5.6.03 | Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị - Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| 524 | | | | 5.6.05 | Quyết định số 1930/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 525 | | | | 5.9.02 | Nhật ký theo dõi hoạt động của xưởng thực hành |
| 526 | | | 5.10.01 | | Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng |
| 527 | 5 | 11 | | 5.8.03 | Danh mục thiết bị dạy nghề tại trường |
| 528 | | | | 5.8.04 | Biên bản kiểm kê tài sản hàng năm của các đơn vị |
| 529 | | | | 5.6.01 | Hồ sơ quản lý, bảo dưỡng các trang thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị) |
| 530 | | | | 5.6.03 | Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị - Mã hóa QT.28 được ban hành theo quyết định số 583/QĐ-CDKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 |
| 531 | | | | 5.10.01 | Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng |
| 532 | | | 5.11.01 | | Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê; các Biên bản kiểm kê tài sản |
| 533 | | | 5.11.02 | | Danh mục thanh lý tài sản; các quyết định thanh lý tài sản |
| 534 | 5 | 12 | 5.12.01 | | Báo cáo vật tư tồn kho |
| 535 | | | 5.12.02 | | Bảng dự trù vật tư của các đơn vị |
| 536 | | | 5.12.03 | | Quy trình mua sắm tài sản |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 537 | | | 5.12.04 | | Hợp đồng kinh tế mua bán vật tư, thiết bị, Biên bản bàn giao nghiệm thu |
| 538 | | | 5.12.05 | | Quyết định số 1931/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 539 | | | 5.12.06 | | Quyết định số 1932/QĐ-CDKTCN ngày 25/12/2018 Ban hành Quy định quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư phục vụ đào tạo trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 540 | | | 5.12.07 | | Quyết định số 1809/QĐ-CDKTCN ngày 13/11/2019 Ban hành Quy định về xuất nhập kho vật tư, dụng cụ trong Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 541 | | | 5.12.08 | | Bảng dự trù danh mục vật đề nghị cấp phát |
| 542 | | | 5.12.09 | | Phiếu nhập, xuất kho |
| 543 | | | 5.12.10 | | Thẻ kho |
| 544 | | | 5.12.11 | | Danh sách cán bộ chịu trách nhiệm quản lý, cấp phát, thu nhận vật tư, thiết bị toàn trường |
| 545 | | | 5.12.12 | | Bản vẽ sơ đồ kho tại các xưởng thực hành |
| 546 | | | 5.12.13 | | Báo cáo tình trạng hoạt động các kho của các đơn vị (mái che, rào ngăn cách, khóa, chiếu sáng, thông gió, chống mốc, ẩm |
| 547 | | | 5.12.14 | | Sơ đồ nhà kho của trường |
| 548 | | | 5.12.15 | | Báo cáo việc quản lý cấp phát vật tư của đơn vị |
| 549 | | | 5.12.16 | | Quyết định thành lập hội đồng kiểm kê, Biên bản kiểm kê vật tư của các bộ môn và danh mục vật tư thanh lý |
| 550 | | | | 5.1.06 | Báo cáo kết quả ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, sự phạm, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường và tình trạng hoạt động của |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | thiết bị an toàn, bảo hộ lao động trong vận hành sử dụng |
| 551 | 5 | 13 | 5.13.01 | | Sơ đồ thiết kế thư viện |
| 552 | | | 5.13.02 | | Lịch hoạt động của thư viện trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 553 | | | 5.13.03 | | Quyết định số 590/QĐ-CĐKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng về ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện |
| 554 | | | | 1.2.02 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 80/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 29/7/2021 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động GDNN số 80a/2021/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 24/9/2021 của Tổng cục GDNN |
| 555 | | | 5.13.04 | | Danh sách chương trình đào tạo của trường |
| 556 | | | 5.13.05 | | Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các nghề theo các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp |
| 557 | 5 | 14 | | 5.13.03 | Quyết định số 590/QĐ-CĐKTCN ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng về ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của thư viện |
| 558 | | | 5.14.01 | | Danh mục sách giấy tại thư viện |
| 559 | | | 5.14.02 | | Danh mục file mềm tài liệu tại thư viện |
| 560 | | | 5.14.03 | | Giấy đề nghị in/photo giáo trình, tài liệu |
| 561 | | | 5.14.04 | | Hợp đồng số 14/TVT-HĐLCS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về Hợp đồng luân chuyển sách giữa Thư viện tỉnh và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 562 | | | 5.14.05 | | Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang |
| 563 | | | 5.14.06 | | Báo cáo thư viện hàng năm |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 564 | | | | 1.7.15 | Phiếu thu thập ý kiến về hoạt động Bảo đảm chất lượng khảo thí |
| 565 | | | | 1.7.16 | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ quản lý về bảo đảm chất lượng khảo thí của nhà trường |
| 566 | 5 | 15 | 5.15.01 | | Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện |
| 567 | | | 5.15.02 | | Hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần thiết bị Toàn Lợi |
| 568 | | | 5.15.03 | | Biên bản bàn giao phần mềm thư viện điện tử |
| 569 | | | 5.15.04 | | Cơ sở dữ liệu điện tử, phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu đang sử dụng tại thư viện |
| 570 | | | 5.15.05 | | Bản ghi nhớ về việc hợp tác công tác thư viện giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Trường Đại học Nha Trang |
| 571 | | | 5.15.06 | | Mạng Internet sử dụng theo hợp đồng số 36480, 36540, 36585 ký ngày 06/05/2015 về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet |
| 572 | | | 5.15.07 | | Sơ đồ thiết kế mạng LAN |
| 573 | 6 | 1 | 6.1.01 | | Quyết định số 591/QĐ-CDKTCN ngày 27/4/2018 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang về việc Quy định hoạt động khoa học công nghệ; chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ |
| 574 | | | 6.1.02 | | Quyết định số 1201/QĐ-CDKTCN ngày 13/8/2020 của Hiệu trưởng Trường CDKTCN Nha Trang Quy định về định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho sáng kiến cải tiến cấp trường |
| 575 | | | | 1.3.02 | Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 576 | | | 6.1.03 | | Các Công văn mời tham dự lớp tập huấn; Quyết định của Hiệu trưởng Trường CDKTCN |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | Nha Trang cử cán bộ viên chức đi học cao học, đi học tập chuyên giao công nghệ, đi học tập ở trong nước, nước ngoài, nâng bậc lương trước thời hạn năm 2021 |
| 577 | | | | 1.6.09 | Quyết định số 1287/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2020-2021; Quyết định số 1352/QĐ-CDKTCN ngày 24/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng danh hiệu thi đua năm học 2020 – 2021 |
| 578 | | | | 1.6.10 | Quyết định số 1288/QĐ-CDKTCN ngày 16/9/2021 của Hiệu trưởng về việc khen thưởng thành tích thi đua năm học 2020-2021 |
| 579 | | | 6.1.04 | | Phiếu thu thập ý kiến; Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ năm 2021) |
| 580 | 6 | 2 | 6.2.01 | | Các Quyết định thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương và nghiệm thu SKCT năm học 2020-2021 |
| 581 | | | 6.2.02 | | Danh sách đăng ký đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt đề cương và cho phép thực hiện đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021 |
| 582 | | | 6.2.03 | | Hồ sơ thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến cấp trường, thiết bị dạy nghề tự làm; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021 |
| 583 | | | 6.2.04 | | Các Thông báo, Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị dạy nghề tự làm năm học 2019-2020 |
| 584 | 6 | 3 | 6.3.01 | | Bản thống kê các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý đăng trên tạp chí khoa học các cấp trong năm |
| 585 | | | 6.3.02 | | Các bài báo của nhà giáo, cán bộ quản lý đăng trên tạp chí khoa học các cấp trong năm |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 586 | 6 | 4 | | 6.2.02 | Danh sách đăng ký đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021; Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt đề cương và cho phép thực hiện đề tài, sáng kiến cải tiến năm học 2020-2021 |
| 587 | | | 6.4.01 | | Các Quyết định của Hiệu trưởng phê duyệt và công bố ứng dụng kết quả đề tài, sáng kiến cải tiến các năm học 2020-2021 |
| 588 | | | | 6.2.04 | Các Thông báo, Báo cáo ứng dụng kết quả đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến, thiết bị dạy nghề tự làm năm học 2019-2020 |
| 589 | 6 | 5 | 6.5.01 | | Công văn số 2355/TCGDNN-ĐTCQ ngày 12/11/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Kết thúc khóa học và tổ chức bế giảng các lớp đào tạo thí điểm theo chương trình chuyên giao từ Úc; Kế hoạch số 2154/KH-CĐKTCN ngày 26/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức Lễ tốt nghiệp lớp Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) chuyên giao từ Úc; Danh sách giáo viên, sinh viên đề nghị khen thưởng; Quyết định số 2086/QĐ-CĐKTCN ngày 18/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập; Quyết định số 2287/QĐ-CĐKTCN ngày 31/12/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Công nhận kết quả tốt nghiệp lớp cao đẳng đào tạo thí điểm nghề trọng điểm quốc tế Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) chuyên giao từ Úc; Hình ảnh và Bằng tốt nghiệp |
| 590 | | | 6.5.02 | | Công văn số 2785/TCGDNN-ĐTCQ ngày 31/12/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả đào tạo thí điểm chương trình chuyên giao từ Úc; Báo cáo số 26/BC-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Tổng kết toàn khóa đào tạo thí điểm chương trình chuyên giao từ Úc nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm). |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 591 | | | 6.5.03 | | Công văn số 1036/LĐT BXH-TCGDNN ngày 23/3/2020 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh tuyển sinh, đào tạo chương trình chất lượng cao; Đăng ký mở lớp Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) cấp độ quốc tế chuyển giao từ Úc khóa 2 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 592 | | | 6.5.04 | | Kế hoạch số 1752/KH-CĐKTCN ngày 04/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức Lễ khai giảng lớp Cao đẳng chất lượng cao cấp độ Quốc tế theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức; Quyết định số 1759/QĐ-CĐKTCN ngày 04/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc thành lập lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1808/QĐ-CĐKTCN ngày 13/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp năm học 2019-2020; Quyết định số 1826/QĐ-CĐKTCN ngày 18/11/2019 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh sách Lớp trưởng lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ CHLB Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp năm học 2019-2020 |
| 593 | | | 6.5.05 | | Công văn số 2350/TCGDNN-ĐTCQ ngày 11/11/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc kế hoạch chuyên gia Đức hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức; Kế hoạch thực hiện chuyên gia Đức hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức nghề Công nghệ Ô tô từ ngày 02/12/2019 đến ngày 06/12/2019; Biên bản làm việc |
| 594 | | | 6.5.06 | | Công văn số 776/TCGDNN-ĐTCQ ngày 09/4/2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ CHLB Đức; Thông báo số 489/TB-CĐKTCN ngày 13/4/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo thí điểm nghề Công nghệ ô tô và Điện |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | công nghiệp chuyển giao từ CHLB Đức |
| 595 | | | 6.5.07 | | Công văn số 326/TCGDNN-ĐTCQ ngày 04/3/2021 về việc hướng dẫn các trường đào tạo thí điểm 22 nghề chuyển giao từ Đức; Công văn số 823/TCGDNN-ĐTCQ ngày 28/4/2021 về việc đề xuất thành viên tham gia hội đồng thi 22 nghề Đức; Công văn số 1272/TCGDNN-ĐTCQ ngày 17/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc tổ chức đào tạo thí điểm 22 nghề Đức |
| 596 | | | 6.5.08 | | Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của 2 lớp nghề Điện công nghiệp và Công nghệ ô tô |
| 597 | | | 6.5.09 | | Công văn số 1415/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/7/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hợp tác đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên theo học chương trình chuyển giao từ Đức |
| 598 | | | 6.5.10 | | Công văn số 2251/TCGDNN-ĐTCQ ngày 15/10/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc kế hoạch chuyên gia Đức làm việc với các trường bằng hình thức trực tuyến |
| 599 | | | 6.5.11 | | Công văn số 2774/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/12/2021 về việc tổng kết năm học thứ hai đào tạo thí điểm 22 nghề Đức |
| 600 | | | 6.5.12 | | Công văn số 2774/TCGDNN-ĐTCQ ngày 02/12/2021 về việc tổng kết năm học thứ hai đào tạo thí điểm 22 nghề Đức |
| 601 | | | 6.5.13 | | Các báo cáo tổng kết năm học thứ 02 của 2 nghề Điện công nghiệp và Công nghệ ô tô |
| 602 | 7 | 1 | | 1.3.02 | Quyết định số 01/QĐ-CĐKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 603 | | | 7.1.01 | | Thông báo về việc xây dựng dự toán NSNN của Hiệu trưởng năm 2021 |
| 604 | | | 7.1.02 | | Dự toán ngân sách của Trường và các trung tâm năm 2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 605 | | | 7.1.03 | | Quyết định số 119/QĐ-CĐKTCN ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 606 | | | 7.1.04 | | Quyết định số 936/QĐ-CĐKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CĐKTCN Nha Trang |
| 607 | 7 | 2 | | 1.3.02 | Quyết định số 01/QĐ-CĐKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 608 | | | 7.2.01 | | Quyết định số 540/QĐ-CĐKTCN ngày 20/4/2020 về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 của trường và quyết định của các trung tâm |
| 609 | | | 7.2.02 | | Thông báo số 1060/TB-CĐKTCN ngày 12/7/2021 về việc quy định mức tạm thu học phí năm học 2021-2022 của trường và quyết định của các trung tâm |
| 610 | | | 7.2.03 | | Các quyết định về mức thu học phí học viên của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 611 | | | 7.2.04 | | Hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 612 | | | 7.2.05 | | Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 613 | | | 7.2.06 | | Báo cáo và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 614 | | | 7.2.07 | | Bảng đối chiếu tình hình kinh phí sử dụng với Kho bạc, ngân hàng của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 615 | | | 7.2.08 | | Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 616 | | | 7.2.09 | | Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 617 | 7 | 3 | 7.3.01 | | Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 |
| 618 | | | | 7.2.01 | Quyết định số 540/QĐ-CDKTCN ngày 20/4/2020 về việc quy định mức thu học phí đối với giáo dục nghề nghiệp năm học 2020-2021 của trường và quyết định của các trung tâm |
| 619 | | | | 7.2.02 | Thông báo số 1060/TB-CDKTCN ngày 12/7/2021 về việc quy định mức tạm thu học phí năm học 2021-2022 của trường và quyết định của các trung tâm |
| 620 | | | | 7.2.03 | Các quyết định về mức thu học phí học viên của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 621 | | | | 7.2.04 | Hợp đồng liên kết đào tạo, dịch vụ của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 622 | | | | 7.2.08 | Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 623 | | | | 7.2.09 | Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 624 | 7 | 4 | | 1.3.02 | Quyết định số 01/QĐ-CDKTCN ngày 04/01/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 |
| 625 | | | | 7.2.05 | Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 626 | | | | 7.2.06 | Báo cáo và thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 627 | | | | 7.2.07 | Bảng đối chiếu tình hình kinh phí sử dụng với Kho bạc, ngân hàng của trường và các trung tâm năm 2021 |
| 628 | | | | 7.2.08 | Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 629 | | | | 7.2.09 | Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 630 | | | 7.4.01 | | Biên bản duyệt quyết toán năm 2020 của Sở tài chính |
| 631 | | | | 7.1.04 | Quyết định số 936/QĐ-CDKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CĐKTCN Nha Trang |
| 632 | 7 | 5 | 7.5.01 | | Thông báo kiểm tra đối với các trung tâm trực thuộc 2021 |
| 633 | | | 7.5.02 | | Kết quả kiểm tra các trung tâm 2021 |
| 634 | | | 7.5.03 | | Biên bản duyệt quyết toán năm 2020 của Sở tài chính |
| 635 | | | | 7.1.03 | Quyết định số 119/QĐ-CĐKTCN ngày 29/01/2021 của Hiệu trưởng quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021 của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 636 | | | | 7.1.04 | Quyết định số 936/QĐ-CĐKTCN ngày 16/6/2021 của HT về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của Trường CĐKTCN Nha Trang |
| 637 | | | | 7.2.08 | Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của Trường và các trung tâm 2021 |
| 638 | | | | 7.2.09 | Hệ thống hồ sơ chứng từ sổ sách kế toán của Trường và các trung tâm năm 2021 |
| 639 | 7 | 6 | 7.6.01 | | Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính của trường và các trung tâm |
| 640 | | | 7.6.02 | | Đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính và biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính của trường và các trung tâm |
| 641 | | | 7.6.03 | | Kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý |
| 642 | 8 | 1 | 8.1.01 | | Kế hoạch số 732/KH-CĐKTCN ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2020 – 2021; Kế hoạch số 107/KH-CĐKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2021-2021 |
| 643 | | | 8.1.02 | | Thông tin tuyển sinh bằng tờ rơi năm học 2020-2021; Các kế hoạch tham quan các trường THCS, THPT |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 644 | | | 8.1.03 | | Trang website của trường |
| 645 | | | 8.1.04 | | Kế hoạch số 1274/KH-CĐKTCN ngày 26/8/2020 về việc tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2020-2021 |
| 646 | | | | 2.12.01 | Quyết định số 84/QĐ-CĐKTCN ngày 21/01/2019 về việc Ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế; theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp |
| 647 | | | 8.1.05 | | Quyết định số 740/QĐ-CĐKTCN ngày 18/05/2021 về việc Ban hành Quy chế dạy và học trực tiếp, dạy và học gián tiếp qua Internet |
| 648 | | | 8.1.06 | | Quyết định số 1464/QĐ-CĐKTCN ngày 10/10/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác giáo viên chủ nhiệm của Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 649 | | | | 1.12.02 | Quyết định số 751/QĐ-CĐKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 650 | | | 8.1.07 | | Quyết định số 694/QĐ-CĐKTCN ngày 30/5/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 143/QĐ-CĐKTCN ngày 03/2/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 651 | | | 8.1.08 | | Quyết định 1769/QĐ- LĐT BXH ngày 25/11/2019 phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm gia đoạn 2016- 2020 và định hướng đến năm 2025 |
| 652 | | | | 1.1.09 | Quyết định số 24/QĐ-CĐKTCN ngày 07/01/2020 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 653 | | | 8.1.09 | | Kế hoạch đánh giá năm 2020, 2021; TB tổ chức các kỳ đánh giá KNN năm học 2020-2021 |
| 654 | | | 8.1.10 | | Các thông báo, tờ rơi tuyển sinh KNN |
| 655 | | | 8.1.11 | | Nội quy thi KNN |
| 656 | | | 8.1.12 | | Báo cáo về việc tổ chức các kì đánh giá KNN năm học 2020-2021 |
| 657 | | | 8.1.13 | | Giấy báo học lái xe A1 |
| 658 | | | 8.1.14 | | Quyết định số 625/QĐ-CĐKTCN ngày 05/5/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc ban hành Quy định về Chương trình đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; Quyết định số 674/QĐ-CĐKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ sơ cấp |
| 659 | | | 8.1.15 | | Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 và phương hướng hoạt động năm học 2021-2022 của Trung tâm GDNN |
| 660 | | | 8.1.16 | | Kế hoạch tuyển sinh năm 2020 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 661 | | | 8.1.17 | | Kế hoạch đào tạo năm học 2020-2021 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 662 | | | 8.1.18 | | Bộ chương trình đào tạo chi tiết của các nghề năm 2020 của TT Đào tạo lái xe Ô tô - Cơ giới |
| 663 | | | 8.1.19 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, giáo viên |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 664 | 8 | 2 | | 1.12.02 | Quyết định số 751/QĐ-CĐKTCN ngày 06/6/2018 ban hành Quy định chính sách miễn, giảm học phí; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 665 | | | 8.2.01 | | Quyết định 1746/QĐ-CĐKTCN ngày 02 /11/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1) năm học 2020-2021; Quyết định số 1984/QĐ-CĐKTCN ngày 08/12/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 2) năm học 2020-2021 |
| 666 | | | 8.2.02 | | Quyết định số 140/QĐ-CĐKTCN ngày 03/02/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn, giảm học phí học kỳ II (đợt 1) năm học 2020-2021; Quyết định số 458/QĐ-CĐKTCN ngày 09/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc miễn học phí học kỳ II (đợt 2) năm học 2020-2021 |
| 667 | | | 8.2.03 | | Quyết định số 1975/QĐ- CĐKTCN ngày 08/12/2020 về việc cấp chính sách nội trú cho sinh viên học kỳ I, năm học 2020- 2021; Quyết định số 476/QĐ- CĐKTCN ngày 20/4/2021 về việc cấp chính sách nội trú cho sinh viên học kỳ II, năm học 2020- 2021 |
| 668 | | | 8.2.04 | | Quyết định số 1977/QĐ-CĐKTCN ngày 08/12/2019 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ I năm học 2020-2021; Quyết định số 298/QĐ-CĐKTCN ngày 16/3/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ I (bổ sung) năm học 2020-2021; Quyết định số 477/QĐ-CĐKTCN ngày 12/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng cho học sinh, sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng miền núi tỉnh Khánh Hòa học kỳ II năm học 2020-2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 669 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng của trường năm học 2021-2022 |
| 670 | 8 | 3 | | 8.1.07 | Quyết định số 694/QĐ-CDKTCN ngày 30/5/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 03/2/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 671 | | | | 8.3.01 | Quyết định số 1976/QĐ-CDKTCN ngày 8/12/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2019-2020; Quyết định số 1902/QĐ-CDKTCN ngày 30/11/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm thứ nhất cho sinh viên lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ cộng hoà liên bang Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1903/QĐ-CDKTCN ngày 30/11/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm thứ nhất cho sinh viên lớp cao đẳng chất lượng cao cấp độ quốc tế đào tạo theo chương trình chuyển giao từ cộng hoà liên bang Đức nghề Công nghệ Ô tô và Điện công nghiệp; Quyết định số 1929/QĐ-CDKTCN ngày 1/12/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho Sinh viên đạt chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (giải khuyến khích) trong Kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ XI năm 2020; Quyết định số 724/QĐ-CDKTCN ngày 14/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2020-2021 |
| 672 | | | | 8.3.02 | Quyết định số 1733/QĐ-CDKTCN ngày 30/10/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể, cá nhân học sinh, sinh viên năm học 2019- 2020; Quyết định số 1755/QĐ-CDKTCN ngày |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | 03/11/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng cuối khóa học sinh trung cấp khóa 12; Quyết định số 438/QĐ-CĐKTCN ngày 07/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng cuối khóa ập thể, cá nhân sinh viên cao đẳng khóa 12 , cao đẳng liên thông Khóa 13 (đợt 1); Quyết định số 1499/QĐ-CĐKTCN ngày 5/10/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng đợt xuất sinh viên có sáng kiến trong học tập năm học 2019- 2020; Quyết định số 1499/QĐ-CĐKTCN ngày 5/10/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng học sinh, sinh viên xuất sắc tiêu biểu trong hoạt động ký túc xá, năm học 2019-2020; Quyết định số 1930/QĐ-CĐKTCN ngày 1/12/2020 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng sinh viên đạt chứng chỉ Kỹ năng nghề xuất sắc (giải khuyến khích) trong Kỳ thi tay nghề quốc gia lần thứ XI năm 2020; Quyết định số 635/QĐ-CĐKTCN ngày 7/5/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng học sinh đạt huy chương đồng Hội thi giải Vô địch Vovinam trẻ toàn quốc năm 2020; Quyết định số 451/QĐ-CĐKTCN ngày 8/4/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc khen thưởng sinh viên đạt giải nhì Hội thi Olympic tiếng Anh học sinh, sinh viên tỉnh Khánh Hòa lần thứ I- năm 2021; Quyết định số 1069/QĐ-CĐKTCN ngày 12/7/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc khen thưởng nhóm tác giả và cá nhân Học sinh đạt giải khuyến khích trong Cuộc thi Sáng tạo Thanh, thiếu niên, nhi đồng tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX (2020-2021); Quyết định số 1070/QĐ-CĐKTCN ngày 12/7/2021 của Hiệu Trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang Về việc khen thưởng cho Sinh viên có đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường năm học 2020-2021 |
| 673 | | | | 8.1.06 | Quyết định số 1464/QĐ-CĐKTCN ngày 10/10/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định Công tác giáo viên chủ nhiệm của Trường cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 674 | | | 8.3.03 | | Quyết định số 1525/QĐ-CDKTCN ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc phân công giáo viên chủ nhiệm năm học 2020-2021 |
| 675 | | | 8.3.04 | | Các báo cáo kết quả đánh giá công tác chủ nhiệm năm học 2020- 2021 |
| 676 | | | 8.3.05 | | Thông báo số 1585/TB-CDKTCN ngày 16/10/2020 về việc đăng ký tài khoản thư viện cho HSSV khóa 14; Thông báo số 326/TB-CDKTCN ngày 23/3/2021 về việc hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử dành cho HSSV khóa 14 |
| 677 | | | 8.3.06 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, giáo viên về thực hiện chính sách đối với người học |
| 678 | 8 | 4 | | 8.1.01 | Kế hoạch số 732/KH-CDKTCN ngày 20/5/2020 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2020 – 2021; Kế hoạch số 107/KH-CDKTCN ngày 25/01/2021 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh năm học 2021-2021 |
| 679 | | | 8.4.01 | | Quyết định số 841/QĐ-CDKTCN ngày 22/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang |
| 680 | | | | 1.5.02 | Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng của trường năm học 2021-2022 |
| 681 | | | 8.4.02 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân |
| 682 | 8 | 5 | 8.5.01 | | Quyết định số 143/QĐ-CDKTCN ngày 14/02/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Dịch vụ - Sản xuất |
| 683 | | | 8.5.02 | | Quyết định số 567/QĐ-CDKTCN ngày 26/4/2018 của Hiệu trưởng Quy định tổ chức hoạt động ký túc xá theo |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 684 | | | 8.5.03 | | Danh sách HSSV ở KTX |
| 685 | | | 8.5.04 | | Giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm số 1903/ATTP-CNDK ngày 02/11/2018 có hiệu lực 3 năm |
| 686 | | | 8.5.05 | | Báo cáo hoạt động của nhà ăn và ký túc xá |
| 687 | | | 8.5.06 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về người học |
| 688 | 8 | 6 | 8.6.01 | | Hồ sơ cán bộ y tế |
| 689 | | | 8.6.02 | | Danh mục thiết bị y tế cơ bản của trường “biên bản kiểm kê tài sản” |
| 690 | | | 8.6.03 | | Kế hoạch công tác y tế năm học 2020-2021 ngày 7/9/2020 |
| 691 | | | 8.6.04 | | Báo cáo hoạt động y tế trường học năm 2020-2021 |
| 692 | | | 8.6.05 | | Kế hoạch số 1727/KH-CĐKTCN ngày 30/10/2020 về việc khám sức khỏe cho học sinh, sinh viên mới nhập học năm học 2020-2021 |
| 693 | | | 8.6.06 | | Kế hoạch số 546/KH-CĐKTCN ngày 23/4/2021 về việc tổ chức truyền thông giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho HSSV, năm học 2020-2021; Kế hoạch số 1572/KH-CĐKTCN ngày 14/2/2020 về việc tổ chức truyền thông, chống HIV/AIDS cho HSSV, năm học 2020-2021; Thông báo 1301/TB-CĐKTCN ngày 28/8/2020 về việc phân công khu vực vệ sinh toàn trường; Thông báo số 1488/TB-CĐKTCN ngày 2/10/2020 về việc vệ sinh toàn trường chào đón năm học mới 2020-2021; Thông báo số 1804/TB-CĐKTCN ngày 2/10/2020 về việc vệ sinh toàn trường chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2021 |
| 694 | | | 8.6.07 | | Quyết định số 717/QĐ-CĐKTCN ngày 13/5/2021 về việc thành lập ban giám sát phòng, chống dịch; Thông báo số 718/TB-CĐKTCN ngày 13/05/2021 về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19; Thông báo số 760/TB-CĐKTCN ngày 25/05/2021 về |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | việc dạy và học Văn hóa lớp 12 sau thời gian nghỉ để phòng chống dịch bệnh Covid-19; Kế hoạch số 769/KH-CĐKTCN ngày 25/05/2021 về việc chuẩn bị triển khai phòng chống dịch bệnh Covid-2019 đối với HSSV; Thông báo số 815/TB-CĐKTCN ngày 1/06/2021 về việc triển khai các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; Thông báo số 876/TB-CĐKTCN ngày 11/06/2021 về việc triển khai phòng chống dịch Covid-2019; Thông báo số 973/TB-CĐKTCN ngày 24/06/2021 về việc tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-2019; Thông báo số 1043/TB-CĐKTCN ngày 8/07/2021 về việc triển khai phòng chống dịch Covid-2019 |
| 695 | | | | 8.5.05 | Báo cáo hoạt động của nhà ăn và ký túc xá |
| 696 | | | | 8.5.06 | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về người học |
| 697 | | | 8.6.08 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và cán bộ quản lý, nhà giáo về dịch vụ ý tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe |
| 698 | 8 | 7 | 8.7.01 | | Chương trình số 01/CT-ĐTN ngày 3/9/2020 chương trình công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2020-2021; Chương trình công tác Hội sinh viên và phong trào sinh viên năm học 2020-2021; Kế hoạch hoạt động của Công đoàn trường năm học 2020-2021 |
| 699 | | | 8.7.02 | | Kế hoạch 101/KH- CĐKTCN ngày 25/1/2021 về việc tổ chức cuộc thi ảnh online trên fanpage tuyển sinh; Kế hoạch 141/ KH- CĐKTCN ngày 3/2/2021 về việc Hội thi sáng tạo Khoa học- Kỹ thuật tỉnh Khánh Hòa lần thứ IX (2020-2021); Kế hoạch 04/KH- CĐKTCN ngày 5/9/2020 về việc tổ chức Hội thi sáng tạo Khoa học- Kỹ thuật cấp trường lần thứ I năm học 2020-2021; Kế hoạch 721/KH- CĐKTCN ngày 14/5/2021 về việc phát động Cuộc thi viết về Kỹ năng lao động Việt Nam; Kế hoạch ngày 21/12/2020 về việc tổ chức chương trình Giao lưu văn hóa ẩm thực và sử dụng gia vị trong chế biến món ăn; Kế hoạch 1427/ KH- CĐKTCN ngày 29/10/2020 về việc phát động tuần thu đua “Dạy tốt- |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| | | | | | Học tốt” chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11; Kế hoạch 34/KH- CĐKTCN ngày 18/1/2021 về việc tổ chức hoạt động nâng cao năng lực giao tiếp Tiếng Anh cho học sinh-Sinh viên của trường năm học 2020-2021; Kế hoạch 2133 /KH- CĐKTCN ngày 11/12/2020 về việc tổ chức giải bóng đá Futsal Mừng Đảng- Mừng Xuân Tân Sửu 2021, chào mừng ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, Ngày truyền thống HSSV 9/1; Kế hoạch 16 /KH- HSV ngày 16/12/2020 về việc Tổ chức chương trình Mừng Đảng- Mừng xuân, kỷ niệm 71 năm ngày truyền thống Học sinh, sinh viên và Hội Sinh viên Việt Nam (09/01/1950- 09-01/2020), Tuyên dương “Sinh viên 5 tốt” năm học 2020- 2021 |
| 700 | | | 8.7.03 | | Kế hoạch số 38/KH-ĐTN ngày 05/3/2021 của BCH đoàn trường về việc tổ chức cuộc thi trang trí ghế đá trong khuôn viên trường; Kế hoạch số 55/KH-CĐKTCN ngày 15/1/2021 về việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức cơ bản về “Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả” Kế hoạch số 444/KH-CĐKTCN ngày 08/4/2021 về việc tổ chức bồi dưỡng kiến thức cơ bản về “ Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả |
| 701 | | | 8.7.04 | | Báo cáo kết quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể năm học 2020-2021 |
| 702 | | | 8.7.05 | | Kế hoạch số 46/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2021 về việc tổ chức chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh năm 2021; Kế hoạch số 45/KHLT-ĐT,HSV ngày 18/5/2021 về việc Tổ chức “Tiếp sức mùa thi”; Các Kế hoạch hiến máu tình nguyện năm học 2020-2021 |
| 703 | | | 8.7.06 | | Kế hoạch số 5/KH-ĐTN ngày 05/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày chủ nhật xanh”; Kế hoạch số 18/KH-ĐTN ngày 30/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày chủ nhật xanh”; Kế hoạch số 7/KH-ĐTN ngày 07/9/2020 của BCH đoàn trường về việc tổ chức “Ngày thứ 7 xanh” |
| 704 | | | 8.7.07 | | Quyết định số 1492/QĐ-ĐTN ngày 2/10/2020 về việc kiện toàn tiểu đội tự vệ Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang; Quyết định số 15/QĐ-ĐTN ngày 9/11/2020 về việc thành lập đội thanh niên xung kích bảo vệ an ninh trật tự; Quyết định số 14/QĐ-ĐTN |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | ngày 8/11/2020 về việc thành lập đội hình thanh niên tình nguyện tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông; Kế hoạch 1833 /KH- CĐKTCN ngày 16/11/2020 về việc Tham gia vòng phát động Hội thi tìm hiểu phong trào toàn dân bảo vệ ANTK trong HSSV các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2020; Kế hoạch số 1865/KH-CĐKTCN ngày 23/11/2020 về việc tổ chức tọa đàm nâng cao nhận thức về Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới cho Sinh viên ‘tôn trọng, ngừng quấy rối và phân biệt đối xử’; Quyết định số 874/QĐ- BTTTT ngày 17/6/2021 Về việc ban hành bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội; Kế hoạch số 507/KH-CĐKTCN ngày 19/4/2021 về việc thực hiện chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Kế hoạch 22/KH-CĐKTCN ngày 24/11/2020 về việc thi hưởng ứng cuộc thi thanh niên với văn hóa giao thông năm 2020; Kế hoạch số 15/KH-ĐTN ngày 25/9/2020 về việc phối hợp tổ chức tuyên truyền phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, vận động toàn dân giao nộp vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trong HSSV; Báo cáo tổng kết năm học 2020-2021 của trường |
| 705 | | | 8.7.08 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học và nhà giáo trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và an ninh trong nhà trường |
| 706 | 8 | 8 | 8.8.01 | | Các thông báo của doanh nghiệp xin tuyển lao động tại cổng thông tin sinh viên địa chỉ: sv.cdktcnnt.edu.vn |
| 707 | | | 8.8.02 | | Kế hoạch số 488/KH- CĐKTCN ngày 15/4/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2021 |
| 708 | | | 8.8.03 | | Kế hoạch phát bằng tốt nghiệp |
| 709 | | | 8.8.04 | | Danh sách doanh nghiệp tham dự lễ tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp |
| 710 | 8 | 9 | 8.9.01 | | Kế hoạch số 1571/KH- CĐKTCN ngày 14/10/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| | | | | | thuật Công nghệ Nha Trang về việc Quan hệ doanh nghiệp năm 2020-2021 |
| 711 | | | 8.9.02 | | Kế hoạch số 642/KH- CĐKTCN ngày 7/5/2021 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về Hội nghị ký kết hợp tác đào tạo- Tư vấn việc làm, tuyển dụng - Thực tập tại doanh nghiệp năm 2021 |
| 712 | | | | 8.8.03 | Kế hoạch phát bằng tốt nghiệp |
| 713 | | | | 8.8.04 | Danh sách doanh nghiệp tham dự lễ tốt nghiệp và tư vấn việc làm cho HSSV tốt nghiệp |
| 714 | | | | 8.8.01 | Các thông báo của doanh nghiệp xin tuyển lao động tại cổng thông tin sinh viên địa chỉ: sv.cdktcnnt.edu.vn |
| 715 | | | | 8.1.03 | Trang website của trường |
| 716 | | | 8.9.03 | | Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát kết quả và báo cáo khảo sát người học và cán bộ quản lý, nhà giáo |
| 717 | 9 | 1 | 9.1.01 | | Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 718 | | | 9.1.02 | | Danh sách các đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến năm 2021 |
| 719 | | | 9.1.03 | | Danh sách người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động năm 2021 |
| 720 | | | 9.1.04 | | Phiếu khảo sát thu thập ý kiến sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp 2021 |
| 721 | | | 9.1.05 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|---|
| 722 | 9 | 2 | | 9.1.01 | Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 723 | | | 9.2.01 | | Danh sách cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm 2021 |
| 724 | | | 9.2.02 | | Các Phiếu khảo sát thu thập ý kiến 2021 |
| 725 | | | 9.2.03 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về 2021 |
| 726 | 9 | 3 | | 9.1.01 | Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 727 | | | 9.3.01 | | Danh sách học sinh, sinh viên năm 2021 |
| 728 | | | 9.3.02 | | Danh sách học sinh, sinh viên được thu thập ý kiến năm 2021 |
| 729 | | | 9.3.03 | | Phiếu khảo sát thu thập ý kiến về chất lượng năm 2021 |
| 730 | | | 9.3.04 | | Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến về chất lượng năm 2021) |
| 731 | 9 | 4 | 9.4.01 | | Công văn số 96/CKĐCL-KĐ ngày 12/5/2020 về việc tự đánh giá chất lượng |
| 732 | | | | 1.6.07 | Quyết định số 682/QĐ-CĐKTCN ngày 11/5/2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021 |
| 733 | | | 9.4.02 | | Kế hoạch số 683/KH-CĐKTCN ngày 11/5/2021 của Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2021 |
| 734 | | | | 1.7.12 | Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021 |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|-------|----------|------------|---------------|---------------|--|
| 735 | | | | 1.7.13 | Kế hoạch số 665/KH-CDKTCN ngày 10/5/2021 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo 15 nghề trình độ trung cấp, cao đẳng hiện đang tổ chức đào tạo tại trường năm 2021 |
| 736 | | | | 1.7.14 | Kế hoạch công tác của phòng Bảo đảm chất lượng - Khảo thí năm học 2020-2021 |
| 737 | | | | 1.5.01 | Các Báo cáo tổng kết công tác năm học 2020-2021 và phương hướng năm học 2021-2022 của các đơn vị |
| 738 | 9 | 5 | 9.5.01 | | Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN năm 2020 |
| 739 | | | | 9.5.02 | Báo cáo tự đánh giá chất lượng 15 chương trình đào tạo năm 2020 |
| 740 | | | | 9.5.03 | Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng năm 2020 |
| 741 | | | | 1.7.07 | Thông báo số 243/TB-CDKTCN ngày 08/03/2021 của Hiệu trưởng về việc Thông báo những tồn tại công tác BĐCL năm 2020 |
| 742 | | | | 1.4.02 | Kế hoạch số 380/KH-CDKTCN ngày 31/3/2021 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác BĐCL năm 2020 |
| 743 | | | | 9.5.04 | Kế hoạch số 1662/KH-CDKTCN ngày 16/11/2021 của Hiệu trưởng về việc xây dựng và phát triển hệ thống Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang năm 2021 |
| 744 | 9 | 6 | | 9.1.01 | Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức & Người lao động, Học sinh, sinh viên, Cựu sinh viên và Doanh nghiệp về thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2021 |
| 745 | | | | 9.3.01 | Danh sách học sinh, sinh viên năm 2021 |
| 746 | | | | 9.6.01 | Quyết định công nhận kết quả tốt nghiệp hệ cao đẳng khóa 12, hệ trung cấp khóa 12/9 (thi lại lần 1) |

| Số TT | Tiêu chí | Tiêu chuẩn | Mã minh chứng | MC dụng chung | Tên minh chứng |
|--------------|-----------------|-------------------|----------------------|----------------------|--|
| 747 | | | 9.6.02 | | Các Phiếu khảo sát điều tra lần vết các năm 2021 |
| 748 | | | 9.6.03 | | Báo cáo kết quả điều tra lần vết năm 2021 |